ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1775/QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 03 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính điều chỉnh, bổ sung và thay thế được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã về việc công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1881/TTr-SXD ngày 31/7/ 2020 và Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 1961/TTr-VPUBND ngày 31/7/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính điều chỉnh, bổ sung, thay thế được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước *(Phụ lục kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thay thế được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, UBND cấp huyện thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng;
- LĐVP; P.KSTTHC, KT, TTPVHCC;;
- Lưu: VT (Ch).

CHỦ TỊCH

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ QUẢN LÝ CỦA NGÀNH XÂY DỰNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1775/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
I – LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG, KIẾN TRÚC				
1	1.002701.000.00.00.H10	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	9	2
2	1.003011.000.00.00.H10	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.	11	2
3	1.008432.000.00.00.H10	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	13	3
II – LĨNH VỰC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG				
1	1.007304.000.00.00.H10	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	15	3
2	1.007357.000.00.00.H10	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III	23	3
3	1.007391.000.00.00.H10	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng)	28	3
4	1.006930.000.00.00.H10	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Điểm b Khoản 5 Điều 10 của Nghị định 59 được sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42 Khoản 4 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP	36	2
5	1.006938.000.00.00.H10	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP	46	2
6	1.006940.	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự	60	2

	000.00.00.H10	toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Khoản 9, 10 và 11 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP)		
7	1.007408. 000.00.00.H10	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	71	3
8	1.007409. 000.00.00.H10	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	77	3
9	1.007392. 000.00.00.H10	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài	80	3
10	1.007394. 000.00.00.H10	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	84	3
11	1.007396. 000.00.00.H10	Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	91	3
12	1.007399. 000.00.00.H10	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	97	3
13	1.007401. 000.00.00.H10	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP)	104	3
14	1.007402. 000.00.00.H10	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (đối với trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn)	109	3
15	1.007403. 000.00.00.H10	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp.	114	3
16	1.006949. 000.00.00.H10	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	124	2
17	1.007197. 000.00.00.H10	Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu	140	2

		tư trực tiếp nước ngoài.		
18	1.007203.000.00.00.H10	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	145	3
19	1.007207.000.00.00.H10	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	150	3
20	1.007145.000.00.00.H10	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	154	2
21	1.007187.000.00.00.H10	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	162	2
III- LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN				
1	1.002643.000.00.00.H10	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư.	170	3
2	1.002630.000.00.00.H10	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư	186	3
3	1.002572.000.00.00.H10	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	199	3
4	1.002625.000.00.00.H10	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	205	3
IV- LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ				
1	1.007748.000.00.00.H10	Gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	214	3
2	1.007750.000.00.00.H10	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	217	4
3	1.007757.000.00.00.H10	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	219	3

4	1.007758.000.00.00.H10	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	226	3
5	1.007761.000.00.00.H10	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	237	3
6	1.007762.000.00.00.H10	Thẩm định giá bán, thuê mua, thê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh.	240	3
7	1.007763.000.00.00.H10	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh	242	3
8	1.007764.000.00.00.H10	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	245	3
9	1.007765.000.00.00.H10	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	259	3
10	1.007767.000.00.00.H10	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	270	3
11	1.007766.000.00.00.H10	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	276	3
12	1.007752.000.00.00.H10	Chấp thuận chủ trương dự án ĐTXD nhà ở thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Nhà ở năm 2014 (trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công)	280	3
13	1.006873.000.00.00.H10	Công nhận hạng/ công nhận lại hạng nhà chung cư	286	3
14	1.006876.000.00.00.H10	Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư	291	3
V- LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG				
1	1.002696.000.00.00.H10	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	296	2
2	2.001116.000.00.00.H10	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng	301	3
3	1.002621.000.00.00.H10	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp xây dựng do UBND cấp tỉnh	306	3

		đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin.		
4	1.002515.000.00.00.H10	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động.	308	3
VI- LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG				
1	1.006871.000.00.00.H10	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	317	4
VII- LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ				
1	1.002562.000.00.00.H10	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	321	3
2	1.002526.000.00.00.H10	Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	323	3

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
I – LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG, KIẾN TRÚC				
1	1.002662.000.00.00.H10	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.	325	2
2	1.003141.000.00.00.H10	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.	327	2
3	1.008455.000.00.00.H10	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	329	3
II– LĨNH VỰC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG				

1	1.007257.000.00.00.H10	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP	331	2
2	1.007254.000.00.00.H10	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP	341	2
3	1.007262.000.00.00.H10	Cấp GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	352	3
4	1.007286.000.00.00.H10	Điều chỉnh GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	369	2
5	1.007287.000.00.00.H10	Gia hạn đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	373	2
6	1.007288.000.00.00.H10	Cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	377	2
7	1.007266.000.00.00.H10	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	381	2
8	1.007285.000.00.00.H10	Cấp giấy phép di dời công trình đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	389	2
III – LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT				
1	1.002693.000.00.00.H10	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	397	2

Phần II
NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ QUẢN LÝ CỦA NGÀNH XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC

1. Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh. Mã số TTHC: 1.002701.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

- Bước 2: Căn cứ vào yêu cầu quản lý, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, đề xuất của chủ đầu tư, Sở Xây dựng xem xét thẩm định hồ sơ, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan có liên quan (nếu có). Nếu hồ sơ đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch theo hồ sơ thẩm định của Sở Xây dựng; nếu hồ sơ không đủ điều kiện thẩm định, Sở Xây dựng có văn bản trả lời cho chủ đầu tư.

- Bước 3: Tổ chức thực hiện TTHC nhận kết quả phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận và nộp lệ phí theo đúng quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Tờ trình đề nghị thẩm định; thuyết minh nội dung nhiệm vụ; các bản vẽ in màu thu nhỏ; dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; các văn bản pháp lý có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 04 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: **30** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian thẩm định tại Sở Xây dựng là **20** ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt của UBND tỉnh là **10** ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ trình phê duyệt của Sở Xây dựng.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.

h) Lệ phí: Thu chi phí theo Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không có

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

2. Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh. Mã số TTHC: 1.003011.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

- Bước 2: Căn cứ vào yêu cầu quản lý, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, đề xuất của chủ đầu tư, Sở Xây dựng xem xét thẩm định hồ sơ, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan có liên quan (nếu có). Nếu hồ sơ đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch theo hồ sơ thẩm định của Sở Xây dựng; nếu hồ sơ không đủ điều kiện thẩm định, Sở Xây dựng có văn bản trả lời cho chủ đầu tư.

- Bước 3: Tổ chức thực hiện TTHC nhận Quyết định phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận và nộp lệ phí theo đúng quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án; thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch; Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; Các phụ lục tính toán kèm theo; Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; Các văn bản pháp lý có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 10 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: **30** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian thẩm định tại Sở Xây dựng là **20** ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt của UBND tỉnh là **10** ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ trình phê duyệt của Sở Xây dựng.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết.

h) Lệ phí: Thực hiện thu phí theo Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

3. Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh. Mã số TTHC: 1.008432.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ đề nghị Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng trên dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Bước 2: Căn cứ vào yêu cầu quản lý, Sở Xây dựng (Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng cấp tỉnh) có trách nhiệm rà soát thông tin về địa điểm xây dựng, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng, các thông tin khác liên quan đến quy hoạch và cung cấp thông tin quy hoạch cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Bước 3: Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC nhận kết quả Văn bản cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng trên dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến tại Bộ phận trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận và nộp lệ phí (nếu có).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Đơn đề nghị cung cấp thông tin quy hoạch (trong đó ghi rõ thông tin về vị trí, địa điểm lô đất cần cung cấp thông tin).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: **10** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản cung cấp thông tin về địa điểm xây dựng, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng và thông tin khác liên quan đến quy hoạch.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí và phí: Không quy định

- Chi phí thực tế (tài liệu, in ấn, trích lục...).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

II. LĨNH VỰC QUẢN LÝ XÂY DỰNG

1. Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III. Mã số TTHC: 1.007304.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III gửi 01 bộ hồ sơ thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Công chức tiếp nhận hồ sơ sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Sở Xây dựng để thực hiện cấp chứng chỉ.

Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.

Trong 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp chứng chỉ năng lực.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

(2) Quyết định thành lập tổ chức trong trường hợp có quyết định thành lập.

(3) Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng với phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận (đối với trường hợp tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khảo sát).

(4) Chứng chỉ hành nghề hoặc kê khai mã số chứng chỉ hành nghề trong trường hợp đã được cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 của các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề; các văn bằng được đào tạo của cá nhân tham gia thực hiện công việc.

(5) Văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp của công nhân kỹ thuật (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực thi công xây dựng).

(6) Hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành các công việc tiêu biểu đã thực hiện theo nội dung kê khai.

- Các tài liệu trong thành phần hồ sơ từ số hai (2) đến số sáu (6) phải là bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh chụp màu từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quá **10** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tham gia hoạt động xây dựng.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng.

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III.

h) Phí, Lệ phí: 1.000.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 4 Thông tư 172/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

k1) Điều kiện chung đối với tổ chức xin cấp chứng chỉ năng lực:

Tổ chức tham gia hoạt động xây dựng phải là doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc tổ chức có chức năng hoạt động xây dựng được thành lập theo quy định của pháp luật và đáp ứng các yêu cầu cụ thể đối với từng lĩnh vực hoạt động xây dựng.

k2) Điều kiện riêng đối với từng loại tổ chức xin cấp chứng chỉ năng lực:

(1) Tổ chức khảo sát xây dựng:

- Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

+ Cá nhân tham gia thực hiện khảo sát có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Đã thực hiện khảo sát xây dựng ít nhất 1 (một) dự án từ nhóm B hoặc 2 (hai) dự án nhóm C hoặc hoặc 03 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III trở lên cùng loại hình khảo sát.

- *Hạng III:*

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

+ Cá nhân tham gia thực hiện khảo sát có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

(2) Tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng:

- *Hạng II:*

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm đồ án quy hoạch, chủ trì các bộ môn kiến trúc – quy hoạch, kinh tế đô thị và các chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật khác của đồ án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Đã thực hiện lập ít nhất 01 (một) đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 (hai) đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được UBND cấp huyện phê duyệt.

- *Hạng III:*

Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm đồ án quy hoạch, chủ trì các bộ môn kiến trúc – quy hoạch, kinh tế đô thị và các chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật khác của đồ án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

(3) Tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng:

- *Hạng II:*

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì các bộ môn thiết kế có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Cá nhân tham gia thực hiện thiết kế có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Đã thực hiện thiết kế ít nhất 1 (một) công trình cấp II trở lên hoặc 2 (hai) công trình cấp III trở lên cùng loại.

- *Hạng III:*

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì các bộ môn thiết kế có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Cá nhân tham gia thực hiện thiết kế có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

(4) Tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng:

- *Hạng II:*

+ Cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Cá nhân tham gia quản lý dự án có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhận và loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ;

+ Đã thực hiện quản lý dự án ít nhất 01 (một) dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 (hai) dự án từ nhóm C cùng loại trở lên;

- *Hạng III:*

+ Cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Cá nhân tham gia thực hiện quản lý dự án có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhận và loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

(5) Tổ chức thi công xây dựng công trình:

- *Hạng II:*

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận và thời gian công tác ít nhất là 01 năm đối với trình độ đại học, 03 năm đối với trình độ cao đẳng nghề;

+ Công nhân kỹ thuật thực hiện các công việc thi công có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc, thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng các công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận;

+ Đã trực tiếp thi công công việc thuộc hạng mục công trình chính liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ của ít nhất 01 (một) công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 (hai) công trình từ cấp III trở lên cùng loại.

- *Hạng III:*

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Công nhân kỹ thuật thực hiện các công việc thi công có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc, thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng các công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận;

(6) Tổ chức giám sát thi công xây dựng:

- *Hạng II:*

+ Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng công trường có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng từ hạng II trở lên, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Đã giám sát thi công xây dựng của ít nhất 01 (một) công trình từ cấp II hoặc 02 (hai) công trình từ cấp III trở lên cùng loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

- *Hạng III:* Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng công trường có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng từ hạng III trở lên, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

- Thông tư 172/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

- Căn cứ Quyết định số 1155/QĐ-BXD ngày 22/8/2018 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC V

BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 /7/2018 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Số điện thoại: .....Số fax: .....

4. Email .....Website: .....

5. Người đại diện theo pháp luật: .....

Họ và tên: .....Chức vụ: .....

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập số: .....
Nơi cấp:.....Ngày cấp: .....

7. Ngành nghề kinh doanh chính: .....

8. Mã số chứng chỉ năng lực (nếu có): .....

Số Chứng chỉ: .....ngày cấp .....nơi cấp: .....

Lĩnh vực hoạt động xây dựng: .....

9. Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề và cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan của tổ chức

a) Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề:

STT	Họ và tên	Vị trí/Chức danh	Số chứng chỉ hành nghề[1]	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
...				

(Ghi chú: Phần chữ thường in nghiêng là nội dung thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung).

b) Danh sách cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực cấp chứng chỉ:

STT	Họ và tên	Vị trí/chức danh	Trình độ chuyên môn	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
....				

10. Kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:

STT	**Nội dung hoạt động xây dựng** *(Ghi rõ lĩnh vực hoạt động và vai trò: nhà thầu chính, nhà thầu phụ, tổng thầu,...)*	**Thông tin công trình**	**Chủ đầu tư** *(Tên chủ đầu tư, số điện thoại liên hệ)*	**Ghi chú**
1	Nội dung công việc thực hiện:	*(Tên dự án/công trình; nhóm dự án; loại, cấp công trình; vị trí xây dựng)*		
2				
...				

11. Kê khai máy móc, thiết bị *(đối với tổ chức thi công xây dựng, tổ chức khảo sát xây dựng)*

STT	Loại máy móc, thiết bị phục vụ thi công	Số lượng	Công suất	Tính năng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Sở hữu của tổ chức hay đi thuê	Chất lượng sử dụng hiện nay
1								
2								
...								

Đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hoạt động: .....Hạng: .....

□ Cấp lần đầu, điều chỉnh hạng

□ Cấp lại

(Ghi chú: Phần chữ thường in nghiêng là nội dung thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung).

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ: .....22.....

□ Điều chỉnh, bổ sung

(Tên tổ chức) chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

---

[1] Đối với chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, số chứng chỉ hành nghề cần kê khai đầy đủ theo khoản 6 Điều 44 Nghị định này.

(Ghi chú: Phần chữ thường in nghiêng là nội dung thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung).

2. Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III. Mã số TTHC: 1.007357.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III gửi 01 bộ hồ sơ thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Công chức tiếp nhận hồ sơ sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Sở Xây dựng để thực hiện cấp chứng chỉ.

Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.

Trong 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp chứng chỉ năng lực.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

+ Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu chứng chỉ năng lực đã được cấp, trường hợp bị mất chứng chỉ năng lực thì phải có cam kết của tổ chức đề nghị cấp lại.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quá **10** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tham gia hoạt động xây dựng.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng.

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III.

h) Phí, Lệ phí: 500.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 4 Thông tư 172/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu chứng chỉ năng lực đã được cấp, trường hợp bị mất chứng chỉ năng lực thì phải có cam kết của tổ chức đề nghị cấp lại.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư 172/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

- Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

- Căn cứ Quyết định số 1155/QĐ-BXD ngày 22/8/2018 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

PHỤ LỤC V

BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA

(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 /7/2018 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Số điện thoại: .....Số fax: .....

4. Email .....Website: .....

5. Người đại diện theo pháp luật: .....

Họ và tên: .....Chức vụ: .....

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập số: .....
Nơi cấp:.....Ngày cấp: .....

7. Ngành nghề kinh doanh chính: .....

8. Mã số chứng chỉ năng lực (nếu có): .....

Số Chứng chỉ: .....ngày cấp .....nơi cấp: .....

Lĩnh vực hoạt động xây dựng: .....

9. Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề và cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan của tổ chức

a) Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề:

STT	Họ và tên	Vị trí/Chức danh	Số chứng chỉ hành nghề[1]	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
...				

(Ghi chú: Phần chữ thường in nghiêng là nội dung thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung).

b) Danh sách cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực cấp chứng chỉ:

STT	Họ và tên	Vị trí/chức danh	Trình độ chuyên môn	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
....				

10. Kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:

STT	**Nội dung hoạt động xây dựng** *(Ghi rõ lĩnh vực hoạt động và vai trò: nhà thầu chính, nhà thầu phụ, tổng thầu,...)*	**Thông tin công trình**	**Chủ đầu tư** *(Tên chủ đầu tư, số điện thoại liên hệ)*	**Ghi chú**
1	Nội dung công việc thực hiện:	*(Tên dự án/công trình; nhóm dự án; loại, cấp công trình; vị trí xây dựng)*		
2				
...				

11. Kê khai máy móc, thiết bị *(đối với tổ chức thi công xây dựng, tổ chức khảo sát xây dựng)*

STT	Loại máy móc, thiết bị phục vụ thi công	Số lượng	Công suất	Tính năng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Sở hữu của tổ chức hay đi thuê	Chất lượng sử dụng hiện nay
1								
2								
...								

Đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hoạt động: .....Hạng: .....

□ Cấp lần đầu, điều chỉnh hạng

□ Cấp lại

(Ghi chú: Phần chữ thường in nghiêng là nội dung thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung).

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ: .....27.....

□ Điều chỉnh, bổ sung

(Tên tổ chức) chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

[1] Đối với chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, số chứng chỉ hành nghề cần kê khai đầy đủ theo khoản 6 Điều 44 Nghị định này.

(Ghi chú: Phần chữ thường in nghiêng là nội dung thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung).

3. Điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (về lĩnh vực hoạt động và hạng). Mã số TTHC: 1.007391.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III gửi 01 bộ hồ sơ thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Công chức tiếp nhận hồ sơ sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Sở Xây dựng để thực hiện cấp chứng chỉ.

Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.

Trong 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp chứng chỉ năng lực.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn.

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

(2) Quyết định thành lập tổ chức trong trường hợp có quyết định thành lập.

(3) Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng với phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận (đối với trường hợp tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khảo sát).

(4) Chứng chỉ hành nghề hoặc kê khai mã số chứng chỉ hành nghề trong trường hợp đã được cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 của các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề; các văn bằng được đào tạo của cá nhân tham gia thực hiện công việc.

(5) Văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp của công nhân kỹ thuật (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực thi công xây dựng).

(6) Hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành các công việc tiêu biểu đã thực hiện theo nội dung kê khai.

- Các tài liệu trong thành phần hồ sơ từ số hai (2) đến số sáu (6) phải là bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh chụp màu từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quá **10** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tham gia hoạt động xây dựng.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng.

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III.

h) Phí, Lệ phí: 500.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 4 Thông tư 172/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

k1) Điều kiện chung đối với tổ chức xin cấp chứng chỉ năng lực:

Tổ chức tham gia hoạt động xây dựng phải là doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc tổ chức có chức năng hoạt động xây dựng được thành lập theo quy định của pháp luật và đáp ứng các yêu cầu cụ thể đối với từng lĩnh vực hoạt động xây dựng.

k2) Điều kiện riêng đối với từng loại tổ chức xin cấp chứng chỉ năng lực:

(1) Tổ chức khảo sát xây dựng:

- Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

+ Cá nhân tham gia thực hiện khảo sát có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Đã thực hiện khảo sát xây dựng ít nhất 1 (một) dự án từ nhóm B hoặc 2 (hai) dự án nhóm C hoặc hoặc 03 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III trở lên cùng loại hình khảo sát.

- *Hạng III:*

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

+ Cá nhân tham gia thực hiện khảo sát có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

(2) Tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng:

- *Hạng II:*

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm đồ án quy hoạch, chủ trì các bộ môn kiến trúc - quy hoạch, kinh tế đô thị và các chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật khác của đồ án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Đã thực hiện lập ít nhất 01 (một) đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 (hai) đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được UBND cấp huyện phê duyệt.

- *Hạng III:*

Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm đồ án quy hoạch, chủ trì các bộ môn kiến trúc - quy hoạch, kinh tế đô thị và các chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật khác của đồ án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

(3) Tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng:

- *Hạng II:*

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì các bộ môn thiết kế có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Cá nhân tham gia thực hiện thiết kế có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Đã thực hiện thiết kế ít nhất 1 (một) công trình cấp II trở lên hoặc 2 (hai) công trình cấp III trở lên cùng loại.

- *Hạng III:*

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì các bộ môn thiết kế có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Cá nhân tham gia thực hiện thiết kế có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

(4) Tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng:

- *Hạng II:*

+ Cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Cá nhân tham gia quản lý dự án có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhận và loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ;

+ Đã thực hiện quản lý dự án ít nhất 01 (một) dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 (hai) dự án từ nhóm C cùng loại trở lên;

- *Hạng III:*

+ Cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Cá nhân tham gia thực hiện quản lý dự án có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhận và loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

(5) Tổ chức thi công xây dựng công trình:

- *Hạng II:*

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận và thời gian công tác ít nhất là 01 năm đối với trình độ đại học, 03 năm đối với trình độ cao đẳng nghề;

+ Công nhân kỹ thuật thực hiện các công việc thi công có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc, thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng các công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận;

+ Đã trực tiếp thi công công việc thuộc hạng mục công trình chính liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ của ít nhất 01 (một) công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 (hai) công trình từ cấp III trở lên cùng loại.

- *Hạng III:*

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Công nhân kỹ thuật thực hiện các công việc thi công có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc, thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng các công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận;

(6) Tổ chức giám sát thi công xây dựng:

- *Hạng II:*

+ Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng công trường có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng từ hạng II trở lên, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Đã giám sát thi công xây dựng của ít nhất 01 (một) công trình từ cấp II hoặc 02 (hai) công trình từ cấp III trở lên cùng loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

- *Hạng III*: Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng công trường có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng từ hạng III trở lên, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

- Thông tư 172/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

- Căn cứ Quyết định số 1155/QĐ-BXD ngày 22/8/2018 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

PHỤ LỤC V

BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA

(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 /7/2018 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

	....., ngày ..... tháng ..... năm .....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Số điện thoại: .....Số fax: .....

4. Email .....Website: .....

5. Người đại diện theo pháp luật: .....

Họ và tên: .....Chức vụ: .....

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập số: .....
Nơi cấp:.....Ngày cấp: .....

7. Ngành nghề kinh doanh chính: .....

8. Mã số chứng chỉ năng lực (nếu có): .....

Số Chứng chỉ: .....ngày cấp .....nơi cấp: .....

Lĩnh vực hoạt động xây dựng: .....

9. Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề và cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan của tổ chức

a) Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề:

STT	Họ và tên	Vị trí/Chức danh	Số chứng chỉ hành nghề[1]	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
...				

(Ghi chú: Phần chữ thường in nghiêng là nội dung thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung).

b) Danh sách cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực cấp chứng chỉ:

STT	Họ và tên	Vị trí/chức danh	Trình độ chuyên môn	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
....				

10. Kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:

STT	**Nội dung hoạt động xây dựng** *(Ghi rõ lĩnh vực hoạt động và vai trò: nhà thầu chính, nhà thầu phụ, tổng thầu,...)*	**Thông tin công trình**	**Chủ đầu tư** *(Tên chủ đầu tư, số điện thoại liên hệ)*	**Ghi chú**
1	Nội dung công việc thực hiện:	*(Tên dự án/công trình; nhóm dự án; loại, cấp công trình; vị trí xây dựng)*		
2				
...				

11. Kê khai máy móc, thiết bị *(đối với tổ chức thi công xây dựng, tổ chức khảo sát xây dựng)*

STT	Loại máy móc, thiết bị phục vụ thi công	Số lượng	Công suất	Tính năng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Sở hữu của tổ chức hay đi thuê	Chất lượng sử dụng hiện nay
1								
2								
...								

Đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hoạt động: .....Hạng: .....

□ Cấp lần đầu, điều chỉnh hạng

□ Cấp lại

(Ghi chú: Phần chữ thường in nghiêng là nội dung thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung).

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ: .....35.....

□ Điều chỉnh, bổ sung

(Tên tổ chức) chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

---

[1] Đối với chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, số chứng chỉ hành nghề cần kê khai đầy đủ theo khoản 6 Điều 44 Nghị định này.

(Ghi chú: Phần chữ thường in nghiêng là nội dung thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung).

4. Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Điểm b Khoản 5 Điều 10 của Nghị định 59 được sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42 Khoản 4 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP)). Mã số TTHC: 1.006930.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Người đề nghị thẩm định nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Công chức tiếp nhận hồ sơ sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Sở Xây dựng để thực hiện thẩm định.

- Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nộp hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản thông báo cho chủ đầu tư các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn và ký kết hợp đồng với tư vấn thẩm tra. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 15 (mười lăm) ngày làm việc đối với dự án nhóm B và 10 (mười) ngày làm việc đối với dự án nhóm C. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng, người quyết định đầu tư để làm cơ sở thẩm định. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

- Sau khi thẩm định Sở Xây dựng trình UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư và thiết kế cơ sở.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Văn bản pháp lý:**

+ Tờ trình thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh theo Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

+ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);

+ Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);

+ Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;

+ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;

+ Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

+ Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);

+ Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;

+ Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có)

*** Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):**

+ Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

+ Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);

+ Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

*** Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:**

Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở; Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

d.1) Thời gian thẩm định được tính từ ngày cơ quan, tổ chức thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, như sau:

- *Đối với thẩm định dự án/dự án điều chỉnh:*

+ Không quá **30** ngày làm việc đối với dự án nhóm B;

+ Không quá **20** ngày làm việc đối với dự án nhóm C.

- *Đối với thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh:*

+ Không quá **20** ngày làm việc đối với dự án nhóm B;

+ Không quá **15** ngày làm việc đối với dự án nhóm C.

d.2) Thời gian phê duyệt của UBND tỉnh (hoặc cơ quan được phân cấp): 05 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo kết quả thẩm định dự án đầu tư xây dựng, kết quả thẩm định Thiết kế cơ sở.

h) Phí, lệ phí: Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 1, Tờ trình Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh. Mẫu số 02, Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư. Mẫu số 03, Báo cáo kết quả thẩm tra dự án (nếu có).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015)

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …….	*……., ngày ….. tháng ….. năm …..*

TỜ TRÌNH

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thiết kế cơ sở

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)

1. Tên dự án: .....

2. Nhóm dự án: .....

3. Loại và cấp công trình: .....

4. Người quyết định đầu tư: .....

5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...): .....

6. Địa điểm xây dựng: .....

7. Giá trị tổng mức đầu tư: .....

8. Nguồn vốn đầu tư: .....

9. Thời gian thực hiện: .....

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: .....

11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: .....

12. Các thông tin khác (nếu có): .....

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);

- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);

- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;

- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);

- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;

- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

Tên người đại diện

Mẫu số 02
Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư
(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CHỦ ĐẦU TƯ **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …… V/v ……	*……, ngày ... tháng ... năm……*

BÁO CÁO TỔNG HỢP
Về hồ sơ trình thẩm định

Kính gửi: (Tên cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi Tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình (nếu có) do.... (đơn vị lập);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan…….;

(Tên chủ đầu tư) trình Báo cáo tổng hợp thiết kế và dự toán xây dựng công trình (nếu có) với các nội dung sau:

1. Sự phù hợp về thành phần, quy cách của hồ sơ thiết kế so với quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật (hồ sơ thiết kế bao gồm: thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan);

2. Thống kê các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng trong hồ sơ thiết kế xây dựng công trình;

3. Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (nếu có) (ngành nghề được phép thực hiện lập khảo sát, thiết kế xây dựng công trình theo giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc các chứng nhận được cơ quan có thẩm quyền cấp);

4. Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (mô tả chi Tiết về năng lực của các chủ nhiệm, chủ trì);

a. Các chủ nhiệm khảo sát xây dựng:

- Chủ nhiệm khảo sát xây dựng: ...(loại hình khảo sát được cấp theo chứng chỉ hành nghề)…… có đủ năng lực khảo sát xây dựng công trình và theo Chứng chỉ số …… ngày …… đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

b. Các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế xây dựng công trình:

- Chủ nhiệm thiết kế: …… có đủ năng lực chủ nhiệm thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số …… ngày …… đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

- Chủ trì thiết kế....(theo chuyên môn thiết kế được cấp theo chứng chỉ hành nghề): …… có đủ năng lực chủ nhiệm thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số …… ngày …… đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực./.

Nơi nhận:	**CHỦ ĐẦU TƯ**
- Như trên;	*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*
- Lưu.	

Mẫu số 03
Báo cáo kết quả thẩm tra dự án
(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN VỊ THẨM TRA **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …… V/v báo cáo kết quả thẩm tra dự án……	*……, ngày ... tháng ... năm……*

Kính gửi: (Chủ đầu tư)

(Tổ chức thẩm tra) đã nhận Văn bản số ... ngày ... của ……. đề nghị thẩm tra dự án ....(Tên dự án đầu tư xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi Tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Hợp đồng tư vấn số…… ngày…… tháng…… năm…… được ký kết giữa ……(Tổ chức thẩm tra) và ……(Chủ đầu tư);

Các căn cứ khác có liên quan ……;

Sau khi xem xét hồ sơ dự án, (Tổ chức thẩm tra) thông báo kết quả thẩm tra dự án ....(Tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình:

3. Người quyết định đầu tư:

4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):

5. Địa Điểm xây dựng:

6. Giá trị tổng mức đầu tư; nguồn vốn đầu tư:

7. Thời gian thực hiện:

8. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

9. Các thông tin khác (nếu có):

II. THÀNH PHẦN HỒ SƠ DỰ ÁN

1. Văn bản pháp lý (Liệt kê các văn bản pháp lý trong hồ sơ trình):

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế:

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN

1. Nội dung chủ yếu của dự án

(Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ dự án thẩm tra)

2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi Tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ dự án (Tên dự án), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ, thiếu/đủ hồ sơ theo quy định).

2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 54 Luật Xây dựng 2014.

3. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ ÁN

1. Nội dung thẩm tra thiết kế cơ sở: (một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư).

a) Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ;

b) Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ: Kết luận về bảo đảm an toàn xây dựng của giải pháp thiết kế; kiểm tra sự phù hợp của giải pháp thiết kế với các giải pháp bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ theo ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền theo Luật Bảo vệ môi trường, Luật Phòng cháy và chữa cháy;

c) Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế cơ sở: Đánh giá về danh Mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với quy định hiện hành; đánh giá sự tuân thủ trong việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế cơ sở.

2. Thẩm tra các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi:

a) Đánh giá về sự cần thiết đầu tư xây dựng gồm sự phù hợp với chủ trương đầu tư, khả năng đáp ứng nhu cầu tăng thêm về quy mô, công suất, năng lực khai thác sử dụng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong từng thời kỳ;

b) Đánh giá yếu tố bảo đảm tính khả thi của dự án gồm sự phù hợp về quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng; khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng đất, giải phóng mặt bằng xây dựng; nhu cầu sử dụng tài nguyên (nếu có), việc bảo đảm các yếu tố đầu vào và đáp ứng các đầu ra của sản phẩm dự án; giải pháp tổ chức thực hiện; kinh nghiệm quản lý của chủ đầu tư; bảo đảm quốc phòng, an ninh và các yếu tố khác;

c) Đánh giá yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án gồm tổng mức đầu tư:

- Kiểm tra phương pháp lập tổng mức đầu tư; đánh giá nội dung cơ cấu tổng mức đầu tư đề nghị thẩm tra; kiểm tra sự phù hợp trong việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá và chế độ chính sách liên quan trong công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Kiểm tra sự phù hợp khối lượng công việc trong tổng mức đầu tư; kiểm tra tính đúng đắn, hợp lý của nội dung chi phí trong tổng mức đầu tư;

- Giá trị tổng mức đầu tư sau thẩm tra (nêu rõ giá trị của từng Khoản Mục chi phí, nguyên nhân tăng, giảm)

d) Đánh giá tiến độ thực hiện dự án; chi phí khai thác vận hành; khả năng huy động vốn theo tiến độ, phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Dự án (Tên dự án) đủ Điều kiện (chưa đủ Điều kiện) để triển khai các bước tiếp theo.

- Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA DỰ ÁN

- (Ký, ghi rõ họ tên)

(Kết quả thẩm tra có thể được bổ sung thêm một số nội dung khác theo yêu cầu, phạm vi công việc thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)

ĐƠN VỊ THẨM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

5. Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5, Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP). Mã số TTHC: 1.006938.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Người đề nghị thẩm định nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Công chức tiếp nhận hồ sơ sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Sở Xây dựng để thực hiện thẩm định.

- Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do và từ chối thực hiện thẩm định.

- Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức có năng lực phù hợp theo quy định để ký hợp đồng thẩm tra phục vụ công tác thẩm định. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 10 (mười) ngày. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra, hồ sơ thiết kế đã đóng dấu thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để làm cơ sở thẩm định. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

- Sau khi thẩm định Sở Xây dựng trình UBND tỉnh (hoặc gửi cơ quan cấp dưới được phân cấp) phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

+ Hồ sơ trình thẩm định;

+ Nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt;

+ Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

+ Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có).

+ Văn bản pháp lý: Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công); Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có); Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo

đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có); Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư; Và các văn bản khác có liên quan.

+ Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán: Hồ sơ khảo sát xây dựng; Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ; Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

+ Hồ sơ năng lực của các nhà thầu: Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình; Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có); Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết:

Thời gian thẩm định không quá **15** ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Thời gian phê duyệt của UBND tỉnh (hoặc cơ quan được phân cấp): **05** ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Theo quy định tại Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh.

h) Lệ phí: Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 1, Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh. Mẫu số 02, Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư. Mẫu số 03, Báo cáo kết quả thẩm tra dự án (nếu có). Mẫu số 04, Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:*

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

- Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015)

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……..	*……., ngày ….. tháng ….. năm ….*

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình: .....

2. Loại, cấp, quy mô công trình: .....

3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,….): .....

4. Địa điểm xây dựng: .....

5. Giá trị dự toán xây dựng công trình: .....

6. Nguồn vốn đầu tư: .....

7. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng: .....

8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: .....

9. Các thông tin khác có liên quan: .....

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);

- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;

- Và các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình…. với các nội dung nêu trên./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

Tên người đại diện

Mẫu số 02
Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư
(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CHỦ ĐẦU TƯ **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …… V/v ……	*……, ngày ... tháng ... năm……*

BÁO CÁO TỔNG HỢP
Về hồ sơ trình thẩm định

Kính gửi: (Tên cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi Tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình (nếu có) do.... (đơn vị lập);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan…….;

(Tên chủ đầu tư) trình Báo cáo tổng hợp thiết kế và dự toán xây dựng công trình (nếu có) với các nội dung sau:

1. Sự phù hợp về thành phần, quy cách của hồ sơ thiết kế so với quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật (hồ sơ thiết kế bao gồm: thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan);

2. Thống kê các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng trong hồ sơ thiết kế xây dựng công trình;

3. Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (nếu có) (ngành nghề được phép thực hiện lập khảo sát, thiết kế xây dựng công trình theo giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc các chứng nhận được cơ quan có thẩm quyền cấp);

4. Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (mô tả chi Tiết về năng lực của các chủ nhiệm, chủ trì);

a. Các chủ nhiệm khảo sát xây dựng:

- Chủ nhiệm khảo sát xây dựng: ...(loại hình khảo sát được cấp theo chứng chỉ hành nghề)…… có đủ năng lực khảo sát xây dựng công trình và theo Chứng chỉ số …… ngày …… đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

b. Các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế xây dựng công trình:

- Chủ nhiệm thiết kế: …… có đủ năng lực chủ nhiệm thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số …… ngày …… đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

- Chủ trì thiết kế....(theo chuyên môn thiết kế được cấp theo chứng chỉ hành nghề): …… có đủ năng lực chủ nhiệm thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số …… ngày …… đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 03
Báo cáo kết quả thẩm tra dự án
(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN VỊ THẨM TRA **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …… V/v báo cáo kết quả thẩm tra dự án……	*……, ngày ... tháng ... năm……*

Kính gửi: (Chủ đầu tư)

(Tổ chức thẩm tra) đã nhận Văn bản số ... ngày ... của ……. đề nghị thẩm tra dự án ....(Tên dự án đầu tư xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi Tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Hợp đồng tư vấn số…… ngày…… tháng…… năm…… được ký kết giữa ……(Tổ chức thẩm tra) và ……(Chủ đầu tư);

Các căn cứ khác có liên quan ……;

Sau khi xem xét hồ sơ dự án, (Tổ chức thẩm tra) thông báo kết quả thẩm tra dự án ....(Tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình:

3. Người quyết định đầu tư:

4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):

5. Địa Điểm xây dựng:

6. Giá trị tổng mức đầu tư; nguồn vốn đầu tư:

7. Thời gian thực hiện:

8. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

9. Các thông tin khác (nếu có):

II. THÀNH PHẦN HỒ SƠ DỰ ÁN

1. Văn bản pháp lý (Liệt kê các văn bản pháp lý trong hồ sơ trình):

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế:

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN

1. Nội dung chủ yếu của dự án

(Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ dự án thẩm tra)

2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi Tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ dự án (Tên dự án), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ, thiếu/đủ hồ sơ theo quy định).

2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 54 Luật Xây dựng 2014.

3. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ ÁN

1. Nội dung thẩm tra thiết kế cơ sở: (một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư).

a) Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ;

b) Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ: Kết luận về bảo đảm an toàn xây dựng của giải pháp thiết kế; kiểm tra sự phù hợp của giải pháp thiết kế với các giải pháp bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ theo ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền theo Luật Bảo vệ môi trường, Luật Phòng cháy và chữa cháy;

c) Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế cơ sở: Đánh giá về danh Mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với quy định hiện hành; đánh giá sự tuân thủ trong việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế cơ sở.

2. Thẩm tra các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi:

a) Đánh giá về sự cần thiết đầu tư xây dựng gồm sự phù hợp với chủ trương đầu tư, khả năng đáp ứng nhu cầu tăng thêm về quy mô, công suất, năng lực

khai thác sử dụng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong từng thời kỳ;

b) Đánh giá yếu tố bảo đảm tính khả thi của dự án gồm sự phù hợp về quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng; khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng đất, giải phóng mặt bằng xây dựng; nhu cầu sử dụng tài nguyên (nếu có), việc bảo đảm các yếu tố đầu vào và đáp ứng các đầu ra của sản phẩm dự án; giải pháp tổ chức thực hiện; kinh nghiệm quản lý của chủ đầu tư; bảo đảm quốc phòng, an ninh và các yếu tố khác;

c) Đánh giá yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án gồm tổng mức đầu tư:

- Kiểm tra phương pháp lập tổng mức đầu tư; đánh giá nội dung cơ cấu tổng mức đầu tư đề nghị thẩm tra; kiểm tra sự phù hợp trong việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá và chế độ chính sách liên quan trong công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Kiểm tra sự phù hợp khối lượng công việc trong tổng mức đầu tư; kiểm tra tính đúng đắn, hợp lý của nội dung chi phí trong tổng mức đầu tư;

- Giá trị tổng mức đầu tư sau thẩm tra (nêu rõ giá trị của từng Khoản Mục chi phí, nguyên nhân tăng, giảm)

d) Đánh giá tiến độ thực hiện dự án; chi phí khai thác vận hành; khả năng huy động vốn theo tiến độ, phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Dự án (Tên dự án) đủ Điều kiện (chưa đủ Điều kiện) để triển khai các bước tiếp theo.

- Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA DỰ ÁN

- (Ký, ghi rõ họ tên)

(Kết quả thẩm tra có thể được bổ sung thêm một số nội dung khác theo yêu cầu, phạm vi công việc thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)

ĐƠN VỊ THẨM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

Mẫu số 04

Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN VỊ THẨM TRA **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …… V/v báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình	*……, ngày ... tháng ... năm……*

KẾT QUẢ THẨM TRA
THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Công trình: ……

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi Tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định, Thông tư khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ...về việc ...;

Các căn cứ khác có liên quan.

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra (số hiệu hợp đồng) giữa (Tên chủ đầu tư) và (Tên đơn vị thẩm tra) về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (Tên công trình). Sau khi xem xét, (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình: ... Loại, cấp công trình: ...
- Thuộc dự án đầu tư: ...
- Chủ đầu tư: ...
- Giá trị dự toán xây dựng công trình: ...
- Nguồn vốn:...
- Địa Điểm xây dựng:...

- Đơn vị khảo sát xây dựng: ...

- Đơn vị thiết kế, lập dự toán xây dựng: ...

II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)

2. Danh Mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:

3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.

(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của các hạng Mục công trình)

3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng công trình

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi Tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ của (Tên chủ đầu tư), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).

2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.

3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:

a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành;

b) Các cơ sở để xác định các Khoản Mục chi phí;

c) Về đơn giá áp dụng cho công trình;

d) Chi phí xây dựng hợp lý (Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm Tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình).

4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ

(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:

a) Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;

b) Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.

2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật:

- Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật:

3. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

- Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình.

- Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế đảm bảo an toàn cho công trình lân cận.

5. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

6. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

7. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN

1. Nguyên tắc thẩm tra:

a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;

b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các Khoản Mục chi phí khác trong dự toán công trình;

c) Về giá trị dự toán công trình.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị thẩm tra	Giá trị sau thẩm tra	Tăng, giảm (+;-)
1	Chi phí xây dựng			
2	Chi phí thiết bị (nếu có)			
3	Chi phí quản lý dự án			
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây			

	dựng			
5	Chi phí khác			
6	Chi phí dự phòng			
	Tổng cộng			

(có phụ lục chi Tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: (nêu rõ lý do tăng, giảm).

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đủ Điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

- ……

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)

ĐƠN VỊ THẨM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

6. Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Khoản 9, 10 và 11, Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP; Khoản 1, Điều 9, Nghị định số 144/2016/NĐ-CP). Mã số TTHC: 1.006940.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (với công trình thực hiện thiết kế 3 bước), hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (với công trình thực hiện thiết kế 2 bước) tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Công chức tiếp nhận hồ sơ sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Sở Xây dựng để thực hiện thẩm định.

- Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do và từ chối thực hiện thẩm định.

- Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức có năng lực phù hợp theo quy định để ký hợp đồng thẩm tra phục vụ công tác thẩm định. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 15 ngày làm việc đối với công trình cấp II và cấp III; 10 ngày làm việc đối với các công trình còn lại. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra, hồ sơ thiết kế đã đóng dấu thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để làm cơ sở thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng.

- Sau khi thẩm định Sở Xây dựng trình UBND tỉnh phê duyệt thiết kế xây dựng và dự toán đầu tư xây dựng công trình.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng (theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP);

* Văn bản pháp lý:

+ Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;

+ Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;

+ Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

+ Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

+ Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;

+ Các văn bản khác có liên quan.

* Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

+ Hồ sơ khảo sát xây dựng;

+ Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

+ Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

* Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

+ Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

+ Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

+ Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

+ Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

d.1) Thời gian thẩm định tại Sở Xây dựng.

- Thời gian thẩm định tại Sở Xây dựng.

+ Đối với công trình cấp II và cấp III: không quá **25** ngày làm việc.

+ Đối với các công trình còn lại: không quá **15** ngày làm việc.

d.1) Thời gian phê duyệt của UBND tỉnh (hoặc cơ quan được phân cấp): 05 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

+ UBND tỉnh đối với dự án từ 30 tỷ đồng trở lên.

+ Sở Xây dựng đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước dưới 30 tỷ đồng đối với các dự án thuộc nhóm C.

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo kết quả thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng.

h) Lệ phí: Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, thẩm định dự toán xây dựng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 1, Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán công trình. Mẫu số 02, Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư. Mẫu số 03, Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

-Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

- Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, thẩm định dự toán xây dựng.

- Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 01

(ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……..	*……., ngày ... tháng .... năm ……..*

TỜ TRÌNH

Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình: .....

2. Cấp công trình: .....

3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt .....

4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...): .....

5. Địa điểm xây dựng: .....

6. Giá trị dự toán xây dựng công trình: .....

7. Nguồn vốn đầu tư: .....

8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng: .....

9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: .....

10. Các thông tin khác có liên quan: .....

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;

- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;

- Các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

Tên người đại diện

Mẫu số 02
Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư
(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CHỦ ĐẦU TƯ **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …… V/v ……	*……, ngày ... tháng ... năm……*

BÁO CÁO TỔNG HỢP
Về hồ sơ trình thẩm định

Kính gửi: (Tên cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi Tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình (nếu có) do.... (đơn vị lập);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan…….;

(Tên chủ đầu tư) trình Báo cáo tổng hợp thiết kế và dự toán xây dựng công trình (nếu có) với các nội dung sau:

1. Sự phù hợp về thành phần, quy cách của hồ sơ thiết kế so với quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật (hồ sơ thiết kế bao gồm: thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan);

2. Thống kê các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng trong hồ sơ thiết kế xây dựng công trình;

3. Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (nếu có) (ngành nghề được phép thực hiện lập khảo sát, thiết kế xây dựng công trình theo giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc các chứng nhận được cơ quan có thẩm quyền cấp);

4. Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (mô tả chi Tiết về năng lực của các chủ nhiệm, chủ trì);

a. Các chủ nhiệm khảo sát xây dựng:

- Chủ nhiệm khảo sát xây dựng: ...(loại hình khảo sát được cấp theo chứng chỉ hành nghề)…… có đủ năng lực khảo sát xây dựng công trình và theo Chứng chỉ số …… ngày …… đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

b. Các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế xây dựng công trình:

- Chủ nhiệm thiết kế: …… có đủ năng lực chủ nhiệm thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số …… ngày …… đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

- Chủ trì thiết kế....(theo chuyên môn thiết kế được cấp theo chứng chỉ hành nghề): …… có đủ năng lực chủ nhiệm thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số …… ngày …… đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 03

Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN VỊ THẨM TRA **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …… V/v báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình	*……, ngày ... tháng ... năm……*

KẾT QUẢ THẨM TRA
THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Công trình: ……

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi Tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định, Thông tư khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ...về việc ...;

Các căn cứ khác có liên quan.

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra (số hiệu hợp đồng) giữa (Tên chủ đầu tư) và (Tên đơn vị thẩm tra) về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (Tên công trình). Sau khi xem xét, (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình: ... Loại, cấp công trình: ...
- Thuộc dự án đầu tư: ...
- Chủ đầu tư: ...
- Giá trị dự toán xây dựng công trình: ...
- Nguồn vốn:...
- Địa Điểm xây dựng:...

- Đơn vị khảo sát xây dựng: ...

- Đơn vị thiết kế, lập dự toán xây dựng: ...

II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)

2. Danh Mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:

3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.

(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của các hạng Mục công trình)

3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng công trình

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi Tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ của (Tên chủ đầu tư), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).

2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.

3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:

a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành;

b) Các cơ sở để xác định các Khoản Mục chi phí;

c) Về đơn giá áp dụng cho công trình;

d) Chi phí xây dựng hợp lý (Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm Tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình).

4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ

(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:

a) Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;

b) Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.

2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật:

- Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật:

3. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

- Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình.

- Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế đảm bảo an toàn cho công trình lân cận.

5. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

6. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

7. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN

1. Nguyên tắc thẩm tra:

a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;

b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các Khoản Mục chi phí khác trong dự toán công trình;

c) Về giá trị dự toán công trình.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị thẩm tra	Giá trị sau thẩm tra	Tăng, giảm (+;-)
1	Chi phí xây dựng			
2	Chi phí thiết bị (nếu có)			
3	Chi phí quản lý dự án			
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây			

	dựng			
5	Chi phí khác			
6	Chi phí dự phòng			
	Tổng cộng			

(có phụ lục chi Tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: (nêu rõ lý do tăng, giảm).

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đủ Điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

- ……

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)

ĐƠN VỊ THẨM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

7. Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C. Mã số TTHC: 1.007408.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Nhà thầu đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng gửi 01 bộ hồ sơ thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Công chức tiếp nhận hồ sơ sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Sở Xây dựng để thực hiện cấp giấy phép hoạt động.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng có trách nhiệm xem xét hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đúng, không đủ theo quy định phải thông báo và hướng dẫn một lần bằng văn bản cho nhà thầu biết để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Xây dựng xem xét và cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu. Trường hợp hồ sơ không đủ Điều kiện theo quy định để được cấp giấy phép hoạt động xây dựng thì cơ quan cấp phép phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết.

- Giấy phép hoạt động xây dựng cấp cho nhà thầu là tổ chức được quy định theo mẫu tại Phụ lục số 5 và cho nhà thầu là cá nhân theo mẫu tại Phụ lục số 6 của Thông tư số 14/2016/TT-BXD.

- Nhà thầu có trách nhiệm nộp lệ phí khi nhận giấy phép hoạt động xây dựng theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn.

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đối với nhà thầu là tổ chức:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) văn bản về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) giấy phép thành lập (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức) và chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước, nơi mà nhà

thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp hoặc nơi mà nhà thầu đang thực hiện dự án cấp.

+ Tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến công việc nhận thầu theo mẫu và báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán trong 3 năm gần nhất (đối với trường hợp nhà thầu nhận thực hiện gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc phải áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam).

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc hợp đồng với nhà thầu phụ Việt Nam (có trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ chào thầu), trong đó xác định rõ phần việc mà nhà thầu Việt Nam thực hiện.

Trường hợp khi dự thầu hoặc chọn thầu chưa xác định được thầu phụ, khi đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng phải có hợp đồng với thầu phụ Việt Nam kèm theo văn bản chấp thuận của chủ đầu tư và bản sao Giấy đăng ký kinh doanh của nhà thầu phụ Việt Nam.

+ Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu.

+ Tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) quyết định đầu tư dự án hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.

(2) Đối với nhà thầu là cá nhân:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng được quy định.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) văn bản kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) giấy phép hoạt động hoặc chứng chỉ hành nghề do nước mà cá nhân mang quốc tịch hoặc nơi mà cá nhân thực hiện dự án cấp và bản sao hộ chiếu cá nhân.

+ Tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) quyết định đầu tư dự án hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: Không quá **10** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà thầu

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân là nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

h) Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng;

- Mức phí: 2.000.000 đồng/Giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 (đối với nhà thầu là tổ chức) và Phụ lục số 4 (đối với nhà thầu là cá nhân) Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

k1) Yêu cầu hoặc điều kiện 1: Phải công bố thông tin trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng theo phân cấp

k2) Yêu cầu hoặc điều kiện 2: Trường hợp các gói thầu thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam, nhà thầu nước ngoài phải đảm bảo điều kiện đã có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu

k3) Yêu cầu hoặc điều kiện 3: Trường hợp đối với gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc áp dụng theo quy định pháp luật về đấu thầu của Việt Nam, nhà thầu nước ngoài phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Đã có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu của chủ đầu tư;

- Có đủ điều kiện năng lực phù hợp với công việc nhận thầu theo quy định của pháp luật về xây dựng.

k4) Yêu cầu hoặc điều kiện 4: Nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ công việc nào của gói thầu. Khi liên danh hoặc sử dụng nhà thầu Việt Nam phải phân định rõ nội dung, khối lượng và giá trị phần công việc do nhà thầu Việt Nam trong liên danh; nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện.

k5) Yêu cầu hoặc điều kiện 5: Nhà thầu nước ngoài phải cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến hoạt động nhận thầu tại Việt Nam.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

- Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

- Thông tư 172/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

(Đối với nhà thầu là tổ chức)

Văn bản số: …….

……, ngày…. tháng…. năm….

Kính gửi: Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng
(Hoặc ông Giám đốc Sở Xây dựng)

Tôi: (Họ tên) Chức vụ:

Được ủy quyền của ông (bà): theo giấy ủy quyền: (kèm theo đơn này)

Đại diện cho:

Địa chỉ đăng ký tại chính quốc:

Số điện thoại: Fax: E.mail:

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có):

Số điện thoại: Fax: E.mail:

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi đã được chủ đầu tư (hoặc thầu chính, trường hợp là thầu phụ làm đơn) là: …….. thông báo thắng thầu (hoặc được chọn thầu) để làm thầu chính (hoặc thầu phụ) thực hiện công việc …….. thuộc Dự án……. tại……., trong thời gian từ……. đến…….

Chúng tôi đề nghị Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (hoặc Sở Xây dựng ....) xét cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho Công ty chúng tôi để thực hiện việc thầu nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

Các tài liệu được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

Nếu hồ sơ của chúng tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà)……. có địa chỉ tại Việt Nam……. số điện thoại……. Fax……. E.mail …….

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Thay mặt (hoặc thừa ủy quyền) …….
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)

Phụ lục số 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

(Đối với nhà thầu là cá nhân)

Kính gửi: Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng
Ông Giám đốc Sở Xây dựng……

Tôi: (Họ tên) Nghề nghiệp:

Có hộ chiếu số: (sao kèm theo đơn này)

Địa chỉ tại chính quốc:

Số điện thoại: Fax: E.mail:

Địa chỉ tại Việt Nam (nếu có):

Số điện thoại: Fax: E.mail:

Tôi được chủ đầu tư (hoặc thầu chính) là……. thông báo thắng thầu (hoặc chọn thầu) làm tư vấn công việc……. thuộc Dự án……. tại……. Trong thời gian từ…….

Đề nghị Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng/Sở Xây dựng……. xét cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tôi để thực hiện các công việc nêu trên.

Hồ sơ kèm theo gồm:

Các tài liệu quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

Nếu hồ sơ của tôi cần được bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà) ……có địa chỉ tại Việt Nam……. số điện thoại…… Fax……mail……

Khi được cấp giấy phép hoạt động xây dựng, tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

……, ngày…. tháng…. năm….

Kính đơn

(Ký tên)

Họ và tên người ký

8. Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C. Mã số TTHC: 1.007409.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

Nhà thầu đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng lập hồ sơ thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Công chức tiếp nhận hồ sơ sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Sở Xây dựng để thực hiện điều chỉnh giấy phép hoạt động đã cấp.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn.

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng.

+ Các tài liệu chứng minh cho những nội dung đề nghị điều chỉnh. Các tài liệu phải được dịch ra tiếng Việt và được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: Không quá **10** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà thầu

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài được điều chỉnh.

h) Lệ phí:

- Lệ phí điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng;

- Mức phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng (theo quy định tại Phụ lục số 8 Thông tư số14/2016/TT-BXD)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Nhà thầu đã được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng tại Việt Nam có những thay đổi về tên, địa chỉ của nhà thầu, thay đổi các đối tác trong liên danh hoặc nhà thầu phụ hoặc các nội dung khác đã ghi trong giấy phép hoạt động xây dựng được cấp.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

- Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

- Thông tư 172/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.

Phụ lục số 8

(Ban hành kèm theo TT số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Văn bản số:…….. *……, ngày…. tháng…. năm….*

Kính gửi: Cơ quan chuyên môn về xây dựng (Bộ Xây dựng)
(Hoặc ông Giám đốc Sở Xây dựng……..)

Tôi: (Họ tên) Chức vụ:
Được ủy quyền của ông (bà): theo giấy ủy quyền: (kèm theo đơn này)
Đại diện cho:
Địa chỉ đăng ký tại chính quốc:

Số điện thoại: Fax: E.mail:

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam:

Số điện thoại: Fax: E.mail:

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi đã được cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng (Sở Xây dựng) cấp giấy phép hoạt động xây dựng số……., ngày…… để thực hiện gói thầu……. thuộc dự án…… Đề nghị Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp với nội dung: …….

Lý do đề nghị Điều chỉnh: ……

Chúng tôi đề nghị Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng (hoặc Sở Xây dựng ....) xét Điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp cho Công ty chúng tôi với nội dung nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

1- Bản sao Giấy phép hoạt động xây dựng đã được cấp

2- Bản sao các văn bản chứng minh cho nội dung Điều chỉnh

3- Văn bản chấp thuận của chủ đầu tư (thầu chính trường hợp nhà thầu đề nghị Điều chỉnh là thầu phụ)

Nếu hồ sơ của chúng tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà)……. có địa chỉ tại Việt Nam……. số điện thoại……. Fax……. E.mail …….

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng Điều chỉnh, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Thay mặt (hoặc thừa ủy quyền)…….
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)

9. Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài. Mã số TTHC: 1.007392.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục III Nghị định số 100/2018/NĐ-CP .

- 02 ảnh màu cỡ 4x6cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

- Bản sao văn bằng được đào tạo, chứng chỉ hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp theo quy định.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây

dựng do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp mà hành nghề hoạt động xây dựng ở Việt Nam từ 6 tháng trở lên.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng.

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề của cá nhân nước ngoài được chuyển đổi theo mẫu quy định của Việt Nam.

h) Phí, lệ phí: 150.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

- Mức giá sát hạch: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục III Nghị định số 100/2018/NĐ-CP .

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

- Đã có chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III hoặc tương đương phù hợp với nội dung đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC III

(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày……tháng……năm…..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:

……..

2. Ngày, tháng, năm sinh:

.....

3. Quốc tịch: .....

4. Hộ chiếu số: …….ngày cấp: …….nơi cấp: .....

5. Số điện thoại: ……..6. Địa chỉ Email:

.....

7. Đơn vị công tác: .....

8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):* **.....**

9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề (năm, tháng): .....

10. Chứng chỉ hành nghề số:……..ngày cấp:……. nơi cấp:

.....

Lĩnh vực hoạt động xây dựng .....

11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng:

STT	**Thời gian công tác** *(Từ tháng, năm đến tháng, năm)*	**Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập** *(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)*	**Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu**	**Ghi chú**
1			1. Tên Dự án/công trình:…….. Nhóm dự án/cấp công trình:…… Loại công trình	

			:…… Chức danh/Nội dung công việc thực hiện: …….. 2. ....…….	
2				
….				

Đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với các nội dung sau:

Lĩnh vực hoạt động: …….Hạng: .....

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

10. Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III. Mã số TTHC: 1.007394.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân đề nghị cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III gửi 01 bộ hồ sơ thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.

** Trường hợp đã có kết quả sát hạch:*

- Thời gian thực hiện: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng ban hành quyết định cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho các cá nhân đạt yêu cầu. Thực hiện in phôi và phát hành chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III cho cá nhân sau khi được Bộ Xây dựng cấp mã số chứng chỉ hành nghề.

** Trường hợp chưa có kết quả sát hạch:*

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức thi sát hạch cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề vào ngày 25 hàng tháng (nếu trùng ngày lễ, ngày nghỉ thì dời sang ngày làm việc tiếp theo).

- Thời gian giải quyết: Từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến trước 03 ngày làm việc của ngày thi sát hạch cộng thêm 15 ngày làm việc. Nếu thi sát hạch đạt yêu cầu, Sở Xây dựng ban hành quyết định cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho các cá nhân.Thực hiện in phôi và phát hành chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III cho cá nhân sau khi được Bộ Xây dựng cấp mã số chứng chỉ hành nghề.

Lưu ý:

- Trường hợp cá nhân có nhu cầu đăng ký sát hạch trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thì gửi tờ khai đăng ký sát hạch theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định số 100/2018/NĐ-CP đến Sở Xây dựng. Việc sát hạch được tiến hành định kỳ hàng tháng.

- Nội dung sát hạch bao gồm phần câu hỏi về kinh nghiệm nghề nghiệp và phần câu hỏi về kiến thức pháp luật. Trường hợp cá nhân có chứng chỉ hành nghề cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2003 còn thời hạn sử dụng thì khi tham dự sát hạch được miễn nội dung về kiến thức chuyên môn đối với lĩnh vực hành nghề ghi trên chứng chỉ. Kết quả sát hạch được bảo lưu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày sát hạch để làm căn cứ cấp chứng chỉ hành nghề.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP .

- 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

- Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.

- Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

- Kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

* Lưu ý: Các văn bằng đào tạo, chứng chỉ hành nghề, quyết định phân công công việc nêu trên phải là bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao (xuất trình bản chính để đối chiếu).

c.2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp đã có kết quả sát hạch: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp chưa có kết quả sát hạch: Từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến trước 03 ngày làm việc của ngày thi sát hạch cộng thêm 15 ngày làm việc (nếu thi sát hạch đạt yêu cầu).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực xây dựng trong nước như: Khảo sát xây dựng; lập quy hoạch xây dựng; thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; thi công xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng công trình.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng.

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.

h) Phí, lệ phí:

- Phí: Không

- Lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

- Mức giá sát hạch: 450.000đ/lượt sát hạch, theo quy định tại Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP .

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

k1) Điều kiện chung đối với cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

- Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II;

- Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng III.

k2) Điều kiện riêng đối với từng lĩnh vực đề nghị xin cấp chứng chỉ hành nghề:

(1) Cá nhân hành nghề khảo sát xây dựng:

- Hạng II: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp II trở lên hoặc 03 công trình từ cấp III trở lên.

- Hạng III: Đã tham gia khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 02 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc 03 công trình từ cấp IV trở lên.

(2) Cá nhân hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng:

- Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Hạng III: Đã tham gia thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất trong 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

(3) Cá nhân hành nghề thiết kế xây dựng công trình:

- Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp II trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

- Hạng III: Đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp III trở lên hoặc 05 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

(4) Cá nhân hành nghề giám sát thi công xây dựng:

- Hạng II: Đã làm giám sát trưởng hoặc chỉ huy trưởng công trường hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

- Hạng III: Đã tham gia giám sát thi công xây dựng hoặc tham gia thiết kế xây dựng hoặc thi công xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

(5) Cá nhân hành nghề định giá xây dựng:

- Hạng II: Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên.

- Hạng III: Đã tham gia thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trở lên hoặc 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên

(6) Cá nhân hành nghề quản lý dự án:

- Hạng II: Đã làm giám đốc quản lý dự án của 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên hoặc có một trong ba loại chứng chỉ hành nghề (thiết kế xây dựng hạng II; giám sát thi công xây dựng hạng II; định giá xây dựng hạng II) và đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật cùng loại trở lên.

- Hạng III: Đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên.

l.11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày…..tháng…..năm…..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:.....

2. Ngày, tháng, năm sinh:
.....

3. Quốc tịch:
.....

4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD: ……..ngày cấp:…….. nơi cấp……..….

5. Địa chỉ thường trú:
.....

6. Số điện thoại: ……..Địa chỉ Email:
.....

7. Đơn vị công tác:
.....

8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):* .....

9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề: …….năm.

10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):

Số Chứng chỉ: ……..ngày cấp …….nơi cấp: .....

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
.....

11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng[1]:

STT	**Thời gian công tác** *(Từ tháng, năm đến*	**Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập** *(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên*	**Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu**	**Ghi chú**

	tháng, năm)	*hệ)*		
1			1. Tên Dự án/công trình:……. Nhóm dự án/Cấp công trình:…….. Loại công trình:……... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:…….. 2……	
2				
....				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề: ……Hạng: .....

□ Cấp lần đầu, nâng hạng

□ Cấp lại. Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

.....

□ Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

[1] Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng/bị mất.

11. Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III. Mã số TTHC: 1.007396.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân đề nghị cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II gửi 01 bộ hồ sơ thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đề nghị cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.

** Trường hợp đã có kết quả sát hạch:*

- Thời gian thực hiện: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng ban hành quyết định cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân đạt yêu cầu. Thực hiện in phôi và phát hành chứng chỉ hành nghề hạng II cho cá nhân sau khi được Bộ Xây dựng cấp mã số chứng chỉ hành nghề.

** Trường hợp chưa có kết quả sát hạch:*

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức thi sát hạch cho cá nhân đề nghị cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề vào ngày 25 hàng tháng (nếu trùng ngày lễ, ngày nghỉ thì dời sang ngày làm việc tiếp theo).

- Thời gian giải quyết: Từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến trước 03 ngày làm việc của ngày thi sát hạch cộng thêm 15 ngày làm việc. Nếu thi sát hạch đạt yêu cầu, Sở Xây dựng ban hành quyết định cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho các cá nhân. Thực hiện in phôi và phát hành chứng chỉ hành nghề hạng II cho cá nhân sau khi được Bộ Xây dựng cấp mã số chứng chỉ hành nghề.

Lưu ý:

- Trường hợp cá nhân có nhu cầu đăng ký sát hạch trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thì gửi tờ khai đăng ký sát hạch theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định số 100/2018/NĐ-CP đến Sở Xây dựng. Việc sát hạch được tiến hành định kỳ hàng tháng.

- Nội dung sát hạch bao gồm phần câu hỏi về kinh nghiệm nghề nghiệp và phần câu hỏi về kiến thức pháp luật. Trường hợp cá nhân có chứng chỉ hành nghề cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2003 còn thời hạn sử dụng thì khi tham dự sát hạch được miễn nội dung về kiến thức chuyên môn đối với lĩnh vực hành nghề ghi trên chứng chỉ. Kết quả sát hạch được bảo lưu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày sát hạch để làm căn cứ cấp chứng chỉ hành nghề.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp nâng hạng chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

- 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

- Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Chứng chỉ hành nghề đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.

- Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

- Kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

* Lưu ý: Các văn bằng đào tạo, chứng chỉ hành nghề, quyết định phân công công việc nêu trên phải là bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao (xuất trình bản chính để đối chiếu).

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp đã có kết quả sát hạch: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp chưa có kết quả sát hạch: Từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến trước 03 ngày làm việc của ngày thi sát hạch cộng thêm 15 ngày làm việc (nếu thi sát hạch đạt yêu cầu).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực xây dựng trong nước như: Khảo sát xây dựng; lập quy hoạch xây dựng; thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; thi công xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng công trình.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.

h) Phí, lệ phí:

- Phí: Không

- Lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

- Mức giá sát hạch: 450.000đ/lượt sát hạch, theo quy định tại Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP .

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

k1) Điều kiện chung đối với cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

- Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II;

k2) Điều kiện riêng đối với từng lĩnh vực đề nghị xin nâng cấp chứng chỉ hành nghề:

(1) Cá nhân hành nghề khảo sát xây dựng:

- Hạng II: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp II trở lên hoặc 03 công trình từ cấp III trở lên.

(2) Cá nhân hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng:

- Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

(3) Cá nhân hành nghề thiết kế xây dựng công trình:

- Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ

cấp II trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp II trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

(4) Cá nhân hành nghề giám sát thi công xây dựng:

- Hạng II: Đã làm giám sát trưởng hoặc chỉ huy trưởng công trường hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

(5) Cá nhân hành nghề định giá xây dựng:

- Hạng II: Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên.

(6) Cá nhân hành nghề quản lý dự án:

- Hạng II: Đã làm giám đốc quản lý dự án của 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên hoặc có một trong ba loại chứng chỉ hành nghề (thiết kế xây dựng hạng II; giám sát thi công xây dựng hạng II; định giá xây dựng hạng II) và đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật cùng loại trở lên.

l.11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:.....

2. Ngày, tháng, năm sinh:
.....

3. Quốc tịch:
.....

4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD: ……..ngày cấp:…….. nơi cấp……..….

5. Địa chỉ thường trú:
.....

6. Số điện thoại: ……..Địa chỉ Email:
.....

7. Đơn vị công tác:
.....

8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):* .....

9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề: …….năm.

10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):

Số Chứng chỉ: ……..ngày cấp …….nơi cấp: .....

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
.....

11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng[1]:

STT	**Thời gian công tác** *(Từ tháng, năm đến*	**Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập** *(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên*	**Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu**	**Ghi chú**

	tháng, năm)	*hệ)*		
1			1. Tên Dự án/công trình:……. Nhóm dự án/Cấp công trình:…….. Loại công trình:……... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:…….. 2……	
2				
....				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề: ……Hạng: .....

□ Cấp lần đầu, nâng hạng

□ Cấp lại. Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

.....

□ Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

[1] Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng/bị mất.

12. Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III. Mã số TTHC: 1.007399.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân đề nghị điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III gửi 01 bộ hồ sơ thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.

** Trường hợp đã có kết quả sát hạch:*

- Thời gian thực hiện: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng ban hành quyết định cấp điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân đạt yêu cầu. Thực hiện in phôi và phát hành chứng chỉ hành nghề cho cá nhân sau khi được Bộ Xây dựng cấp mã số chứng chỉ hành nghề.

** Trường hợp chưa có kết quả sát hạch:*

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức thi sát hạch cho cá nhân đề nghị cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề vào ngày 25 hàng tháng (nếu trùng ngày lễ, ngày nghỉ thì dời sang ngày làm việc tiếp theo).

- Thời gian giải quyết: Từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến trước 03 ngày làm việc của ngày thi sát hạch cộng thêm 15 ngày làm việc. Nếu thi sát hạch đạt yêu cầu, Sở Xây dựng ban hành quyết định cấpđiều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho các cá nhân. Thực hiện in phôi và phát hành chứng chỉ hành nghề cho cá nhân sau khi được Bộ Xây dựng cấp mã số chứng chỉ hành nghề.

Lưu ý:

- Trường hợp cá nhân có nhu cầu đăng ký sát hạch trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thì gửi tờ khai đăng ký sát hạch theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định số 100/2018/NĐ-CP đến Sở Xây dựng. Việc sát hạch được tiến hành định kỳ hàng tháng.

- Nội dung sát hạch bao gồm phần câu hỏi về kinh nghiệm nghề nghiệp và phần câu hỏi về kiến thức pháp luật. Trường hợp cá nhân có chứng chỉ hành nghề cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2003 còn thời hạn sử dụng thì khi tham dự sát hạch được miễn nội dung về kiến thức chuyên môn đối với lĩnh vực hành nghề ghi trên chứng chỉ. Kết quả sát hạch được bảo lưu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày sát hạch để làm căn cứ cấp chứng chỉ hành nghề.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP .

- 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

- Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.

- Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

- Kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp đã có kết quả sát hạch: **15** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp chưa có kết quả sát hạch: Từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến trước 03 ngày làm việc của ngày thi sát hạch cộng thêm 15 ngày làm việc (nếu thi sát hạch đạt yêu cầu).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực xây dựng trong nước như: Khảo sát xây dựng; lập quy hoạch xây dựng; thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; thi công xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng công trình.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng.

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III được sửa đổi, bổ sung.

h) Phí, lệ phí:

- Phí: Không

- Lệ phí: 150.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

- Mức giá sát hạch: 450.000đ/lượt sát hạch, theo quy định tại Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP .

k.10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

k1) Điều kiện chung đối với cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

- Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II;

- Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng III.

k2) Điều kiện riêng đối với từng lĩnh vực đề nghị xin cấp chứng chỉ hành nghề:

(1) Cá nhân hành nghề khảo sát xây dựng:

- Hạng II: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp II trở lên hoặc 03 công trình từ cấp III trở lên.

- Hạng III: Đã tham gia khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 02 dự án từ nhóm c hoặc 02 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc 03 công trình từ cấp IV trở lên.

(2) Cá nhân hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng:

- Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Hạng III: Đã tham gia thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất trong 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

(3) Cá nhân hành nghề thiết kế xây dựng công trình:

- Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp II trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

- Hạng III: Đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp III trở lên hoặc 05 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

(4) Cá nhân hành nghề giám sát thi công xây dựng:

- Hạng II: Đã làm giám sát trưởng hoặc chỉ huy trưởng công trường hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

- Hạng III: Đã tham gia giám sát thi công xây dựng hoặc tham gia thiết kế xây dựng hoặc thi công xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

(5) Cá nhân hành nghề định giá xây dựng:

- Hạng II: Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên.

- Hạng III: Đã tham gia thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trở lên hoặc 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên

(6) Cá nhân hành nghề quản lý dự án:

- Hạng II: Đã làm giám đốc quản lý dự án của 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên hoặc có một trong ba loại chứng chỉ hành nghề (thiết kế xây dựng hạng II; giám sát thi công xây dựng hạng II; định giá xây

dựng hạng II) và đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật cùng loại trở lên.

- Hạng III: Đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên.

l.11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày…..tháng…..năm…..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:.....

2. Ngày, tháng, năm sinh:
.....

3. Quốc tịch:
.....

4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD: ……..ngày cấp:…….. nơi cấp……..….

5. Địa chỉ thường trú:
.....

6. Số điện thoại: ……..Địa chỉ Email:
.....

7. Đơn vị công tác:
.....

8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):* .....

9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề: …….năm.

10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):

Số Chứng chỉ: ……..ngày cấp …….nơi cấp: .....

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
.....

11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng[1]:

STT	**Thời gian công tác** *(Từ tháng, năm đến*	**Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập** *(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên*	**Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu**	**Ghi chú**

	tháng, năm)	*hệ)*		
1			1. Tên Dự án/công trình:……. Nhóm dự án/Cấp công trình:…….. Loại công trình:……... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:…….. 2……	
2				
....				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề: ……Hạng: .....

□ Cấp lần đầu, nâng hạng

□ Cấp lại. Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

.....

□ Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

[1] Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng/bị mất.

13. Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP). Mã số TTHC: 1.007401.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Sau 12 tháng, kể từ ngày có quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề do giả mạo giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; cho thuê, cho mượn, thuê, mượn hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề; sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung chứng chỉ hành nghề, cá nhân đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III gửi 01 bộ hồ sơ sơ thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.

** Trường hợp đã có kết quả sát hạch:*

- Thời gian thực hiện: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng ban hành quyết định cấp điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân đạt yêu cầu. Thực hiện in phôi và phát hành chứng chỉ hành nghề cho cá nhân sau khi được Bộ Xây dựng cấp mã số chứng chỉ hành nghề.

** Trường hợp chưa có kết quả sát hạch:*

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức thi sát hạch cho cá nhân đề nghị cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề vào ngày 25 hàng tháng (nếu trùng ngày lễ, ngày nghỉ thì dời sang ngày làm việc tiếp theo).

- Thời gian giải quyết: Từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến trước 03 ngày làm việc của ngày thi sát hạch cộng thêm 15 ngày làm việc. Nếu thi sát hạch đạt yêu cầu, Sở Xây dựng ban hành quyết định cấpđiều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho các cá nhân. Thực hiện in phôi và phát hành chứng chỉ hành nghề cho cá nhân sau khi được Bộ Xây dựng cấp mã số chứng chỉ hành nghề.

Lưu ý:

- Trường hợp cá nhân có nhu cầu đăng ký sát hạch trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thì gửi tờ khai đăng ký sát hạch theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định số 100/2018/NĐ-CP đến Sở Xây dựng. Việc sát hạch được tiến hành định kỳ hàng tháng.

- Nội dung sát hạch bao gồm phần câu hỏi về kinh nghiệm nghề nghiệp và phần câu hỏi về kiến thức pháp luật. Trường hợp cá nhân có chứng chỉ hành nghề cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2003 còn thời hạn sử dụng thì

khi tham dự sát hạch được miễn nội dung về kiến thức chuyên môn đối với lĩnh vực hành nghề ghi trên chứng chỉ. Kết quả sát hạch được bảo lưu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày sát hạch để làm căn cứ cấp chứng chỉ hành nghề.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP .

- 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

- Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.

- Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

- Kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp đã có kết quả sát hạch: **15** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp chưa có kết quả sát hạch: Từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến trước 03 ngày làm việc của ngày thi sát hạch cộng thêm 15 ngày làm việc (nếu thi sát hạch đạt yêu cầu).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực trong nước: Khảo sát xây dựng; lập quy hoạch xây dựng; thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; thi công xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng công trình.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.

h) Phí, lệ phí:

- Phí: Không

- Lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

- Mức giá sát hạch: 450.000đ/lượt sát hạch, theo quy định tại Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP .

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp chứng chỉ bị thu hồi được cấp lần đầu: Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục cấp lại áp dụng như trường hợp cấp lần đầu.

- Trường hợp chứng chỉ bị thu hồi được cấp nâng hạng: Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục cấp lại áp dụng như trường hợp cấp nâng hạng.

l.11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày…..tháng…..năm…..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:.....

2. Ngày, tháng, năm sinh:
.....

3. Quốc tịch:
.....

4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD: ……..ngày cấp:…….. nơi cấp……..….

5. Địa chỉ thường trú:
.....

6. Số điện thoại: ……..Địa chỉ Email:
.....

7. Đơn vị công tác:
.....

8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):* .....

9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề: …….năm.

10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):

Số Chứng chỉ: ……..ngày cấp …….nơi cấp: .....

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
.....

11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng[1]:

STT	**Thời gian công tác** *(Từ tháng, năm đến*	**Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập** *(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên*	**Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu**	**Ghi chú**

	tháng, năm)	*hệ)*		
1			1. Tên Dự án/công trình:……. Nhóm dự án/Cấp công trình:…….. Loại công trình:……... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:…….. 2……	
2				
....				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề: ……Hạng: .....

□ Cấp lần đầu, nâng hạng

□ Cấp lại. Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

.....

□ Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

[1] Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng/bị mất.

14. Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (đối với trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn). Mã số TTHC: 1.007402. 000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III gửi 01 bộ hồ sơ sơ thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.

** Trường hợp đã có kết quả sát hạch:*

- Thời gian thực hiện: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng ban hành quyết định cấp điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân đạt yêu cầu. Thực hiện in phôi và phát hành chứng chỉ hành nghề cho cá nhân sau khi được Bộ Xây dựng cấp mã số chứng chỉ hành nghề.

** Trường hợp chưa có kết quả sát hạch:*

- Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức thi sát hạch cho cá nhân đề nghị cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề vào ngày 25 hàng tháng (nếu trùng ngày lễ, ngày nghỉ thì dời sang ngày làm việc tiếp theo).

- Thời gian giải quyết: Từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến trước 03 ngày làm việc của ngày thi sát hạch cộng thêm 15 ngày làm việc. Nếu thi sát hạch đạt yêu cầu, Sở Xây dựng ban hành quyết định cấpđiều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho các cá nhân. Thực hiện in phôi và phát hành chứng chỉ hành nghề cho cá nhân sau khi được Bộ Xây dựng cấp mã số chứng chỉ hành nghề.

Lưu ý:

- Trường hợp cá nhân có nhu cầu đăng ký sát hạch trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thì gửi tờ khai đăng ký sát hạch theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định số 100/2018/NĐ-CP đến Sở Xây dựng. Việc sát hạch được tiến hành định kỳ hàng tháng.

- Nội dung sát hạch bao gồm phần câu hỏi về kinh nghiệm nghề nghiệp và phần câu hỏi về kiến thức pháp luật. Trường hợp cá nhân có chứng chỉ hành nghề cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2003 còn thời hạn sử dụng thì khi tham dự sát hạch được miễn nội dung về kiến thức chuyên môn đối với lĩnh vực hành nghề ghi trên chứng chỉ. Kết quả sát hạch được bảo lưu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày sát hạch để làm căn cứ cấp chứng chỉ hành nghề.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP .

- 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu chứng chỉ hành nghề đã được cấp, trường hợp bị mất chứng chỉ hành nghề thì phải có cam kết của người đề nghị cấp lại.

- Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định số 100/2018/NĐ-CP đối với việc cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do hết hạn.

- Kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề (đối với trường hợp cấp lại do hết hạn).

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp đã có kết quả sát hạch: **15** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp chưa có kết quả sát hạch: Từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến trước 03 ngày làm việc của ngày thi sát hạch cộng thêm 15 ngày làm việc (nếu thi sát hạch đạt yêu cầu).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực trong nước: Khảo sát xây dựng; lập quy hoạch xây dựng; thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; thi công xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng công trình.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.

h) Phí, Lệ phí:

- Phí: Không

- Lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

- Mức giá sát hạch: 450.000đ/lượt sát hạch, theo quy định tại Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP .

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu chứng chỉ hành nghề đã được cấp, trường hợp bị mất chứng chỉ hành nghề thì phải có cam kết của người đề nghị cấp lại.

l.11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng năm 2014.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày…..tháng…..năm…..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:.....

2. Ngày, tháng, năm sinh:
.....

3. Quốc tịch:
.....

4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD: ……..ngày cấp:…….. nơi cấp……..….

5. Địa chỉ thường trú:
.....

6. Số điện thoại: ……..Địa chỉ Email:
.....

7. Đơn vị công tác:
.....

8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):* .....

9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề: …….năm.

10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):

Số Chứng chỉ: ……..ngày cấp …….nơi cấp: .....

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
.....

11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng[1]:

STT	**Thời gian công tác** *(Từ tháng, năm đến*	**Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập** *(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên*	**Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu**	**Ghi chú**

	tháng, năm)	*hệ)*		
1			1. Tên Dự án/công trình:……. Nhóm dự án/Cấp công trình:…….. Loại công trình:……... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:…….. 2……	
2				
....				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề: ……Hạng: .....

□ Cấp lần đầu, nâng hạng

□ Cấp lại. Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

.....

□ Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

[1] Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng/bị mất.

15. Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp. Mã số TTHC: 1.007403.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III bị thu hồi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng do lỗi của cơ quan cấp có nhu cầu cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, nộp đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III và bản gốc chứng chỉ hành nghề cho cơ quan ra quyết định thu hồi chứng chỉ trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi sơ thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Cơ quan có thẩm quyền thu hồi chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm cấp lại chứng chỉ hành nghề trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được chứng chỉ hành nghề bị thu hồi.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP .

- Bản gốc chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực trong nước: Khảo sát xây dựng; lập quy hoạch xây dựng; thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; thi công xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng công trình.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.

h) Phí, Lệ phí: không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP .

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Có bản gốc chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày…..tháng…..năm…..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:.....

2. Ngày, tháng, năm sinh:
.....

3. Quốc tịch:
.....

4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD: ……..ngày cấp:…….. nơi cấp……..….

5. Địa chỉ thường trú:
.....

6. Số điện thoại: ……..Địa chỉ Email:
.....

7. Đơn vị công tác:
.....

8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):* .....

9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề: …….năm.

10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):

Số Chứng chỉ: ……..ngày cấp …….nơi cấp: .....

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
.....

11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng[1]:

STT	**Thời gian công tác** *(Từ tháng, năm đến*	**Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập** *(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên*	**Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu**	**Ghi chú**

	tháng, năm)	*hệ)*		
1			1. Tên Dự án/công trình:……. Nhóm dự án/Cấp công trình:…….. Loại công trình:……... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:…….. 2……	
2				
....				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề: ……Hạng: .....

□ Cấp lần đầu, nâng hạng

□ Cấp lại. Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

.....

□ Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

[1] Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng/bị mất.

PHỤ LỤC II

(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày……tháng……năm…..

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:.....

2. Ngày, tháng, năm sinh: .....

3. Quốc tịch: .....

4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD: ……....ngày cấp:…….. nơi cấp…….

5. Địa chỉ thường trú: .....

6. Số điện thoại: ……..Địa chỉ Email: .....

7. Đơn vị công tác *(Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở):* .....

8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):* .....

9. Chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):

Số Chứng chỉ: ……ngày cấp……. nơi cấp: .....

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
.....

Đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề: …….Hạng: .....

Địa điểm đăng ký sát hạch: .....

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

PHỤ LỤC III

(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày……tháng……năm…..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên: ……2. Ngày, tháng, năm sinh: .....

3. Quốc tịch: .....

4. Hộ chiếu số: …….ngày cấp: …….nơi cấp: .....

5. Số điện thoại: ……..6. Địa chỉ Email: .....

7. Đơn vị công tác: .....

8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):* .....

9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề (năm, tháng): .....

10. Chứng chỉ hành nghề số:……..ngày cấp:……. nơi cấp: .....

Lĩnh vực hoạt động xây dựng
.....

11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng:

STT	**Thời gian công tác** *(Từ tháng, năm đến tháng, năm)*	**Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập** *(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)*	**Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu**	**Ghi chú**
1			1. Tên Dự án/công trình:…….. Nhóm dự án/cấp công trình:…… Loại công trình	

			:…… Chức danh/Nội dung công việc thực hiện: …….. 2. ....…….	
2				
….				

Đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với các nội dung sau:

Lĩnh vực hoạt động: …….Hạng:

.....

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày…..tháng…..năm…..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:.....

2. Ngày, tháng, năm sinh: .....

3. Quốc tịch: .....

4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD: ……..ngày cấp:…….. nơi cấp……..

5. Địa chỉ thường trú:
.....

6. Số điện thoại: ……..Địa chỉ Email:
.....

7. Đơn vị công tác: .....

8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):* **.....**

9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề: ……năm.

10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):

Số Chứng chỉ: ……..ngày cấp ……nơi cấp: .....

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
.....

11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng[1]:

STT	**Thời gian công tác** *(Từ tháng, năm đến tháng, năm)*	**Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập** *(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)*	**Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu**	**Ghi chú**
1			1. Tên Dự án/công trình:	

			…… …….. …….. Nhóm dự án/Cấp công trình: …….. Loại công trình: …….. Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:…… 2. Tên Dự án/công trình: …… …….. …….. Nhóm dự án/Cấp công trình: …….. Loại công trình: …….. Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:…… 3. Tên Dự án/công trình: …… …….. …….. Nhóm dự án/Cấp công trình: …….. Loại công trình: …….. Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:……	
2				
....				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề: ……Hạng: .....

□ Cấp lần đầu, nâng hạng

□ Cấp lại. Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

.....

□ Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

16. Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Mã số TTHC: 1.006949.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ, lệ phí đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Bước 2: Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa.

+ Khi xem xét hồ sơ, xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì trong thời hạn 05 ngày làm việc Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản lần 2 hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở Xây dựng có quyền không xem xét việc cấp giấy phép và thông báo cho chủ đầu tư biết lý do. Thời gian chủ đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

+ Đối chiếu với các điều kiện cấp phép, trường hợp phải gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng; Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi lấy ý kiến, thời gian 5 ngày làm việc.

+ Sở Xây dựng căn cứ các quy định hiện hành và các điều kiện cấp phép để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng cho chủ đầu tư; nếu hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng có công văn trả lời.

- Bước 3: Chủ đầu tư nhận kết quả giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu cấp phép của Sở Xây dựng hoặc nhận công văn trả lời tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

(1) Trường hợp xây dựng mới:

(1.1) Đối với công trình không theo tuyến; Công trình tín ngưỡng; Công trình tôn giáo; Công trình của cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/05/2017 của Chính phủ. Trường hợp đối với công trình xây dựng trạm, cột phát sóng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Bản vẽ mặt bằng vị trí công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông; cấp nước; thoát nước mưa, nước bẩn; xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác liên quan đến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200.

+ Riêng đối với công trình của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế và cơ quan nước ngoài đầu tư tại Việt Nam còn tuân thủ các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam; Đối với công trình tôn giáo bổ sung bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan tôn giáo theo phân cấp.

Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại nội dung này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

(1.2) Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Nghị định số

53/2017/NĐ-CP ngày 08/05/2017 của Chính phủ hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Sơ đồ vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000;

+ Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Riêng đối với công trình ngầm phải bổ sung thêm: Bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200; Sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500.

Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại nội dung này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

(1.3) Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/05/2017 của Chính phủ;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, di tích lịch sử theo phân cấp;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Sơ đồ vị trí công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ các mặt đứng, các mặt cắt chủ yếu công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200.

Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại nội dung này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

(1.4) Đối với công trình quảng cáo:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/05/2017 của Chính phủ. Trường hợp đối với công trình xây dựng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng thuê công trình đối với trường hợp thuê đất hoặc thuê công trình để xây dựng công trình quảng cáo;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

- Đối với trường hợp công trình xây dựng mới:

+ Sơ đồ vị trí công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt cắt móng và mặt cắt công trình tỷ lệ 1/50;

+ Bản vẽ các mặt đứng chính công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- Đối với trường hợp biển quảng cáo được gắn vào công trình đã được xây dựng hợp pháp:

+ Bản vẽ kết cấu của bộ phận công trình tại vị trí gắn biển quảng cáo tỷ lệ 1/50;

+ Bản vẽ các mặt đứng công trình có gắn biển quảng cáo tỷ lệ 1/50 - 1/100.

Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại nội dung này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

(2) Đối với công trình theo giai đoạn:

(2.1) Đối với công trình không theo tuyến:

- Đối với công trình cấp I, nếu Chủ đầu tư có nhu cầu thì có thể đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo hai giai đoạn. Hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/05/2017 của Chính phủ. Trường hợp đối với công trình

xây dựng trạm, cột phát sóng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Giai đoạn 1:

♦ Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

♦ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, bản vẽ mặt bằng, mặt cắt chính của phần công trình đã được phê duyệt trong giai đoạn 1 tỷ lệ 1/50 - 1/200 kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, gồm: Giao thông, thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/100 - 1/200.

+ Giai đoạn 2:

♦ Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chính giai đoạn 2 của công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại nội dung này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

(2.2) Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Việc phân chia công trình theo giai đoạn thực hiện do chủ đầu tư xác định theo quyết định đầu tư. Hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/05/2017 của Chính phủ hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến;

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phần đất thực hiện theo giai đoạn hoặc cả dự án theo quy định của pháp luật về đất đai;

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

♦ Sơ đồ vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

♦ Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000;

♦ Các bản vẽ theo từng giai đoạn: Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình theo giai đoạn tỷ lệ 1/50 - 1/200; Đối với công trình ngầm yêu cầu phải có bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình theo từng giai đoạn tỷ lệ 1/50 - 1/200; Sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo từng giai đoạn tỷ lệ 1/100 - 1/500.

Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại nội dung này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

(3) Đối với công trình theo dự án:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/05/2017 của Chính phủ.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công các công trình xây dựng đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Bản vẽ tổng mặt bằng của dự án hoặc tổng mặt bằng từng giai đoạn của dự án tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng từng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ các mặt đứng và các mặt cắt chính của từng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 của từng công trình kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/50 - 1/200.

Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại nội dung này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

(4) Đối với công trình xây dựng có thời hạn:

(4.1) Đối với công trình không theo tuyến; Công trình tín ngưỡng; Công trình tôn giáo; Công trình của cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/05/2017 của Chính phủ. Trường hợp đối với công trình xây dựng trạm, cột phát sóng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Bản vẽ mặt bằng vị trí công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông; cấp nước; thoát nước mưa, nước bẩn; xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác liên quan đến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200.

Riêng đối với công trình của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế và cơ quan nước ngoài đầu tư tại Việt Nam còn tuân thủ các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam; Đối với công trình tôn giáo bổ sung bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan tôn giáo theo phân cấp.

Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại nội dung này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

(4.2) Đối với công trình sửa chữa, cải tạo:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật hoặc bản sao giấy phép xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ hiện trạng của bộ phận, hạng mục công trình sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và

ảnh chụp (10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo.

- Đối với các công trình di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng, thì phải có bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp.

Lưu ý: Ngoài các tài liệu quy định đối với mỗi loại công trình nêu trên, hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung thêm các tài liệu khác đối với các trường hợp sau:

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế theo mẫu tại Phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định đầu tư đối với công trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng.

c2) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp hồ sơ phải lấy ý kiến các ngành thời hạn giải quyết không quá **15** ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế đề nghị cấp giấy phép xây dựng có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng tại Bộ phận trả kết quả - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

h) Phí, lệ phí: 150.000 đồng (Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng (riêng đối với công trình xây dựng có thời hạn tiêu đề của đơn được đổi thành: "Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn").

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

k1) Đối với công trình không theo tuyến; Công trình tín ngưỡng; Công trình tôn giáo; Công trình của cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế; Công trình tượng đài, tranh hoành tráng; Công trình quảng cáo; Dự án; Theo giai đoạn

*** Trong đô thị:**

- Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Trường hợp dự án đầu tư xây dựng trong đô thị tại khu vực chưa có quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị thì giấy phép quy hoạch xây dựng hoặc thông tin quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng.

- Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

- Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.

- Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

*** Ngoài đô thị**

- Phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

- Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.

- Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

k2) Đối với công trình theo tuyến trong đô thị

- Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý

quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Trường hợp dự án đầu tư xây dựng trong đô thị tại khu vực chưa có quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị thì giấy phép quy hoạch xây dựng hoặc thông tin quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng.

- Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

- Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.

- Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

k3) Đối với công trình xây dựng có thời hạn

- Thuộc khu vực có quy hoạch phân khu xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, công bố nhưng chưa thực hiện và chưa có quyết định thu hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Phù hợp với quy mô công trình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cho từng khu vực và thời hạn tồn tại của công trình theo kế hoạch thực hiện quy hoạch phân khu xây dựng đã được phê duyệt.

- Chủ đầu tư cam kết tự phá dỡ công trình khi hết thời hạn tồn tại được ghi trong giấy phép xây dựng có thời hạn, nếu không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế và chịu mọi chi phí cho việc cưỡng chế phá dỡ.

- Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

- Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.

- Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/05/2017 của Chính phủ Quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng.

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

- Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)

Kính gửi: ……

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ): ……..
- Người đại diện: …… Chức vụ (nếu có): ……**.....**
- Địa chỉ liên hệ: …… **..**
- Số nhà: …… Đường/phố ……. Phường/xã ……..
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố: …….
- Số điện thoại: ……**.....**

2. Thông tin công trình:

- Địa Điểm xây dựng: …… **.....**
- Lô đất số: ……. Diện tích ……. m2.
- Tại số nhà: ……. Đường/phố ……**.....**
- Phường/xã …….. Quận/huyện ……**.....**
- Tỉnh, thành phố: ……**.....**

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Đối với công trình không theo tuyến:

- Loại công trình: …….. Cấp công trình: ……
- Diện tích xây dựng: …… m^2.
- Cốt xây dựng: …… m
- Tổng diện tích sàn: ……m^2 *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.
- Chiều cao công trình: ……..m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.
- Số tầng: *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

3.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……
- Tổng chiều dài công trình: …….. m *(ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).*
- Cốt của công trình: ……..m *(ghi rõ cốt qua từng khu vực)*
- Chiều cao tĩnh không của tuyến: …….. m *(ghi rõ chiều cao qua các khu vực).*
- Độ sâu công trình: ……m *(ghi rõ độ sâu qua từng khu vực)*

3.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……..
- Diện tích xây dựng: …….m^2.
- Cốt xây dựng: ……m
- Chiều cao công trình: ……..m

3.4. Đối với công trình quảng cáo:

- Loại công trình: …….. Cấp công trình: ……
- Diện tích xây dựng: ……..m^2.
- Cốt xây dựng: ……..m
- Chiều cao công trình: …….m
- Nội dung quảng cáo: …….

3.5. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình: ……..
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): ……m^2.
- Tổng diện tích sàn: ……..m^2 *(trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.
- Chiều cao công trình: ……..m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.
- Số tầng: *(trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

3.6. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: …… Cấp công trình: …….
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): …….m^2.
- Tổng diện tích sàn: …….m^2 *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.
- Chiều cao công trình: …….m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.
- Số tầng: *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*
- Thông tin về số, ngày cấp, cơ quan cấp giấy phép xây dựng:…….

3.7. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến:

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……

+ Diện tích xây dựng: …….m^2.

+ Cốt xây dựng: ……m

+ Chiều sâu công trình: ……m *(tính từ cốt xây dựng)*

- Giai đoạn 2:

+ Tổng diện tích sàn: ……..m^2 *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

+ Chiều cao công trình: ……m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

+ Số tầng: *…....(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

3.8. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……

- Tổng chiều dài công trình theo giai đoạn: ……m *(ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố)*.

- Cốt của công trình: ……..m *(qua các khu vực theo từng giai đoạn)*

- Chiều cao tĩnh không của tuyến: ……..m *(ghi rõ chiều cao qua các khu vực theo từng giai đoạn)*.

- Độ sâu công trình: ……m *(ghi rõ độ sâu qua các khu vực theo từng giai đoạn)*

3.9. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án: ……

+ Đã được: …….phê duyệt, theo Quyết định số: ……. ngày ……

- Gồm: *(n)* công trình

Trong đó:

+ Công trình số *(1-n)*: *(tên công trình)*

* Loại công trình: …….. Cấp công trình: ……

* Các thông tin chủ yếu của công trình: ……

3.10. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……..

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): ……m^2.

- Tổng diện tích sàn: ……m^2.

- Chiều cao công trình: ……m^2.

- Địa Điểm công trình di dời đến: ……..

- Lô đất số: …… Diện tích ……m^2.
- Tại: …… Đường: ……..
- Phường (xã) ……. Quận (huyện) …….
- Tỉnh, thành phố: …….
- Số tầng: ……..

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế: ……

- Tên đơn vị thiết kế: ……
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số ……. Cấp ngày ……..
- Tên chủ nhiệm thiết kế: ……
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: ……do …….. Cấp ngày: ……..
- Địa chỉ: ……
- Điện thoại: ……
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): ……cấp ngày ……..

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: …… tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

…… ngày ……tháng ….. năm ……

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế: ……..
1.1. Tên: ……
1.2. Địa chỉ: …….
1.3. Số điện thoại: ……..
1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh: …….
2. Kinh nghiệm thiết kế: …….
2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
a) ……..
b) ……..
2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
a) Số lượng: …….
Trong đó:
- Kiến trúc sư: ……
- Kỹ sư các loại: ……
b) Chủ nhiệm thiết kế:
- Họ và tên: ……
- Số chứng chỉ: ……
- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì *(tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ)*: ……
c) Chủ trì thiết kế các bộ môn *(kê khai đối với tất cả các bộ môn)*:
- Họ và tên: ……..
- Số chứng chỉ: ……
- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì *(tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ)*: ……

……., Ngày …… tháng.... năm ....
Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế
(Ký ghi rõ họ tên)

17. Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Mã số TTHC: 1.007197.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ, lệ phí đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Bước 2: Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa.

+ Khi xem xét hồ sơ, xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì trong thời hạn 05 ngày làm việc Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản lần 2 hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không xem xét việc cấp giấy phép và thông báo cho chủ đầu tư biết lý do. Thời gian chủ đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

+ Đối chiếu với các điều kiện cấp phép, trường hợp phải gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng; Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi lấy ý kiến, thời gian 5 ngày làm việc.

+ Sở Xây dựng căn cứ các quy định hiện hành và các điều kiện cấp phép để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng cho chủ đầu tư; nếu hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng có công văn trả lời.

- Bước 3: Chủ đầu tư nhận giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu cấp phép của Sở Xây dựng hoặc nhận công văn trả lời tại Bộ phận trả kết quả - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại Điểm này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

*** Số lượng hồ sơ**: 01 bộ văn bản; 02 bộ bản vẽ thiết kế.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá **10** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xây dựng được điều chỉnh.

h) Lệ phí: 20.000 đồng (Theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Điều chỉnh giấy phép xây dựng trong trường hợp điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung dưới đây:

+ Thay đổi hình thức kiến trúc mặt ngoài của công trình đối với công trình trong đô thị thuộc khu vực có yêu cầu về quản lý kiến trúc.

+ Thay đổi một trong các yếu tố về vị trí, diện tích xây dựng; quy mô, chiều cao, số tầng của công trình và các yếu tố khác ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực chính.

+ Khi điều chỉnh thiết kế bên trong công trình làm thay đổi công năng sử dụng làm ảnh hưởng đến an toàn, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường.

- Đối với trường hợp xây dựng sai với giấy phép xây dựng được cấp thì phải bị xử lý vi phạm theo quy định hiện hành, trước khi đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

- Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC SỐ 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 / 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho: Công trình)

Kính gửi: …….

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ): ……

- Người đại diện: …… Chức vụ: …….
- Địa chỉ liên hệ: …….
- Số nhà: …… Đường (phố) ……. Phường (xã) ……
- Quận (huyện) ……. Tỉnh, thành phố: ……
- Số điện thoại: …….

2. Địa điểm xây dựng: ……

- Lô đất số: ……. Diện tích ……..m^2.
- Tại: ……. Đường: …….
- Phường (xã) ……. Quận (huyện) ……
- Tỉnh, thành phố: …….

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: *(số, ngày, cơ quan cấp)*

Nội dung Giấy phép:

-

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp *(hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại)*:

-

5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế: …….

- Tên đơn vị thiết kế: ……
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số ……. Cấp ngày ……
- Tên chủ nhiệm thiết kế: ……..
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: ……do …… Cấp ngày: ……
- Địa chỉ: …….
- Điện thoại: …….

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): …….. cấp ngày …….

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn: ……. tháng.

7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

……. ngày……tháng ….. năm ……
Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

18. Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử-văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Mã số TTHC: 1.007203.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư thực hiện nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng trên dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Bước 2: Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa.

+ Khi xem xét hồ sơ, xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo, Sở Xây dựng thông báo bằng văn bản lần 2 hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không gia hạn giấy phép và thông báo cho chủ đầu tư biết lý do. Thời gian chủ đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

+ Sở Xây dựng căn cứ các quy định hiện hành và các điều kiện để quyết định. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện, Sở Xây dựng gia hạn giấy phép xây dựng cho chủ đầu tư; nếu hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Xây dựng có công văn trả lời.

- Bước 3: Chủ đầu tư nhận lại giấy phép xây dựng được gia hạn hoặc nhận công văn trả lời tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;

*** Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Không quá **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xây dựng được gia hạn.

h) Lệ phí: 20.000 đồng (Theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trước thời điểm giấy phép xây dựng hết hiệu lực khởi công xây dựng, nếu công trình chưa được khởi công thì chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng. Mỗi giấy phép xây dựng chỉ được gia hạn tối đa 02 lần, thời gian gia hạn mỗi lần là 12 tháng.

- Trường hợp xây dựng sai với giấy phép xây dựng được cấp thì phải bị xử lý vi phạm theo quy định hiện hành trước khi đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

- Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC SỐ 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 / 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho: Công trình)

Kính gửi: …….

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ): ……

- Người đại diện: …… Chức vụ: …….

- Địa chỉ liên hệ: …….

- Số nhà: …… Đường (phố) ……. Phường (xã) ……

- Quận (huyện) ……. Tỉnh, thành phố: ……

- Số điện thoại: …….

2. Địa điểm xây dựng: ……

- Lô đất số: ……. Diện tích ……..m^2.

- Tại: ……. Đường: …….

- Phường (xã) ……. Quận (huyện) ……

- Tỉnh, thành phố: …….

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: *(số, ngày, cơ quan cấp)*

Nội dung Giấy phép:

-

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp *(hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại)*:

-

5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế: …….

- Tên đơn vị thiết kế: ……

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số ……. Cấp ngày ……

- Tên chủ nhiệm thiết kế: ……..

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: ……do …… Cấp ngày: ……

- Địa chỉ: …….

- Điện thoại: …….

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): …….. cấp ngày …….

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn: ……. tháng.

7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

……. ngày……tháng ….. năm ……
Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30/6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế: ……..

1.1. Tên: ……

1.2. Địa chỉ: ……

1.3. Số điện thoại: ……..

1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh: …….

2. Kinh nghiệm thiết kế: …….

2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:

a) ……..

b) ……..

2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:

a) Số lượng: …….

Trong đó:

- Kiến trúc sư: …….

- Kỹ sư các loại: …….

b) Chủ nhiệm thiết kế:

- Họ và tên: ……

- Số chứng chỉ : ……

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì *(tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ)*:

c) Chủ trì thiết kế các bộ môn *(kê khai đối với tất cả các bộ môn)*:

- Họ và tên: ……..

- Số chứng chỉ : ……

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì *(tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ)*: ……

……..., Ngày …… tháng.... năm ....
Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế
(Ký ghi rõ họ tên)

19. Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử-văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Mã số TTHC: 1.007207.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư thực hiện nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình trên dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Bước 2: Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa.

+ Khi xem xét hồ sơ, xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo, Sở Xây dựng thông báo bằng văn bản lần 2 hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở xây dựng có quyền không gia hạn giấy phép và thông báo cho chủ đầu tư biết lý do. Thời gian chủ đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

+ Sở Xây dựng căn cứ các quy định hiện hành và các điều kiện để quyết định việc cấp lại giấy phép xây dựng. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng cho chủ đầu tư; nếu hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng có công văn trả lời.

- Bước 3: Chủ đầu tư nhận giấy phép xây dựng hoặc nhận công văn trả lời tại Bộ phận trả kết quả - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát).

*** Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: Không quá **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xây dựng được cấp lại.

h) Lệ phí: 20.000 đồng (Theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xây dựng chỉ cấp lại đối với các trường hợp bị rách, nát, hoặc bị mất.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

- Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC SỐ 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 / 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho: Công trình)

Kính gửi: …….

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ): ……

- Người đại diện: …… Chức vụ: …….
- Địa chỉ liên hệ: …….
- Số nhà: …… Đường (phố) ……. Phường (xã) ……
- Quận (huyện) ……. Tỉnh, thành phố: ……
- Số điện thoại: …….

2. Địa điểm xây dựng: ……

- Lô đất số: ……. Diện tích ……..m^2.
- Tại: ……. Đường: …….
- Phường (xã) ……. Quận (huyện) ……
- Tỉnh, thành phố: …….

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: *(số, ngày, cơ quan cấp)*

Nội dung Giấy phép:

-

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp *(hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại)*:

-

5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế: …….

- Tên đơn vị thiết kế: ……
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số ……. Cấp ngày ……
- Tên chủ nhiệm thiết kế: ……..
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: ……do …… Cấp ngày: ……
- Địa chỉ: …….
- Điện thoại: …….

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): …….. cấp ngày …….

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn: ……. tháng.

7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

……. ngày……tháng ….. năm ……
Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

20. Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Mã số TTHC: 1.007145.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ, lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Bước 2: Trong thời hạn 8 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa.

+ Khi xem xét hồ sơ, xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì trong thời hạn 03 ngày làm việc Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản lần 2 hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở Xây dựng có quyền không xem xét việc cấp giấy phép và thông báo cho chủ đầu tư biết lý do. Thời gian chủ đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

+ Đối chiếu với các điều kiện cấp phép, trường hợp phải gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng; Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi lấy ý kiến, thời gian 5 ngày làm việc.

+ Sở Xây dựng căn cứ các quy định hiện hành và các điều kiện cấp phép để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng cho chủ đầu tư; nếu hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng có công văn trả lời.

- Bước 3: Chủ đầu tư nhận kết quả giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu cấp phép của Sở Xây dựng hoặc nhận công văn trả lời tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật hoặc bản sao giấy phép xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ hiện trạng của bộ phận, hạng mục công trình sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo.

- Đối với các công trình di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng, thì phải có bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp.

Ngoài các tài liệu quy định đối với mỗi loại công trình nêu trên, hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung thêm các tài liệu khác đối với các trường hợp sau:

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế theo mẫu tại Phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định đầu tư đối với công trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng.

c2) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp hồ sơ phải lấy ý kiến các ngành thời hạn giải quyết không quá **15** ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế đề nghị cấp giấy phép xây dựng có đóng dấu của cơ quan có thẩm

quyền cấp giấy phép xây dựng tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

h) Phí, lệ phí: 150.000 đồng (Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng (riêng đối với công trình xây dựng có thời hạn tiêu đề của đơn được đổi thành: "Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn").

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/05/2017 của Chính phủ Quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng.

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

- Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)

Kính gửi: ……

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ): ……..
- Người đại diện: …… Chức vụ (nếu có): ……**.....**
- Địa chỉ liên hệ: …… **..**
- Số nhà: …… Đường/phố ……. Phường/xã ……..
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố: …….
- Số điện thoại: ……**.....**

2. Thông tin công trình:

- Địa Điểm xây dựng: …… **.....**
- Lô đất số: ……. Diện tích ……. m2.
- Tại số nhà: ……. Đường/phố ……**.....**
- Phường/xã …….. Quận/huyện ……**.....**
- Tỉnh, thành phố: ……**.....**

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Đối với công trình không theo tuyến:

- Loại công trình: …….. Cấp công trình: ……
- Diện tích xây dựng: …… m^2.
- Cốt xây dựng: …… m
- Tổng diện tích sàn: ……m^2 *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

- Chiều cao công trình: ……..m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

- Số tầng: *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

3.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……

- Tổng chiều dài công trình: …….. m *(ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố)*.

- Cốt của công trình: ……..m *(ghi rõ cốt qua từng khu vực)*

- Chiều cao tĩnh không của tuyến: …….. m *(ghi rõ chiều cao qua các khu vực)*.

- Độ sâu công trình: ……m *(ghi rõ độ sâu qua từng khu vực)*

3.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……..

- Diện tích xây dựng: …….m^2.

- Cốt xây dựng: ……m

- Chiều cao công trình: ……..m

3.4. Đối với công trình quảng cáo:

- Loại công trình: …….. Cấp công trình: ……

- Diện tích xây dựng: ……..m^2.

- Cốt xây dựng: ……..m

- Chiều cao công trình: …….m

- Nội dung quảng cáo: …….

3.5. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình: ……..

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): ……m^2.

- Tổng diện tích sàn: ……..m^2 *(trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

- Chiều cao công trình: ……..m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

- Số tầng: *(trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

3.6. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: …… Cấp công trình: …….

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): …….m^2.

- Tổng diện tích sàn: …….m^2 *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

- Chiều cao công trình: …….m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

- Số tầng: *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

- Thông tin về số, ngày cấp, cơ quan cấp giấy phép xây dựng:…….

3.7. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến:

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……

+ Diện tích xây dựng: …….m^2.

+ Cốt xây dựng: ……m

+ Chiều sâu công trình: ……m *(tính từ cốt xây dựng)*

- Giai đoạn 2:

+ Tổng diện tích sàn: ……..m^2 *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

+ Chiều cao công trình: ……m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

+ Số tầng: *…....(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

3.8. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……

- Tổng chiều dài công trình theo giai đoạn: ……m *(ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố)*.

- Cốt của công trình: ……..m *(qua các khu vực theo từng giai đoạn)*

- Chiều cao tĩnh không của tuyến: ……..m *(ghi rõ chiều cao qua các khu vực theo từng giai đoạn)*.

- Độ sâu công trình: ……m *(ghi rõ độ sâu qua các khu vực theo từng giai đoạn)*

3.9. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án: ……

+ Đã được: …….phê duyệt, theo Quyết định số: ……. ngày ……

- Gồm: *(n)* công trình

Trong đó:

+ Công trình số *(1-n)*: *(tên công trình)*

* Loại công trình: …….. Cấp công trình: ……

* Các thông tin chủ yếu của công trình: ……

3.10. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……..

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): ……m^2.

- Tổng diện tích sàn: ……m^2.

- Chiều cao công trình: ……m^2.

- Địa Điểm công trình di dời đến: ……..

- Lô đất số: …… Diện tích ……m^2.

- Tại: …… Đường: ……..

- Phường (xã) ……. Quận (huyện) …….

- Tỉnh, thành phố: …….

- Số tầng: ……..

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế: ……

- Tên đơn vị thiết kế: ……

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số ……. Cấp ngày ……..

- Tên chủ nhiệm thiết kế: ……

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: ……do …….. Cấp ngày: ……..

- Địa chỉ: ……

- Điện thoại: ……

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): ……cấp ngày ……..

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: …… tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

…… ngày ……tháng ….. năm ……

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế: ……..

1.1. Tên: ……

1.2. Địa chỉ: …….

1.3. Số điện thoại: ……..

1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh: …….

2. Kinh nghiệm thiết kế: …….

2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:

a) ……..

b) ……..

2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:

a) Số lượng: …….

Trong đó:

- Kiến trúc sư: …….

- Kỹ sư các loại: …….

b) Chủ nhiệm thiết kế:

- Họ và tên: ……

- Số chứng chỉ: ……

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì *(tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ)*: ……

c) Chủ trì thiết kế các bộ môn *(kê khai đối với tất cả các bộ môn)*:

- Họ và tên: ……..

- Số chứng chỉ: ……

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì *(tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ)*: ……

……., Ngày …… tháng.... năm ....

Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế

(Ký ghi rõ họ tên)

21. Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Mã số TTHC: 1.007187.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ, lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Bước 2: Trong thời hạn 8 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa.

+ Khi xem xét hồ sơ, xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì trong thời hạn 03 ngày làm việc Sở Xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản lần 2 hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì Sở Xây dựng có quyền không xem xét việc cấp giấy phép và thông báo cho chủ đầu tư biết lý do. Thời gian chủ đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

+ Đối chiếu với các điều kiện cấp phép, trường hợp phải gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng; Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi lấy ý kiến, thời gian 5 ngày làm việc.

+ Sở Xây dựng căn cứ các quy định hiện hành và các điều kiện cấp phép để quyết định việc cấp giấy phép di dời đối với công trình. Nếu hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng cấp giấy phép cho chủ đầu tư; nếu hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép, Sở Xây dựng có công văn trả lời.

- Bước 3: Chủ đầu tư nhận kết quả giấy phép di dời đối với công trình kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu cấp phép của Sở Xây dựng, hoặc nhận công văn trả lời tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/05/2017 của Chính phủ nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về quyền sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ tổng mặt bằng, nơi công trình sẽ được di dời tới tỷ lệ 1/50 - 1/500.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200, mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 tại địa điểm công trình sẽ di dời tới.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính phương án di dời gồm:

+ Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình;

+ Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.

- Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại mục 3, mục 4 Điểm này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

Ngoài các tài liệu quy định đối với mỗi loại công trình nêu trên, hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung thêm các tài liệu khác đối với các trường hợp sau:

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế theo mẫu tại Phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định đầu tư đối với công trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng.

c2) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp hồ sơ phải lấy ý kiến các ngành thời hạn giải quyết không quá **15** ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế đề nghị cấp giấy phép xây dựng có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

h) Phí, lệ phí: 150.000 đồng (Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng (riêng đối với công trình xây dựng có thời hạn tiêu đề của đơn được đổi thành: "Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn").

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/05/2017 của Chính phủ Quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng.

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

- Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)

Kính gửi: ……

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ): ……..
- Người đại diện: …… Chức vụ (nếu có): ……**.....**
- Địa chỉ liên hệ: …… **..**
- Số nhà: …… Đường/phố ……. Phường/xã ……..
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố: …….
- Số điện thoại: ……**.....**

2. Thông tin công trình:

- Địa Điểm xây dựng: …… **.....**
- Lô đất số: ……. Diện tích ……. m2.
- Tại số nhà: ……. Đường/phố ……**.....**
- Phường/xã …….. Quận/huyện ……**.....**
- Tỉnh, thành phố: ……**.....**

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Đối với công trình không theo tuyến:

- Loại công trình: …….. Cấp công trình: ……
- Diện tích xây dựng: …… m^2.
- Cốt xây dựng: …… m
- Tổng diện tích sàn: ……m^2 *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

- Chiều cao công trình: ……..m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

- Số tầng: *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

3.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……

- Tổng chiều dài công trình: …….. m *(ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố)*.

- Cốt của công trình: ……..m *(ghi rõ cốt qua từng khu vực)*

- Chiều cao tĩnh không của tuyến: …….. m *(ghi rõ chiều cao qua các khu vực).*

- Độ sâu công trình: ……m *(ghi rõ độ sâu qua từng khu vực)*

3.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……..

- Diện tích xây dựng: …….m^2.

- Cốt xây dựng: ……m

- Chiều cao công trình: ……..m

3.4. Đối với công trình quảng cáo:

- Loại công trình: …….. Cấp công trình: ……

- Diện tích xây dựng: ……..m^2.

- Cốt xây dựng: ……..m

- Chiều cao công trình: …….m

- Nội dung quảng cáo: …….

3.5. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình: ……..

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): ……m^2.

- Tổng diện tích sàn: ……..m^2 *(trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

- Chiều cao công trình: ……..m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

- Số tầng: *(trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

3.6. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: …… Cấp công trình: …….

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): …….m^2.

- Tổng diện tích sàn: …….m^2 *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

- Chiều cao công trình: …….m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

- Số tầng: *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

- Thông tin về số, ngày cấp, cơ quan cấp giấy phép xây dựng:…….

3.7. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến:

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……

+ Diện tích xây dựng: …….m^2.

+ Cốt xây dựng: ……m

+ Chiều sâu công trình: ……m *(tính từ cốt xây dựng)*

- Giai đoạn 2:

+ Tổng diện tích sàn: ……..m^2 *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

+ Chiều cao công trình: ……m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

+ Số tầng: *…....(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

3.8. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……

- Tổng chiều dài công trình theo giai đoạn: ……m *(ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố)*.

- Cốt của công trình: ……..m *(qua các khu vực theo từng giai đoạn)*

- Chiều cao tĩnh không của tuyến: ……..m *(ghi rõ chiều cao qua các khu vực theo từng giai đoạn)*.

- Độ sâu công trình: ……m *(ghi rõ độ sâu qua các khu vực theo từng giai đoạn)*

3.9. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án: ……

+ Đã được: …….phê duyệt, theo Quyết định số: ……. ngày ……

- Gồm: *(n)* công trình

Trong đó:

+ Công trình số *(1-n)*: *(tên công trình)*

* Loại công trình: …….. Cấp công trình: ……

* Các thông tin chủ yếu của công trình: ……

3.10. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……..

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): ……m^2.

- Tổng diện tích sàn: ……m^2.

- Chiều cao công trình: ……m^2.

- Địa Điểm công trình di dời đến: ……..

- Lô đất số: …… Diện tích ……m^2.

- Tại: …… Đường: ……..

- Phường (xã) ……. Quận (huyện) …….

- Tỉnh, thành phố: …….

- Số tầng: ……..

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế: ……

- Tên đơn vị thiết kế: ……

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số ……. Cấp ngày ……..

- Tên chủ nhiệm thiết kế: ……

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: ……do …….. Cấp ngày: ……..

- Địa chỉ: ……

- Điện thoại: ……

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): ……cấp ngày ……..

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: …… tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

…… ngày ……tháng ….. năm ……

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế: ……..
1.1. Tên: ……
1.2. Địa chỉ: …….
1.3. Số điện thoại: ……..
1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh: …….
2. Kinh nghiệm thiết kế: …….
2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
a) ……..
b) ……..
2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
a) Số lượng: …….
Trong đó:
- Kiến trúc sư: ……
- Kỹ sư các loại: ……
b) Chủ nhiệm thiết kế:
- Họ và tên: ……
- Số chứng chỉ: ……
- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì *(tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ)*: ……
c) Chủ trì thiết kế các bộ môn *(kê khai đối với tất cả các bộ môn)*:
- Họ và tên: ……..
- Số chứng chỉ: ……
- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì *(tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ)*: ……

……., Ngày …… tháng.... năm ....
Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế
(Ký ghi rõ họ tên)

III. LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

1. Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư . Mã số TTHC: 1.002643.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư chuyển nhượng gửi 01 bộ hồ sơ về đề nghị chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ về Sở Xây dựng;

- Bước 3: Sở Xây dựng có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến của Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ quản lý chuyên ngành và tổ chức thẩm hồ sơ chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án trong thời gian 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Bước 4: Sau khi hoàn thành việc thẩm định, Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thẩm định để Thủ tướng Chính phủ quyết định. Trường hợp không đủ điều kiện cho phép chuyển nhượng thì Sở Xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư chuyển nhượng biết rõ lý do.

- Bước 5: Chuyển trả kết quả cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng;

- Hồ sơ dự án, phần dự án đề nghị cho chuyển nhượng bao gồm:

+ Văn bản cho phép đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản sao có chứng thực);

+ Quyết định phê duyệt dự án, quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng (bản sao có chứng thực);

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của toàn bộ hoặc phần dự án đề nghị chuyển nhượng (bản sao có chứng thực);

- Báo cáo quá trình thực hiện dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng đến thời điểm chuyển nhượng.

- Hồ sơ của chủ đầu tư nhận chuyển nhượng bao gồm:

+ Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề kinh doanh bất động sản hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có vốn điều lệ đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 3 Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 (bản sao có chứng thực), trừ trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chưa thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư.

+ Văn bản chứng minh có vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, về đất đai. Trường hợp chưa có văn bản chứng minh có vốn thuộc sở hữu của mình theo quy định của pháp luật về đầu tư, về đất đai thì phải có văn bản xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán về mức vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất (năm nhận chuyển nhượng hoặc năm trước liền kề năm nhận chuyển nhượng) đối với doanh nghiệp đang hoạt động; đối với doanh nghiệp mới thành lập thì nếu số vốn là tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ thì phải được ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp đó mở tài khoản xác nhận về số dư tiền gửi của doanh nghiệp, nếu số vốn là tài sản thì phải có chứng thư của tổ chức có chức năng định giá hoặc thẩm định giá đang hoạt động tại Việt Nam về kết quả định giá, thẩm định giá tài sản của doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn **45** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án (Doanh nghiệp Kinh doanh bất động sản).

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND tỉnh - Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án bất động sản.

h) Phí, lệ phí: 200.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ dự án và đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng một phần dự án (theo Mẫu số 08a và 08b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).

- Báo cáo quá trình thực hiện dự án (theo Mẫu số 09a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).

- Báo cáo quá trình thực hiện dự án và một phần dự án chuyển nhượng (theo Mẫu số 09b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).

- Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án (theo Mẫu số 10a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).

- Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng một phần dự án (theo Mẫu số 10b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).

- Quyết định về chấp thuận chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án) (theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Chủ đầu tư chuyển nhượng đã có giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất đối với toàn bộ hoặc phần dự án chuyển nhượng.

- Chủ đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản phải là doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, có đủ năng lực tài chính và cam kết tiếp tục việc triển khai đầu tư xây dựng, kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tiến độ, nội dung dự án.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014.

- Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN
(Mẫu số 08a quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)……
- Tên Doanh nghiệp:.....
- Địa chỉ: …….....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: …….....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....
- Người đại diện theo pháp luật: …….....……. Chức vụ: …….
- Số điện thoại liên hệ:.....

Hiện đang là chủ đầu tư dự án: …….....
Thuộc địa bàn xã…….....…huyện…….....……tỉnh…….....
Đề nghị được chuyển nhượng toàn bộ dự án.....…… với các nội dung chính như sau:
I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN
1- Tên dự án: …….....……..
2- Địa điểm: …….....……...
3- Nội dung và quy mô dự án: …….....……
4- Diện tích sử dụng đất: …….....……
5- Diện tích đất xây dựng: …….....……
6- Tổng mức đầu tư:.....
7- Nguồn vốn đầu tư: …….....…….……
8- Tóm tắt tình hình triển khai dự án: …….....…….
II. LÍ DO XIN CHUYỂN NHƯỢNG…….…….....…
III. ĐỀ XUẤT CHỦ ĐẦU TƯ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG LÀ: (Tên chủ đầu tư mới; Địa chỉ; Người đại diện; Năng lực tài chính; Kinh nghiệm)
IV. PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT VỀ QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN……
V. CAM KẾT …….
(Có báo cáo tình hình thực hiện dự án gửi kèm theo)

……., ngày …. tháng……năm ……

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN
(Mẫu số 08b quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)……

- Tên Doanh nghiệp:.....
- Địa chỉ: …….....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: …….....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....
- Người đại diện theo pháp luật: ……. Chức vụ: .....
- Số điện thoại liên hệ:.....

Hiện đang là chủ đầu tư dự án: …….....

Thuộc địa bàn xã……huyện……tỉnh…….…….....

Đề nghị được chuyển nhượng một phần dự án …… với các nội dung chính như sau:

I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN

1. Tên dự án: ……
2. Địa điểm: …….....
3. Nội dung và quy mô dự án: ……..
4. Diện tích sử dụng đất của dự án: …….
5. Diện tích đất xây dựng: ……
6. Tổng mức đầu tư:
7. Nguồn vốn đầu tư: ……...
8. Tóm tắt tình hình triển khai dự án: ……...

II. XIN PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN

1. Diện tích đất: …….
2. Vị trí khu đất: …….
3. Quy mô công trình: ……
4. Hiện trạng đang thực hiện: ……

III. Lí DO XIN CHUYỂN NHƯỢNG……

IV. ĐỀ XUẤT CHỦ ĐẦU TƯ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG LÀ:

(Tên chủ đầu tư mới; Địa chỉ; Người đại diện; Năng lực tài chính; Kinh nghiệm)

V. PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT VỀ QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN: ……

VI. CAM KẾT……., ngày …. tháng……năm ……

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

BÁO CÁO QUÁT TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Mẫu số 09a quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

Tên chủ đầu tư…… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: …./….. …, ngày… tháng… năm…..

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân …….

1. Tên chủ đầu tư:

- Địa chỉ: …….…….....

- Người đại diện……..……...…….

- Số điện thoại……..…….……

2. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án……..……..…….

- Địa điểm dự án…….

- Quyết định phê duyệt dự án (Văn bản chấp thuận đầu tư, cho phép đầu tư..)…

- Mục tiêu của dự án: …….……...

- Tổng diện tích đất:..... Trong đó bao gồm: ……...

+ Quy mô (diện tích đất, quy hoạch sử dụng đất, hệ số sử dụng đất…)

+ Các chỉ tiêu về xây dựng công trình (mật độ xây dựng, diện tích xây dựng, diện tích nhà ở, số lượng nhà ở……) ……

+ Tổng mức đầu tư (Nêu rõ cơ cấu nguồn vốn)…….……

+ Tổng tiến độ và tiến độ chi tiết của dự án…..…….……....

+ Các thông tin khác…….…….

3. Các văn bản hồ sơ pháp lý của dự án gồm: …….

4. Quá trình thực hiện dự án:

- Tình hình giải phóng mặt bằng……..……

- Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất…….

- Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật……..……

- Tình hình xây dựng nhà, công trình xây dựng.……...

- Tiến độ thực hiện dự án…….…….

- Tình hình huy động vốn……..……
- Tình hình bán nhà ở (hoặc tình hình kinh doanh BĐS)…….…….
- Tình hình chuyển nhượng đất cho các nhà đầu tư cấp 2……
- Các vấn đề khác …….....

5. Các nội dung đó cam kết với khách hàng…….

6. Các quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân có liên quan ……...

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu: …..

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

BÁO CÁO QUÁI TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ MỘT PHẦN DỰ ÁN CHUYỂN NHƯỢNG

(Mẫu số 09b quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

Tên chủ đầu tư……. **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: …./….. …, ngày… tháng… năm…..

BÁO CÁO

QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ MỘT PHẦN DỰ ÁN CHUYỂN NHƯỢNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân …….

1. Tên chủ đầu tư:

- Địa chỉ…….

- Người đại diện……

- Số điện thoại……..…….……

2. Thông tin chung về dự án và phần dự án chuyển nhượng:

a) Thông tin về dự án

- Tên dự án……..……..……

- Địa điểm dự án……

- Quyết định phê duyệt dự án (Văn bản chấp thuận đầu tư, cho phép đầu tư..).....

- Mục tiêu của dự án: ……...

- Tổng diện tích đất:..... Trong đó bao gồm: ……...

+ Quy mô (diện tích đất, quy hoạch sử dụng đất, hệ số sử dụng đất,...)

+ Các chỉ tiêu về xây dựng công trình (mật độ xây dựng, diện tích xây dựng, diện tích nhà ở, số lượng nhà ở……) …….

+ Tổng mức đầu tư (nêu rõ cơ cấu nguồn vốn)…….

+ Tổng tiến độ và tiến độ chi tiết của dự án……..

+ Các thông tin khác…….

b) Thông tin về phần dự án chuyển nhượng

- Diện tích đất……..……..

- Quy mô công trình…….
- Tiến độ thực hiện, hiện trạng……..
- Hồ sơ pháp lý…….
- Các thông tin khác……..……

3. Các văn bản hồ sơ pháp lý của dự án gồm: …….

4. Quá trình thực hiện dự án:

- Tình hình giải phóng mặt bằng……..…….
- Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất…….
- Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật……..
- Tình hình xây dựng nhà, công trình xây dựng.……...
- Tiến độ thực hiện dự án …….
- Tình hình huy động vốn……..
- Tình hình bán nhà, bán đất (hoặc tình hình kinh doanh BĐS)……
- Tình hình chuyển nhượng đất cho các nhà đầu tư cấp 2……
- Các vấn đề khác …….....

5. Quá trình thực hiện của phần dự án chuyển nhượng:

- Tình hình giải phóng mặt bằng……...
- Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất…….
- Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật…….……
- Tình hình xây dựng công trình, nhà ở……
- Tiến độ thực hiện dự án……
- Tình hình huy động vốn……..
- Tình hình kinh doanh bán nhà, (hoặc tình hình kinh doanh bất động sản)
- Các vấn đề khác.....

6. Các nội dung đã cam kết với khách hàng…….

7. Các quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân có liên quan ……...

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu: …..

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN

(Mẫu số 10a quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN

Kính gửi: ……

1. Tên doanh nghiệp xin nhận chuyển nhượng dự án ……..

- Địa chỉ: …….……

- Giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp số:.....

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: …….…….

- Người đại diện theo pháp luật…….……

2. Năng lực về tài chính (về vốn chủ sở hữu, khả năng huy động vốn....)

3. Năng lực kinh nghiệm (các dự án tương tự đó và đang triển khai về quy mô, vốn đầu tư…...; số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư bất động sản...):……

4. Đề nghị được nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án sau:

- Tên dự án: ……..……..…

- Chủ đầu tư là: …….……

- Địa điểm: …….…….……

- Nội dung và quy mô dự án: …..……...……

- Diện tích sử dụng đất của dự án: ….…….……

- Diện tích đất xây dựng: …….…….……

- Tổng mức đầu tư: …….……..……

5. Cam kết: Nếu được cấp có thẩm quyền cho phép được nhận chuyển nhượng và làm chủ đầu tư dự án ……..…, Công ty chúng tôi xin cam kết thực hiện như sau:

- Về kế hoạch triển khai tiếp dự án…….…

- Về tiến độ……..…

- Tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của chủ đầu tư đối với khách hàng và các bên có liên quan…….……

…….,ngày …. tháng……năm ……

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

CHỦ ĐẦU TƯ MỚI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG
MỘT PHẦN DỰ ÁN
(Mẫu số 10b quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG
MỘT PHẦN DỰ ÁN

Kính gửi: ……..

1. Tên doanh nghiệp xin nhận chuyển nhượng một phần dự án ……

- Địa chỉ……..……...

- Giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp số:.....

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ……..…….....**.....**

- Người đại diện theo pháp luật: ……...

2. Năng lực về tài chính (về vốn chủ sở hữu, khả năng huy động vốn....)

3. Năng lực kinh nghiệm (các dự án tương tự đó và đang triển khai về quy mô, vốn đầu tư...; số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư bất động sản...):

4. Đề nghị được nhận chuyển nhượng một phần dự án sau:

a) Thông tin chung về dự án:

- Tên dự án: …….……

- Địa điểm: ……..…….

- Nội dung và quy mô dự án: ……..…….

- Diện tích sử dụng đất của dự án: ……...

- Diện tích đất xây dựng: ……..……...

- Tổng mức đầu tư: ……..

b) Thông tin về phần dự án xin nhận chuyển nhượng:

- Vị trí khu đất: …….

- Quy mô công trình: ……..……..

- Hiện trạng đang thực hiện: …….

5. Cam kết: Nếu được cấp có thẩm quyền cho phép được nhận chuyển nhượng một phần ……, Công ty chúng tôi xin cam kết thực hiện như sau:

- Về kế hoạch triển khai tiếp dự án……

- Về tiến độ……

- Tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của chủ đầu tư đối với khách hàng và các bên cú liên quan……...

…….,ngày …. tháng……năm ……

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

CHỦ ĐẦU TƯ MỚI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 11

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH /THÀNH PHỐ...** **------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: /QĐ-UBND	*……, ngày ….. tháng.....năm ……..*

QUYẾT ĐỊNH

Về chấp thuận chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án)……..

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ …….

Căn cứ .....;

Căn cứ .....;

Xét đề nghị của .....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án) ..... từ công ty …….. cho công ty …… với các nội dung sau:

1. Quy mô và kết quả thực hiện của dự án xin chuyển nhượng:

a) Quy mô đầu tư xây dựng của toàn bộ dự án (theo Quyết định số.....)

- Quy mô sử dụng đất:

+ Tổng diện tích đất:

+ Diện tích đất xây dựng công trình:

+ Diện tích đất giao thông; công viên; cấp thoát nước....

+ Hệ số sử dụng đất: .....

- Quy mô đầu tư xây dựng:

+ Tổng diện tích sàn xây dựng

+ Quy mô công trình:

+ Mật độ xây dựng: .....

- Tổng mức đầu tư của dự án:

- Nguồn vốn đầu tư:

- Tiến độ thực hiện dự án:

b) Quy mô của phần dự án chuyển nhượng *(nếu là chuyển nhượng một phần dự án)*

c) Kết quả thực hiện dự án:

2. Bên chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án):

- Tên doanh nghiệp: .....

- Địa chỉ: .....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: .....

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: .....

3. Bên nhận chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án):

- Tên doanh nghiệp: .....

- Địa chỉ: .....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: .....

Điều 2. Chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận Quyết định này, Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng phải ký kết hợp đồng chuyển nhượng và hoàn thành việc bàn giao dự án (hoặc một phần dự án) theo quy định tại Điều 51 Luật Kinh doanh bất động sản và Nghị định số ……/2015/NĐ-CP ngày …. tháng …… năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản .....

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên chuyển nhượng (theo Khoản 1 Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản)

- Chuyển giao quyền và nghĩa vụ của mình đối với toàn bộ hoặc một phần dự án cho chủ đầu tư nhận chuyển nhượng để tiếp tục đầu tư xây dựng bất động sản để kinh doanh, trừ các quyền và nghĩa vụ đã thực hiện xong mà không liên quan đến chủ đầu tư nhận chuyển nhượng và việc tiếp tục triển khai dự án, phần dự án đó;

- Chuyển giao hồ sơ liên quan cho bên nhận chuyển nhượng; thông báo kịp thời, đầy đủ, công khai và giải quyết thỏa đáng quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và các bên liên quan tới dự án, phần dự án chuyển nhượng;

- Phối hợp với bên nhận chuyển nhượng làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Trường hợp chuyển nhượng một phần dự án bất động sản, bên chuyển nhượng có quyền yêu cầu bên nhận chuyển nhượng tiếp tục đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng trong phần dự án nhận chuyển nhượng theo đúng tiến độ và quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng của dự án; theo dõi và thông báo kịp thời với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm trong việc sử dụng đất, đầu tư xây dựng của bên nhận chuyển nhượng;

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật;

- Các quyền và nghĩa vụ khác: .....

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng (theo Khoản 2 Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản)

- Kế thừa và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư chuyển nhượng đã chuyển giao theo quyết định phê duyệt dự án;

- Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng, kinh doanh dự án theo đúng tiến độ, nội dung của dự án đã được phê duyệt;

- Trường hợp nhận chuyển nhượng một phần dự án bất động sản, bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của bên chuyển nhượng dự án về việc bảo đảm tiến độ, tuân thủ quy hoạch của dự án trong quá trình đầu tư xây dựng;

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư dự án theo quy định pháp luật;

- Các quyền và nghĩa vụ khác: .....

Điều 5. Trách nhiệm của các Sở ngành có liên quan: .....

Điều 6. (Các cá nhân và cơ quan đơn vị có liên quan gồm ……) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- ……;
- Lưu: VT, ...

Họ và tên

2. Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư. Mã số TTHC: 1.002630.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư chuyển nhượng gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ về Sở Xây dựng.

- Bước 3: Sở Xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế, tổ chức thẩm định hồ sơ chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án trong thời gian 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (thời gian lấy ý kiến là 07 ngày).

- Bước 4: Sau khi hoàn thành việc thẩm định, Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký ban hành quyết định cho phép chuyển nhượng trong thời gian 10 ngày. Trường hợp không đủ điều kiện cho phép chuyển nhượng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Xây dựng được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư chuyển nhượng biết rõ lý do.

- Bước 5: Chuyển trả kết quả cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng;

+ Hồ sơ dự án, phần dự án đề nghị cho chuyển nhượng bao gồm:

♦ Văn bản cho phép đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản sao có chứng thực);

♦ Quyết định phê duyệt dự án, quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng (bản sao có chứng thực);

♦ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của toàn bộ hoặc phần dự án đề nghị chuyển nhượng (bản sao có chứng thực);

♦ Báo cáo quá trình thực hiện dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng đến thời điểm chuyển nhượng.

+ Hồ sơ của chủ đầu tư nhận chuyển nhượng bao gồm:

♦ Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án;

♦ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề kinh doanh bất động sản hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có vốn điều lệ đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 3 Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 (bản sao có chứng thực), trừ trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chưa thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư.

♦ Văn bản chứng minh có vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, về đất đai. Trường hợp chưa có văn bản chứng minh có vốn thuộc sở hữu của mình theo quy định của pháp luật về đầu tư, về đất đai thì phải có văn bản xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán về mức vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất (năm nhận chuyển nhượng hoặc năm trước liền kề năm nhận chuyển nhượng) đối với doanh nghiệp đang hoạt động; đối với doanh nghiệp mới thành lập thì nếu số vốn là tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ thì phải được ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp đó mở tài khoản xác nhận về số dư tiền gửi của doanh nghiệp, nếu số vốn là tài sản thì phải có chứng thư của tổ chức có chức năng định giá hoặc thẩm định giá đang hoạt động tại Việt Nam về kết quả định giá, thẩm định giá tài sản của doanh nghiệp.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn **30** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian thẩm định tại Sở Xây dựng: **20** ngày làm việc.

- Thời gian phê duyệt của UBND tỉnh: **10** ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án (Doanh nghiệp Kinh doanh bất động sản).

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án bất động sản.

h) Phí, lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ dự án và đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng một phần dự án (theo Mẫu số 08a và 08b quy định tại Phụ

lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).

- Báo cáo quá trình thực hiện dự án (theo Mẫu số 09a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).

- Báo cáo quá trình thực hiện dự án và một phần dự án chuyển nhượng (theo Mẫu số 09b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).

- Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án (theo Mẫu số 10a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).

- Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng một phần dự án (theo Mẫu số 10b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).

- Quyết định về chấp thuận chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án) (theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Chủ đầu tư chuyển nhượng đã có giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất đối với toàn bộ hoặc phần dự án chuyển nhượng.

- Chủ đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản phải là doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, có đủ năng lực tài chính và cam kết tiếp tục việc triển khai đầu tư xây dựng, kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tiến độ, nội dung dự án.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014.

- Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN

(Mẫu số 08a quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước

- Tên Doanh nghiệp:.....
- Địa chỉ: …….....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: …….....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....
- Người đại diện theo pháp luật: ……..……. Chức vụ: …….....
- Số điện thoại liên hệ:.....

Hiện đang là chủ đầu tư dự án: …….....……...

Thuộc địa bàn xã…….....…huyện…….....……tỉnh……...……

Đề nghị được chuyển nhượng toàn bộ dự án.....…… với các nội dung chính như sau:

I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN

1- Tên dự án: …….....……

2- Địa điểm: …….....…… .....

3- Nội dung và quy mô dự án: …….....…… .....

4- Diện tích sử dụng đất: …….....…….....

5- Diện tích đất xây dựng: …….....…… .....

6- Tổng mức đầu tư:.....

7- Nguồn vốn đầu tư: …….....…….….....

8- Tóm tắt tình hình triển khai dự án: …….....… .....

II. LÝ DO XIN CHUYỂN NHƯỢNG …….....….

III. ĐỀ XUẤT CHỦ ĐẦU TƯ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG LÀ: (Tên chủ đầu tư mới; Địa chỉ; Người đại diện; Năng lực tài chính; Kinh nghiệm)

IV. PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT VỀ QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN……

V. CAM KẾT …….

(Có báo cáo tình hình thực hiện dự án gửi kèm theo)

……, ngày …. tháng……năm ……

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;

- Lưu.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN

(Mẫu số 08b quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước

- Tên Doanh nghiệp:.....
- Địa chỉ: …….....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ……..... .....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:..... .....
- Người đại diện theo pháp luật: ……. Chức vụ: ……..... .....
- Số điện thoại liên hệ:..... .....

Hiện đang là chủ đầu tư dự án: ……..... .....

Thuộc địa bàn xã……huyện……tỉnh…….…….....

Đề nghị được chuyển nhượng một phần dự án …… với các nội dung chính như sau:

I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN

1. Tên dự án: ……. .....
2. Địa điểm: …….....
3. Nội dung và quy mô dự án: …… .....
4. Diện tích sử dụng đất của dự án: …… .....
5. Diện tích đất xây dựng: …….....
6. Tổng mức đầu tư:
7. Nguồn vốn đầu tư: …… .....
8. Tóm tắt tình hình triển khai dự án: …… .....

II. XIN PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN

1. Diện tích đất: …….....
2. Vị trí khu đất: …….....
3. Quy mô công trình: …….....
4. Hiện trạng đang thực hiện: …….....

III. LÝ DO XIN CHUYỂN NHƯỢNG……

IV. ĐỀ XUẤT CHỦ ĐẦU TƯ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG LÀ: (Tên chủ đầu tư mới; Địa chỉ; Người đại diện; Năng lực tài chính; Kinh nghiệm)

V. PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT VỀ QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN: ……

VI. CAM KẾT……

……, ngày …. tháng……năm ……

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Mẫu số 09a quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

Tên chủ đầu tư…….. **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: …./….. *..., ngày... tháng... năm.....*

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước

1. Tên chủ đầu tư:

- Địa chỉ: …… .....
- Người đại diện…….. .....
- Số điện thoại…….. .....

2. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án…….. .....
- Địa điểm dự án…… .....
- Quyết định phê duyệt dự án (Văn bản chấp thuận đầu tư, cho phép đầu tư..)…
- Mục tiêu của dự án: …… .....
- Tổng diện tích đất:..... Trong đó bao gồm: …….. .....

+ Quy mô (diện tích đất, quy hoạch sử dụng đất, hệ số sử dụng đất…)

+ Các chỉ tiêu về xây dựng công trình (mật độ xây dựng, diện tích xây dựng, diện tích nhà ở, số lượng nhà ở……) …… .....

+ Tổng mức đầu tư (Nêu rõ cơ cấu nguồn vốn)…… .....

+ Tổng tiến độ và tiến độ chi tiết của dự án…..…… .....

+ Các thông tin khác…… .....

3. Các văn bản hồ sơ pháp lý của dự án gồm: ……

4. Quá trình thực hiện dự án:

- Tình hình giải phóng mặt bằng…….. .....
- Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất…… .....
- Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật…….. .....
- Tình hình xây dựng nhà, công trình xây dựng…… .....
- Tiến độ thực hiện dự án…… .....
- Tình hình huy động vốn…… .....
- Tình hình bán nhà ở (hoặc tình hình kinh doanh BĐS)…… .....
- Tình hình chuyển nhượng đất cho các nhà đầu tư cấp 2…… .....
- Các vấn đề khác …… .....

5. Các nội dung đã cam kết với khách hàng……

6. Các quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân có liên quan ……

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu: …..

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ MỘT PHẦN DỰ ÁN CHUYỂN NHƯỢNG

(Mẫu số 09b quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

Tên chủ đầu tư…….. **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: …./….. *..., ngày... tháng... năm.....*

BÁO CÁO
QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ MỘT PHẦN DỰ ÁN CHUYỂN NHƯỢNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước

1. Tên chủ đầu tư:

- Địa chỉ…… **.....**
- Người đại diện…… **.....**
- Số điện thoại……..…….…… **.....**

2. Thông tin chung về dự án và phần dự án chuyển nhượng:

a) Thông tin về dự án

- Tên dự án……..……..…… **.....**
- Địa điểm dự án…… **.....**
- Quyết định phê duyệt dự án (Văn bản chấp thuận đầu tư, cho phép đầu tư..).....
- Mục tiêu của dự án: …… **.....**
- Tổng diện tích đất:..... Trong đó bao gồm: …… **.....**

+ Quy mô (diện tích đất, quy hoạch sử dụng đất, hệ số sử dụng đất,...)

+ Các chỉ tiêu về xây dựng công trình (mật độ xây dựng, diện tích xây dựng, diện tích nhà ở, số lượng nhà ở……) …… **.....**

+ Tổng mức đầu tư (nêu rõ cơ cấu nguồn vốn)…… **.....**

+ Tổng tiến độ và tiến độ chi tiết của dự án…… **.....**

+ Các thông tin khác…… **.....**

b) Thông tin về phần dự án chuyển nhượng

- Diện tích đất……..…… **.....**
- Quy mô công trình…….…… **.....**
- Tiến độ thực hiện, hiện trạng…… **.....**
- Hồ sơ pháp lý…….…… **.....**
- Các thông tin khác……..…… **.....**

3. Các văn bản hồ sơ pháp lý của dự án gồm: ……

4. Quá trình thực hiện dự án:

- Tình hình giải phóng mặt bằng……..…….....
- Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất…… .....
- Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật…….....
- Tình hình xây dựng nhà, công trình xây dựng…… .....
- Tiến độ thực hiện dự án …….....
- Tình hình huy động vốn…… .....
- Tình hình bán nhà, bán đất (hoặc tình hình kinh doanh BĐS)…… .....
- Tình hình chuyển nhượng đất cho các nhà đầu tư cấp 2…… .....
- Các vấn đề khác …….....

5. Quá trình thực hiện của phần dự án chuyển nhượng:

- Tình hình giải phóng mặt bằng…….....
- Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất…… .....
- Tình hình xây dựng công trình, nhà ở…… .....
- Tiến độ thực hiện dự án…….....
- Tình hình huy động vốn…… .....
- Tình hình kinh doanh bán nhà, (hoặc tình hình kinh doanh bất động sản)……..
- Các vấn đề khác.....

6. Các nội dung đã cam kết với khách hàng……

7. Các quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân có liên quan ……

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu: …..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN

(Mẫu số 10a quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước

1. Tên doanh nghiệp xin nhận chuyển nhượng dự án ……

- Địa chỉ: …… .....
- Giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp số:..... .....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: …….…… .....
- Người đại diện theo pháp luật…….…… .....

2. Năng lực về tài chính (về vốn chủ sở hữu, khả năng huy động vốn....)

3. Năng lực kinh nghiệm (các dự án tương tự đã và đang triển khai về quy mô, vốn đầu tư…...; số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư bất động sản...):……

4. Đề nghị được nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án sau:

- Tên dự án: ……..…….. .....
- Chủ đầu tư là: …… .....
- Địa điểm: ……. .....
- Nội dung và quy mô dự án: ….……... .....
- Diện tích sử dụng đất của dự án: ….……..…… .....
- Diện tích đất xây dựng: …….……..…… .....
- Tổng mức đầu tư: ……. .....

5. Cam kết: Nếu được cấp có thẩm quyền cho phép được nhận chuyển nhượng và làm chủ đầu tư dự án ……, Công ty chúng tôi xin cam kết thực hiện như sau:

- Về kế hoạch triển khai tiếp dự án…… .....
- Về tiến độ…… .....
- Tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của chủ đầu tư đối với khách hàng và các bên có liên quan…… .....

……,ngày …. tháng……năm ……

CHỦ ĐẦU TƯ MỚI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN
(Mẫu số 10b quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN
Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước

1. Tên doanh nghiệp xin nhận chuyển nhượng một phần dự án ……

- Địa chỉ……..…… .....
- Giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp số:..... .....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ……..……..... .....
- Người đại diện theo pháp luật: …… .....

2. Năng lực về tài chính (về vốn chủ sở hữu, khả năng huy động vốn....)…

3. Năng lực kinh nghiệm (các dự án tương tự đã và đang triển khai về quy mô, vốn đầu tư...; số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư bất động sản...):

4. Đề nghị được nhận chuyển nhượng một phần dự án sau:

a) Thông tin chung về dự án:

- Tên dự án: ……..…… .....
- Địa điểm: ……..…… .....
- Nội dung và quy mô dự án: ……..…… .....
- Diện tích sử dụng đất của dự án: …… .....
- Diện tích đất xây dựng: ……..…… .....
- Tổng mức đầu tư: …… .....

b) Thông tin về phần dự án xin nhận chuyển nhượng:

- Vị trí khu đất: …….....
- Quy mô công trình: ……..…….....
- Hiện trạng đang thực hiện: …… .....

5. Cam kết: Nếu được cấp có thẩm quyền cho phép được nhận chuyển nhượng một phần ……, Công ty chúng tôi xin cam kết thực hiện như sau:

- Về kế hoạch triển khai tiếp dự án…… .....
- Về tiến độ…… .....
- Tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của chủ đầu tư đối với khách hàng và các bên có liên quan…….....

……,ngày …. tháng……năm ……

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

CHỦ ĐẦU TƯ MỚI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

QUYẾT ĐỊNH VỀ CHẤP THUẬN CHUYỂN NHƯỢNG DỰ ÁN (HOẶC MỘT PHẦN DỰ ÁN)

(Mẫu số 11 quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	**----------**
Số: ...../QĐ-UBND	*..., ngày... tháng... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

Về chấp thuận chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án)…….

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ ……;
Căn cứ ……;
Xét đề nghị của……

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án) ……từ công ty……cho công ty……với các nội dung sau:

1. Quy mô và kết quả thực hiện của dự án xin chuyển nhượng:

a) Quy mô đầu tư xây dựng của toàn bộ dự án (theo Quyết định số……)

- Quy mô sử dụng đất:

+ Tổng diện tích đất:

+ Diện tích đất xây dựng công trình:

+ Diện tích đất giao thông; công viên; cấp thoát nước….

+ Hệ số sử dụng đất:…….

- Quy mô đầu tư xây dựng:

+ Tổng diện tích sàn xây dựng

+ Quy mô công trình:

+ Mật độ xây dựng: …….....

- Tổng mức đầu tư của dự án:

- Nguồn vốn đầu tư

- Tiến độ thực hiện dự án:

b) Quy mô của phần dự án chuyển nhượng *(nếu là chuyển nhượng một phần dự án)*

c) Kết quả thực hiện dự án:

2. Bên chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án):

- Tên doanh nghiệp: ……..……..…….....

- Địa chỉ: ……..……....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: .....

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: ……..…..…….....

3. Bên nhận chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án):

- Tên doanh nghiệp: …….....

- Địa chỉ: ……... .....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Điều 2. Chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận Quyết định này, Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng phải ký kết hợp đồng chuyển nhượng và hoàn thành việc bàn giao dự án (hoặc một phần dự án) theo quy định tại Điều 51 Luật Kinh doanh bất động sản và Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên chuyển nhượng (theo Khoản 1 Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản)

- Chuyển giao quyền và nghĩa vụ của mình đối với toàn bộ hoặc một phần dự án cho chủ đầu tư nhận chuyển nhượng để tiếp tục đầu tư xây dựng bất động sản để kinh doanh, trừ các quyền và nghĩa vụ đã thực hiện xong mà không liên quan đến chủ đầu tư nhận chuyển nhượng và việc tiếp tục triển khai dự án, phần dự án đó;

- Chuyển giao hồ sơ liên quan cho bên nhận chuyển nhượng; thông báo kịp thời, đầy đủ, công khai và giải quyết thỏa đáng quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và các bên liên quan tới dự án, phần dự án chuyển nhượng;

- Phối hợp với bên nhận chuyển nhượng làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Trường hợp chuyển nhượng một phần dự án bất động sản, bên chuyển nhượng có quyền yêu cầu bên nhận chuyển nhượng tiếp tục đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng trong phần dự án nhận chuyển nhượng theo đúng tiến độ và quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng của dự án; theo dõi và thông báo kịp thời với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm trong việc sử dụng đất, đầu tư xây dựng của bên nhận chuyển nhượng;

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật;

- Các quyền nghĩa vụ khác:…..……

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng (theo Khoản 2 Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản)

- Kế thừa và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư chuyển nhượng đã chuyển giao theo quyết định phê duyệt dự án;

- Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng, kinh doanh dự án theo đúng tiến độ, nội dung của dự án đã được phê duyệt;

- Trường hợp nhận chuyển nhượng một phần dự án bất động sản, bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của bên chuyển nhượng dự án về việc bảo đảm tiến độ, tuân thủ quy hoạch của dự án trong quá trình đầu tư xây dựng;

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư dự án theo quy định pháp luật

- Các nghĩa vụ khác:..……

Điều 5. Trách nhiệm của các Sở ngành có liên quan:.……

Điều 6. (Các cá nhân và cơ quan đơn vị có liên quan gồm……) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- ……..;
- Lưu: VT, ….

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

3. Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản. Mã số TTHC: 1.002572.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề gửi 01 bộ hồ sơ thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Chủ tịch Hội đồng thi (do Giám đốc Sở Xây dựng quyết định thành lập cho từng kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản) báo cáo Giám đốc Sở Xây dựng về quá trình tổ chức kỳ thi và phê duyệt kết quả thi theo đề nghị của đơn vị tổ chức kỳ thi;

- Bước 3: Trên cơ sở báo cáo của Chủ tịch hội đồng thi và kết quả thi do Chủ tịch Hội đồng thi phê duyệt, Giám đốc Sở Xây dựng phê duyệt danh sách các cá nhân được cấp chứng chỉ;

- Bước 4: Căn cứ quyết định phê duyệt danh sách các cá nhân được cấp chứng chỉ, đơn vị tổ chức kỳ thi sát hạch có trách nhiệm chuyển bản phô tô bài thi và hồ sơ của các cá nhân đó về Sở Xây dựng để cấp chứng chỉ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức in và ký phát hành chứng chỉ;

- Bước 5: Sở Xây dựng có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ của người được cấp chứng chỉ trong thời hạn 10 năm kể từ ngày được cấp chứng chỉ.

- Bước 6: Chuyển trả kết quả cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

b) Cách thức thực hiện

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ 01 Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh mầu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi;

+ 01 Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt Nam hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài (hoặc bản sao có bản chính để đối chiếu);

+ 01 Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học về đào tạo bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản (nếu có);

+ Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp từ Trung học phổ thông (hoặc tương đương) trở lên;

+ 02 ảnh mầu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi, 02 phong bì có dán tem ghi rõ họ tên, số điện thoại, địa chỉ người nhận;

+ Bản sao và bản dịch có chứng thực chứng chỉ do nước ngoài cấp (đối với người nước ngoài và người Việt Nam có chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do nước ngoài cấp đang còn giá trị);

+ Kết quả bài thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản với phần kiến thức cơ sở đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100); phần kiến thức chuyên môn đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100).

- **Số lượng hồ sơ:** 02 (bộ), trong đó 01 bộ lưu tại đơn vị tổ chức kì thi, 01 bộ gửi về Sở Xây dựng để cấp chứng chỉ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn **08** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản và Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

h) Phí, lệ phí: 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (theo mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).

- Mẫu Quyết định về việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (theo mẫu tại phụ lục 3a ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).

- Mẫu chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (theo mẫu tại phụ lục 4a ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Yêu cầu điều kiện 1:

+ Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Yêu cầu điều kiện 2:

+ Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có trình độ từ Trung học phổ thông trở lên.

- Yêu cầu điều kiện 3:

+ Đã nộp hồ sơ đăng ký dự thi và kinh phí dự thi cho đơn vị tổ chức kỳ thi.

- Yêu cầu điều kiện 4:

+ Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có bài thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản với phần kiến thức cơ sở đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100); phần kiến thức chuyên môn đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100);

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014.

- Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

PHỤ LỤC 1

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng Quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; quy định việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản)

(Ảnh 4x6)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày ...tháng ...năm ...

ĐĂNG KÝ DỰ THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

Kính gửi: …….

1. Họ và tên:

2. Ngày, tháng, năm sinh:

3. Nơi sinh:

4. Quốc tịch:

5. Số chứng minh thư (hoặc hộ chiếu):

6. Địa chỉ thường trú:

7. Điện thoại liên hệ:

8. Trình độ chuyên môn:

- Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp; (tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên)

.....
.....

Tôi xin đăng ký dự thi sát hạch để được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 3a

MẪU QUYẾT ĐỊNH CỦA SỞ XÂY DỰNG CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng Quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; quy định việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản)

UBND TỈNH/TP …..	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ XÂY DỰNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	**----------**
Số: /QĐ-SXD	*……., ngày ….. tháng ….. năm …..*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng; Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản cho các cá nhân đã đủ điều kiện cấp chứng chỉ tại kỳ thi sát hạch do ……. tổ chức ngày **...** tháng ... năm ... *(có danh sách kèm theo)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chủ tịch Hội đồng thi và cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận: *(Ký tên đóng dấu)*

DANH SÁCH CÁC CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số... ngày tháng năm của Sở Xây dựng ……..)

STT	Số Chứng chỉ	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	

4. Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản. Mã số TTHC: 1.002625.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

* Trường hợp hết hạn (hoặc gần hết hạn)

- Bước 1: Cá nhân có chứng chỉ hết hạn hoặc gần hết hạn nếu muốn cấp lại chứng chỉ thì phải nộp đơn đăng ký dự thi thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước và phải thi sát hạch theo quy định sau:

+ Trường hợp đăng ký dự thi lại tại tỉnh Bình Phước thì chỉ phải thi phần kiến thức cơ sở theo quy định tại Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng để được cấp lại chứng chỉ, số chứng chỉ theo số cũ, chứng chỉ ghi rõ trên trang 01 là cấp lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba;

+ Trường hợp đăng ký dự thi ở địa phương khác thì phải thực hiện thủ tục thi sát hạch như cấp chứng chỉ mới nhưng chỉ phải thi phần kiến thức cơ sở.

- Bước 2: Sở Xây dựng tổ chức thi sát hạch phần kiến thức cơ sở theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức in và ký phát hành chứng chỉ (ghi rõ cấp lần thứ hai, lần thứ ba...).

- Bước 4: Chuyển trả kết quả cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

* Trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng

- Bước 1: Cá nhân xin cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác nộp hồ sơ tới tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ

Xây dựng, Sở Xây dựng đã cấp chứng chỉ có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ và cấp lại chứng chỉ (ghi rõ cấp lại vào chứng chỉ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* **Thành phần hồ sơ**:

- Trường hợp hết hạn (hoặc gần hết hạn)

+ 01 Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh mầu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi (theo mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).;

+ 01 Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt Nam hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài (hoặc bản sao có bản chính để đối chiếu);

+ 01 Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học về đào tạo bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản (nếu có);

+ Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp từ Trung học phổ thông (hoặc tương đương) trở lên;

+ 02 ảnh mầu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi, 02 phong bì có dán tem ghi rõ họ tên, số điện thoại, địa chỉ người nhận;

+ Bản sao và bản dịch có chứng thực chứng chỉ do nước ngoài cấp (đối với người nước ngoài và người Việt Nam có chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do nước ngoài cấp đang còn giá trị);

+ Chứng chỉ cũ (bản gốc) đối với trường hợp đã hết hạn, hoặc bản sao có chứng thực đối với trường hợp chứng chỉ chưa hết hạn

+ Kết quả bài thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản với phần kiến thức cơ sở đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100).

- Trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng

+ Chứng chỉ cũ đã cấp (nếu có)

+ Đơn xin cấp lại chứng chỉ có dán ảnh

+ Ảnh cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ

* **Số lượng hồ sơ**: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: **08** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản ghi rõ cấp lại lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba.

h Phí, lệ phí: 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn)

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn xin cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (theo mẫu tại phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đã được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản nhưng bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác thì được cấp lại chứng chỉ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014.

- Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

(Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng)

(Ảnh 4x6)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày……tháng……năm……

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

Kính gửi: ……..

1. Họ và tên:

2. Ngày, tháng, năm sinh:

3. Nơi sinh:

4. Quốc tịch:

5. Số chứng minh thư (hoặc hộ chiếu):

6. Địa chỉ thường trú:

7. Điện thoại liên hệ:

8. Trình độ chuyên môn:

- Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp: (tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên).....

Tôi xin đăng ký dự thi sát hạch để được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

MẪU QUYẾT ĐỊNH CỦA SỞ XÂY DỰNG CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

(Phụ lục 3a ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng)

UBND TỈNH/TP..... **SỞ XÂY DỰNG** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ...../QĐ-SXD	*……, ngày …… tháng…….. năm …..*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản cho các cá nhân đã đủ điều kiện cấp chứng chỉ tại kỳ thi sát hạch do …… tổ chức ngày... tháng… năm... *(có danh sách kèm theo)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chủ tịch Hội đồng thi và cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên đóng dấu)

Nơi nhận:

MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

(Phụ lục 4a ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng)

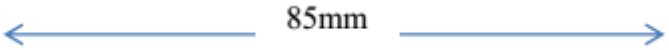

<table>
<tr><td>

TÊN CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

Số chứng chỉ:

</td><td>

Số chứng chỉ:

Ảnh 4x6cm của người được cấp chứng chỉ (đóng dấu nổi của cơ quan cấp chứng chỉ)

Thông tin cá nhân của người được cấp chứng chỉ:
Số CMND (hoặc hộ chiếu):
Ngày cấp CMND: Nơi cấp:
Quốc tịch:

</td></tr>
<tr><td>Trang bìa 1 (màu nâu đỏ)</td><td>Trang 2 (màu trắng)</td></tr>
<tr><td>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thủ trưởng cơ quan cấp chứng chỉ

- Cấp cho ông/bà:
- Sinh ngày:
- Nơi sinh:

Được hành nghề môi giới bất động sản trong phạm vi cả nước.
Chứng chỉ này có thời hạn 5 (năm) năm kể từ ngày cấp.

……, ngày…..tháng…..năm…..
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

</td><td></td></tr>
<tr><td>Trang 3 (màu trắng)</td><td>Trang 4 (màu nâu đỏ)</td></tr>
</table>

Ghi chú: Số chứng chỉ ghi theo địa phương (ví dụ: HN-0001, HCM-0001)

MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN (cấp lại, cấp đổi)

(Phụ lục 4b ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng)

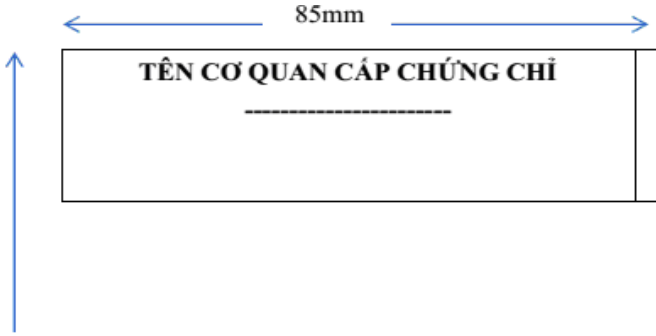

125mm

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN (Cấp lại) **Số chứng chỉ:**	Ảnh 4x6cm của người được cấp chứng chỉ (đóng dấu nổi của cơ quan cấp chứng chỉ) Thông tin cá nhân của người được cấp chứng chỉ: Số CMND (hoặc hộ chiếu): Ngày cấp CMND: Nơi cấp: Quốc tịch:
Trang bìa 1 (màu nâu đỏ)	Trang 2 (màu trắng)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **Thủ trưởng cơ quan cấp chứng chỉ** - Cấp cho ông/bà: - Sinh ngày: - Nơi sinh: Được hành nghề môi giới bất động sản trong phạm vi cả nước. Chứng chỉ này có thời hạn 5 (năm) năm kể từ ngày …(*) ……, ngày…..tháng…..năm….. **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*	
Trang 3 (màu trắng)	Trang 4 (màu nâu đỏ)

Ghi chú: Số chứng chỉ ghi theo địa phương (ví dụ: HN-0001, HCM-0001).

(*) Chứng chỉ cấp lại, cấp đổi có thời hạn 5 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ cũ.

MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN (cấp khi hết hạn)

(Phụ lục 4c ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng)

85mm

125mm

TÊN CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ ---------- **CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN** **(Cấp lần thứ hai)** **Số chứng chỉ:**	Số chứng chỉ: Ảnh 4x6cm của người được cấp chứng chỉ (đóng dấu nổi của cơ quan cấp chứng chỉ) Thông tin cá nhân của người được cấp chứng chỉ: Số CMND (hoặc hộ chiếu): Ngày cấp CMND: Nơi cấp: Quốc tịch:
Trang bìa 1 (màu nâu đỏ)	Trang 2 (màu trắng)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ---------- **Thủ trưởng cơ quan cấp chứng chỉ** - Cấp cho ông/bà: - Sinh ngày: - Nơi sinh: Được hành nghề môi giới bất động sản trong phạm vi cả nước. Chứng chỉ này có thời hạn 5 (năm) năm kể từ ngày cấp. ……, ngày…..tháng…..năm….. **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*	
Trang 3 (màu trắng)	Trang 4 (màu nâu đỏ)

Ghi chú: Số chứng chỉ ghi theo địa phương (ví dụ: HN-0001, HCM-0001)

PHỤ LỤC 5

MẪU ĐƠN XIN CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng Quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; quy định việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản)

(Ảnh 4x6)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀMÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

Kính gửi: …….

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:.....
3. Số CMND hoặc Hộ chiếu: ……. cấp ngày: …….. Nơi cấp:.....
4. Đăng ký thường trú tại:.....
5. Nơi ở hiện nay: .....
6. Đơn vị công tác:.....
7. Điện thoại:.....
8. Lý do đề nghị cấp lại:

Tôi đã được cấp Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản số … ngày....tháng…năm…

Người làm đơn nêu rõ nguyên nhân đề nghị Cấp lại Chứng chỉ

.....

Tôi cam đoan mọi thông tin nêu trên là hoàn toàn đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tôi làm đơn này kính đề nghị Sở Xây dựng cấp lại Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

Tôi xin gửi kèm theo:

- 02 ảnh (4x6cm);
- Chứng chỉ cũ (nếu có).

Tôi xin trân trọng cám ơn!

……, ngày.... tháng.....năm ...
Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

IV- LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ

1. Gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài. Mã số TTHC: 1.007748.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

*** Trình tự đối với cá nhân nước ngoài:**

- Bước 1: Trước khi hết hạn sở hữu nhà ở 03 tháng, nếu chủ sở hữu có nhu cầu gia hạn thêm thì phải có đơn ghi rõ thời hạn đề nghị gia hạn thêm kèm theo bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đối với nhà ở và gửi cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, giải quyết;

- Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của chủ sở hữu, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và có văn bản đồng ý gia hạn một lần thời hạn sở hữu nhà ở theo đề nghị của chủ sở hữu nhưng tối đa không quá 50 năm, kể từ khi hết hạn sở hữu nhà ở lần đầu ghi trên Giấy chứng nhận, trừ trường hợp bị buộc xuất cảnh hoặc buộc chấm dứt hoạt động tại Việt Nam;

- Bước 3: Căn cứ văn bản đồng ý gia hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm ghi gia hạn trên Giấy chứng nhận; cơ quan cấp Giấy chứng nhận phải sao một bản Giấy chứng nhận và chuyển cho Sở Xây dựng để theo dõi.

*** Trình tự đối với tổ chức nước ngoài:**

- Bước 1: Trước khi hết hạn sở hữu nhà ở 03 tháng, nếu chủ sở hữu có nhu cầu gia hạn thêm thì phải có đơn ghi rõ thời hạn đề nghị gia hạn thêm kèm theo bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đối với nhà ở, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam gia hạn hoạt động và gửi cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết;

- Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của chủ sở hữu, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và có văn bản đồng ý gia hạn một lần thời hạn sở hữu nhà ở theo đề nghị của chủ sở hữu nhưng tối đa không quá thời hạn ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam gia hạn hoạt động;

- Bước 3: Căn cứ văn bản đồng ý gia hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm ghi gia hạn trên Giấy chứng nhận; cơ quan cấp Giấy chứng nhận phải sao một bản Giấy chứng nhận và chuyển cho Sở Xây dựng để theo dõi.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

*** Đối với cá nhân:**

- Đơn đề nghị gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đối với nhà ở.

*** Đối với tổ chức:**

- Đơn đề nghị gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đối với nhà ở;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 01

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn **10** ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của chủ sở hữu.

- Thời gian thẩm định tại Sở Xây dựng: **06** ngày làm việc.

- Thời gian phê duyệt của UBND tỉnh: **04** ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản đồng ý gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở

h) Phí, Lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Phải có đơn gửi UBND cấp tỉnh trước khi hết hạn sở hữu nhà ở 03 tháng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng;

- Luật Nhà ở năm 2014;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

2. Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua. Mã số TTHC: 1.007750.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư có văn bản đề nghị kèm theo giấy tờ chứng minh nhà ở có đủ điều kiện được bán, cho thuê mua theo quy định tại Khoản 1 Điều 55 của Luật Kinh doanh bất động sản; trường hợp có thế chấp dự án đầu tư xây dựng hoặc thế chấp nhà ở sẽ bán, cho thuê mua thì chủ đầu tư phải gửi kèm theo giấy tờ chứng minh đã giải chấp hoặc biên bản thống nhất của bên mua, bên thuê mua nhà ở và bên nhận thế chấp về việc không phải giải chấp và được mua bán, thuê mua nhà ở đó; trường hợp không có thế chấp dự án hoặc thế chấp nhà ở sẽ bán, cho thuê mua thì chủ đầu tư phải ghi rõ cam kết chịu trách nhiệm trong văn bản thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Trong thời hạn 13 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của chủ đầu tư, Sở Xây dựng phải kiểm tra hồ sơ, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan, địa phương nơi có dự án kiểm tra việc đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, ban hành văn bản thông báo nhà ở đủ điều kiện được bán, cho thuê mua gửi chủ đầu tư. Trường hợp hồ sơ chưa có đủ giấy tờ theo quy định và chưa thực hiện việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo quy định thì có văn bản gửi trả hồ sơ nêu rõ lý do. Trường hợp chủ đầu tư đã gửi hồ sơ nhưng quá thời hạn quy định mà Sở Xây dựng không có văn bản thông báo và nhà ở đó đã đủ điều kiện được bán, cho thuê mua thì chủ đầu tư được quyền ký hợp đồng mua bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai nhưng phải chịu trách nhiệm về việc bán, cho thuê mua nhà ở này; Sở Xây dựng phải chịu trách nhiệm về việc thông báo hoặc không có văn bản thông báo nhà ở đủ điều kiện được bán, cho thuê mua sau khi nhận được hồ sơ đề nghị của chủ đầu tư.

- Bước 3: Chuyển trả kết quả cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản gửi Trung tâm phục vụ hành chính công, Sở Xây dựng đề nghị thông báo nhà ở đủ điều kiện bán, cho thuê mua;

+ Các giấy tờ chứng minh bao gồm:

♦ Giấy tờ về quyền sử dụng đất, hồ sơ dự án, thiết kế bản vẽ thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải có Giấy phép xây dựng, giấy tờ về nghiệm thu việc hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tương ứng theo tiến độ; trường hợp là nhà chung cư, tòa nhà hỗn hợp có mục đích để ở hình thành trong tương lai thì phải có biên bản nghiệm thu hoàn thành xong phần móng của tòa nhà đó;

♦ Trường hợp có thế chấp dự án đầu tư xây dựng hoặc thế chấp nhà ở sẽ bán, cho thuê mua thì chủ đầu tư phải gửi kèm theo giấy tờ chứng minh đã giải chấp hoặc biên bản thống nhất của bên mua, bên thuê mua nhà ở và bên nhận thế chấp về việc không phải giải chấp và được mua bán, thuê mua nhà ở đó;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ của chủ đầu tư.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo nhà ở đủ điều kiện bán, cho thuê mua

h) Phí, Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở năm 2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

3. Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP. Mã số TTHC: 1.007757.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Trường hợp chưa xác định được nhà đầu tư thì thực hiện theo quy định sau:

+ Bước 1: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 99/2015/NĐ- CP trình Ủy ban nhân dân tỉnh để xin ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh; nội dung liên quan đến quy hoạch, bản vẽ quy hoạch trong hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

+ Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo mẫu hướng dẫn tham khảo tại phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Sở Xây dựng biết.

+ Bước 3: Chuyển trả kết quả cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Trường hợp đã có nhà đầu tư thì thực hiện theo quy định sau:

+ Bước 1: Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP tại Trung tâm phục vụ Hành chính công; nội dung liên quan đến quy hoạch, bản vẽ quy hoạch trong hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

+ Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan về dự án. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình liên quan đến dự án gửi Sở Xây dựng;

+ Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có tờ trình gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để xin ý kiến Hội đồng nhân dân tỉnh;

+ Bước 4: Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo mẫu hướng dẫn tham khảo tại phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không chấp thuận chủ trương đầu tư thì

phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Sở Xây dựng và nhà đầu tư biết.

+ Bước 5: Chuyển trả kết quả cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Hồ sơ pháp lý của đơn vị được giao làm chủ đầu tư, bao gồm giấy tờ chứng minh chức năng kinh doanh bất động sản, tư cách pháp lý, giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, kinh nghiệm của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật; trường hợp chưa lựa chọn chủ đầu tư thì có báo cáo về hình thức lựa chọn chủ đầu tư và dự kiến điều kiện lựa chọn chủ đầu tư;

+ Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương dự án xây dựng nhà ở, trong đó nêu rõ cơ sở pháp lý đề nghị chấp thuận; các nội dung đề xuất chấp thuận quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định 99/2015/NĐ-CP; lý do đề nghị chấp thuận và chứng minh sự phù hợp của nội dung dự án với chương trình kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt;

+ Quyết định phê duyệt quy hoạch kèm theo bản vẽ quy hoạch chi tiết khu vực có dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

+ Nội dung chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt có liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án cần chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp chưa xác định được nhà đầu tư thì thực hiện theo quy định sau:

Trong thời hạn **07** ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo mẫu hướng dẫn tham khảo tại phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Sở Xây dựng biết.

- Trường hợp đã có nhà đầu tư thì thực hiện theo quy định sau:

+ Trong thời hạn **03** ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan về dự án. Trong thời hạn **10** ngày, kể từ ngày

nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình liên quan đến dự án gửi Sở Xây dựng;

+ Trong thời hạn **15** ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có tờ trình gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xin ý kiến Hội đồng nhân dân cùng cấp;

+ Trong thời hạn **12** ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý của Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo mẫu hướng dẫn tham khảo tại phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Sở Xây dựng và nhà đầu tư biết.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở.

h) Phí, Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu Tờ trình của Sở Xây dựng gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng*;*

- Mẫu văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở năm 2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

Mẫu đơn ,tờ khai đính kèm

PHỤ LỤC SỐ 02

MẪU TỜ TRÌNH CỦA SỞ XÂY DỰNG GỬI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ Ở

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

SỞ XÂY DỰNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ……	*……, ngày ….. tháng …… năm …..*

TỜ TRÌNH

Đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở

Kính gửi: UBND tỉnh, thành phố …….

Sở Xây dựng đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập hồ sơ dự án nhà ở/đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án *(tên dự án)* ……số ……ngày…… tháng…… năm…… của nhà đầu tư....*(phần này áp dụng đối với trường hợp đã có nhà đầu tư)* ……

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi Tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi Tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ pháp lý khác có liên quan …….

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan gồm...*(tên các cơ quan có ý kiến và số văn bản góp ý)*……, Sở Xây dựng đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

1. Tên dự án:

2. Tên nhà đầu tư *(nếu có)*:

3. Hình thức đầu tư:

4. Mục tiêu đầu tư:

5. Địa Điểm xây dựng:

6. Quy mô dự án, diện tích sử dụng đất của dự án:

7. Ranh giới sử dụng đất:

8. Tính pháp lý của hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư:

9. Tóm tắt những nội dung chính như: mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, quy mô dân số....

10. Tóm tắt ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có):

11. Nhận xét, đánh giá:

a) Sự cần thiết và Mục tiêu đầu tư:

b) Sự phù hợp với quy hoạch phân khu (hoặc quy hoạch chi Tiết nếu đã có quy hoạch chi Tiết) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

c) Sự phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương và phù hợp với danh Mục dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nếu có):

d) Tổng số nhà ở, tỷ lệ và số lượng của từng loại nhà ở:

đ) Phương án tiêu thụ sản phẩm (bán, cho thuê, cho thuê mua):

e) Khu vực để xe công cộng và để xe cho hộ gia đình, cá nhân:

g) Các công trình hạ tầng kỹ thuật của khu vực có dự án:

h) Các công trình hạ tầng xã hội, trong đó nêu rõ các công trình do Nhà nước đầu tư và dự kiến thời hạn đầu tư các công trình này:

i) Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây dựng nhà ở phải dành để làm nhà ở xã hội (nếu có):

k) Dự kiến tổng mức đầu tư của dự án:

l) Thời gian, tiến độ thực hiện (phân theo giai đoạn nếu có):

12. Những đề xuất ưu đãi của chủ đầu tư:

13. Trách nhiệm của nhà đầu tư đối với dự án:

14. Trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với dự án:

15. Những kiến nghị cụ thể:

Đề nghị UBND tỉnh, thành phố ……xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở[1] *(tên dự án)* ……./.

GĐ Sở Xây dựng
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Nhà đầu tư (nếu có);
- ……..

[1] Trường hợp dự án thuộc diện Thủ tướng chấp thuận chủ trương đầu tư thì ghi rõ đề nghị UBND cấp tỉnh xem xét, có văn bản đề nghị Bộ Xây dựng thẩm định để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận.

PHỤ LỤC SỐ 05

MẪU VĂN BẢN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ Ở

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

UBND tỉnh, thành phố **……** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …… *Vv: chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở.*	*……, ngày ….. tháng …… năm …..*

Kính gửi[2]: ……..

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi Tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi Tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

- Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân *(trường hợp phải lấy ý kiến HĐND cùng cấp)* ……;

- Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số....ngày....tháng...năm.... đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án *(tên dự án)* ……

UBND tỉnh, thành phố …… chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng dự án *(tên dự án)* …… với các nội dung sau đây:

1. Tên dự án: ……

2. Hình thức đầu tư:

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

4. Địa Điểm xây dựng:

5. Quy mô dự án:

6. Diện tích sử dụng đất:

7. Ranh giới sử dụng đất:

8. Quy mô dân số:

---

[2] Ghi tên Sở Xây dựng đối với trường hợp chưa xác định được nhà đầu tư hoặc ghi tên nhà đầu tư đối với trường hợp đã xác định được nhà đầu tư

9. Mật độ xây dựng:

10. Hệ số sử dụng đất:

11. Tỷ lệ và số lượng các loại nhà ở:

Tổng số lượng là:……..căn, tổng diện tích sàn xây dựng là:……. m^2 và tỷ lệ các loại nhà ở trong dự án (bao gồm nhà ở riêng lẻ, nhà biệt thự, căn hộ chung cư), cụ thể như sau: ……

12. Phương án tiêu thụ sản phẩm:

13. Khu vực để xe công cộng và để xe cho các hộ gia đình, cá nhân:

14. Các công trình hạ tầng kỹ thuật:

15. Các công trình hạ tầng xã hội, gồm:

a) Công trình hạ tầng xã hội do chủ đầu tư xây dựng:

b) Công trình hạ tầng xã hội do chính quyền chịu trách nhiệm xây dựng và dự kiến thời gian phải hoàn thành việc xây dựng:

16. Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây dựng nhà ở dành để làm nhà ở xã hội …….. m^2 (nếu có):

17. Thời gian và tiến độ thực hiện:

18. Ưu đãi của Nhà nước (nếu có):

19. Trách nhiệm của chủ đầu tư đối với dự án:

20. Trách nhiệm của chính quyền địa phương:

21. Những vấn đề liên quan khác:

Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư này có hiệu lực trong……., kể từ ngày ký văn bản.

Đề nghị ……..[3] căn cứ vào nội dung của văn bản này để tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật./.

TM. UBND……
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……

[3] Ghi tên Sở Xây dựng đối với trường hợp chưa xác định được nhà đầu tư hoặc ghi tên nhà đầu tư đối với trường hợp đã xác định được nhà đầu tư

4. Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP. Mã số TTHC: 1.007758.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Trường hợp chưa xác định được nhà đầu tư thì thực hiện theo quy định sau:

+ Bước 1: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; nội dung liên quan đến quy hoạch, bản vẽ quy hoạch trong hồ sơ gửi kèm được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

+ Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình kèm theo hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo mẫu hướng dẫn tham khảo tại phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Sở Xây dựng biết.

+ Bước 3: Chuyển trả kết quả cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Trường hợp đã có nhà đầu tư thì thực hiện theo quy định sau:

+ Bước 1: Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP tại Trung tâm phục vụ Hành chính công; nội dung liên quan đến quy hoạch, bản vẽ quy hoạch trong hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

+ Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan về dự án. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình liên quan đến dự án gửi Sở Xây dựng;

+ Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án;

+ Bước 4: Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình kèm theo hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của Sở Xây dựng,

Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo mẫu hướng dẫn tham khảo tại phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Sở Xây dựng và nhà đầu tư biết.

+ Bước 5: Chuyển trả kết quả cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Hồ sơ pháp lý của đơn vị được giao làm chủ đầu tư, bao gồm giấy tờ chứng minh chức năng kinh doanh bất động sản, tư cách pháp lý, giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, kinh nghiệm của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật; trường hợp chưa lựa chọn chủ đầu tư thì có báo cáo về hình thức lựa chọn chủ đầu tư và dự kiến điều kiện lựa chọn chủ đầu tư;

+ Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương dự án xây dựng nhà ở, trong đó nêu rõ cơ sở pháp lý đề nghị chấp thuận; các nội dung đề xuất chấp thuận quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định 99; lý do đề nghị chấp thuận và chứng minh sự phù hợp của nội dung dự án với chương trình kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt;

+ Quyết định phê duyệt quy hoạch kèm theo bản vẽ quy hoạch chi tiết khu vực có dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

+ Nội dung chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt có liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án cần chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp chưa xác định được nhà đầu tư thì thực hiện theo quy định sau:

Trong thời hạn **07** ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình kèm theo hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo mẫu hướng dẫn tham khảo tại phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Sở Xây dựng biết.

- Trường hợp đã có nhà đầu tư thì thực hiện theo quy định sau:

+ Trong thời hạn **03** ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan về dự án. Trong thời hạn **10** ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình liên quan đến dự án gửi Sở Xây dựng;

+ Trong thời hạn **15** ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án;

+ Trong thời hạn **12** ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình kèm theo hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo mẫu hướng dẫn tham khảo tại phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Sở Xây dựng và nhà đầu tư biết.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản của UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu Tờ trình của Sở Xây dựng gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng;

- Mẫu văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở năm 2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

Mẫu đơn, Tờ khai đính kèm

PHỤ LỤC SỐ 02

MẪU TỜ TRÌNH CỦA SỞ XÂY DỰNG GỬI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ Ở

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

SỞ XÂY DỰNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ……	*……, ngày ….. tháng …… năm …..*

TỜ TRÌNH

Đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở

Kính gửi: UBND tỉnh, thành phố …….

Sở Xây dựng đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập hồ sơ dự án nhà ở/đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án *(tên dự án)* ……số ……ngày…… tháng…… năm…… của nhà đầu tư....*(phần này áp dụng đối với trường hợp đã có nhà đầu tư)* ……

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi Tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CPquy định chi Tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ pháp lý khác có liên quan …….

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan gồm...*(tên các cơ quan có ý kiến và số văn bản góp ý)*……, Sở Xây dựng đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

1. Tên dự án:

2. Tên nhà đầu tư *(nếu có)*:

3. Hình thức đầu tư:

4. Mục tiêu đầu tư:

5. Địa Điểm xây dựng:

6. Quy mô dự án, diện tích sử dụng đất của dự án:

7. Ranh giới sử dụng đất:

8. Tính pháp lý của hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư:

9. Tóm tắt những nội dung chính như: mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, quy mô dân số....

10. Tóm tắt ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có):

11. Nhận xét, đánh giá:

a) Sự cần thiết và Mục tiêu đầu tư:

b) Sự phù hợp với quy hoạch phân khu (hoặc quy hoạch chi Tiết nếu đã có quy hoạch chi Tiết) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

c) Sự phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương và phù hợp với danh Mục dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nếu có):

d) Tổng số nhà ở, tỷ lệ và số lượng của từng loại nhà ở:

đ) Phương án tiêu thụ sản phẩm (bán, cho thuê, cho thuê mua):

e) Khu vực để xe công cộng và để xe cho hộ gia đình, cá nhân:

g) Các công trình hạ tầng kỹ thuật của khu vực có dự án:

h) Các công trình hạ tầng xã hội, trong đó nêu rõ các công trình do Nhà nước đầu tư và dự kiến thời hạn đầu tư các công trình này:

i) Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây dựng nhà ở phải dành để làm nhà ở xã hội (nếu có):

k) Dự kiến tổng mức đầu tư của dự án:

l) Thời gian, tiến độ thực hiện (phân theo giai đoạn nếu có):

12. Những đề xuất ưu đãi của chủ đầu tư:

13. Trách nhiệm của nhà đầu tư đối với dự án:

14. Trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với dự án:

15. Những kiến nghị cụ thể:

Đề nghị UBND tỉnh, thành phố ……xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở[1] *(tên dự án)* ……./.

GĐ Sở Xây dựng
(Ký tên, đóng dấu

Nơi nhận:
- Nhà đầu tư (nếu có);
- ……..

Mẫu văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Xây dựng đề nghị thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở

(Ban hành kèm theo Phụ lục số 03 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

UBND tỉnh BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số:	*....., ngày..... tháng..... năm……*

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố……. đã nhận được Tờ trình số ….ngày tháng …năm….của Sở Xây dựng kèm theo hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án (*tên dự án)*……..

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ pháp lý khác có liên quan…….

Trên cơ sở nội dung hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố..... đề nghị Bộ Xây dựng thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án..... (*tên dự án)*……với các nội dung sau đây:

1. Tên dự án:……..

2. Hình thức đầu tư:

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

4. Địa điểm xây dựng:

5. Quy mô dự án:

6. Diện tích sử dụng đất:

7. Ranh giới sử dụng đất:

8. Quy mô dân số:

9. Mật độ xây dựng:

10. Hệ số sử dụng đất:

11. Tỷ lệ và số lượng các loại nhà ở:

Tổng số lượng là:.....căn, tổng diện tích sàn xây dựng là:..... m^2 và tỷ lệ các loại nhà ở trong dự án (bao gồm nhà ở riêng lẻ, nhà biệt thự, căn hộ chung cư), cụ thể như sau:.....

12. Phương án tiêu thụ sản phẩm:

13. Khu vực để xe công cộng và để xe cho các hộ gia đình, cá nhân:

14. Các công trình hạ tầng kỹ thuật:

15. Các công trình hạ tầng xã hội, gồm:

a) Công trình hạ tầng xã hội do chủ đầu tư xây dựng:

b) Công trình hạ tầng xã hội do chính quyền chịu trách nhiệm xây dựng và thời gian phải hoàn thành việc xây dựng:

16. Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây dựng nhà ở dành để làm nhà ở xã hội.....m^2 (nếu có):

17. Thời gian và tiến độ thực hiện:

18. Ưu đãi của Nhà nước (nếu có):

19. Trách nhiệm của nhà đầu tư đối với dự án:

20. Trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với dự án:

21. Các vấn đề liên quan khác:

Gửi kèm theo văn bản này là hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư./.

Chủ tịch UBND...
Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- ....

Mẫu Tờ trình của Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở

(Ban hành kèm theo Phụ lục số 04 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

BỘ XÂY DỰNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm……*

TỜ TRÌNH

Đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

- Căn cứ văn bản số….ngày…..tháng….năm …..của Ủy ban nhân dân tỉnh.....kèm theo hồ sơ đề nghị Bộ Xây dựng thẩm định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án (*tên dự án)*……..…

- Căn cứ ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan (nếu có):.....…

- Trên cơ sở xem xét hồ sơ gửi kèm văn bản số…...ngày.....của Ủy ban nhân dân tỉnh.....**.**

Bộ Xây dựng đã tổ chức thẩm định chủ trương đầu tư dự án và báo cáo kết quả như sau:

1. Tên dự án:

2. Mục tiêu đầu tư:

3. Địa điểm xây dựng:

4. Quy mô dự án:

5. Diện tích sử dụng đất của dự án:

6. Quy mô dân số:

7. Hệ số sử dụng đất:

8. Mật độ xây dựng:

9. Tổng số lượng nhà ở của dự án là:……căn, với tổng diện tích sàn xây dựng là: ……m^2 và tỷ lệ các loại nhà (bao gồm nhà ở riêng lẻ, nhà biệt thự, căn hộ chung cư), cụ thể như sau.....

10. Phương án tiêu thụ sản phẩm:

11. Các công trình hạ tầng kỹ thuật:

12. Các công trình hạ tầng xã hội, bao gồm:

a) Công trình hạ tầng xã hội do chủ đầu tư xây dựng:

b) Công trình hạ tầng xã hội do chính quyền địa phương chịu trách nhiệm xây dựng và dự kiến thời gian phải hoàn thành việc xây dựng các công trình:

13. Khu vực để xe công cộng và để xe cho hộ gia đình, cá nhân:

14. Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây dựng nhà ở dành để làm nhà ở xã hội.....m^2 (nếu có):

15. Thời gian thực hiện dự án (phân giai đoạn đầu tư):

16. Những đề xuất ưu đãi của Nhà nước:

17. Trách nhiệm của chính quyền địa phương:

18. Những vấn đề khác có liên quan:

Bộ Xây dựng báo cáo và đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở nêu trên./.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng
Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND, Sở Xây dựng tỉnh....
- Nhà đầu tư (nếu có);
- Lưu:…....

PHỤ LỤC SỐ 05

MẪU VĂN BẢN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ Ở

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

UBND tỉnh, thành phố	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	**----------**
Số: ……	*……, ngày ….. tháng …… năm …..*
Vv: chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở.	

Kính gửi[2]: ……..

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi Tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CPquy định chi Tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

- Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân *(trường hợp phải lấy ý kiến HĐND cùng cấp)*……;

- Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số....ngày....tháng...năm.... đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án *(tên dự án)* ……

UBND tỉnh, thành phố …… chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng dự án *(tên dự án)*…… với các nội dung sau đây:

1. Tên dự án: ……

2. Hình thức đầu tư:

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

4. Địa Điểm xây dựng:

5. Quy mô dự án:

6. Diện tích sử dụng đất:

7. Ranh giới sử dụng đất:

8. Quy mô dân số:

9. Mật độ xây dựng:

10. Hệ số sử dụng đất:

11. Tỷ lệ và số lượng các loại nhà ở:

Tổng số lượng là:……..căn, tổng diện tích sàn xây dựng là:……. m^2 và tỷ lệ các loại nhà ở trong dự án (bao gồm nhà ở riêng lẻ, nhà biệt thự, căn hộ chung cư), cụ thể như sau: ……

12. Phương án tiêu thụ sản phẩm:

13. Khu vực để xe công cộng và để xe cho các hộ gia đình, cá nhân:

14. Các công trình hạ tầng kỹ thuật:

15. Các công trình hạ tầng xã hội, gồm:

a) Công trình hạ tầng xã hội do chủ đầu tư xây dựng:

b) Công trình hạ tầng xã hội do chính quyền chịu trách nhiệm xây dựng và dự kiến thời gian phải hoàn thành việc xây dựng:

16. Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây dựng nhà ở dành để làm nhà ở xã hội …….. m^2 (nếu có):

17. Thời gian và tiến độ thực hiện:

18. Ưu đãi của Nhà nước (nếu có):

19. Trách nhiệm của chủ đầu tư đối với dự án:

20. Trách nhiệm của chính quyền địa phương:

21. Những vấn đề liên quan khác:

Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư này có hiệu lực trong……., kể từ ngày ký văn bản.

Đề nghị ……..[3] căn cứ vào nội dung của văn bản này để tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật./.

TM. UBND……
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……

5. Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP. Mã số TTHC: 1.007761. 000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 19/2016/TT-BXD thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Bước 2: Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Sở Xây dựng tổ chức họp Tổ chuyên gia để xem xét, đánh giá năng lực của nhà đầu tư; nếu nhà đầu tư đủ điều kiện làm chủ đầu tư dự án thì Sở Xây dựng có văn bản kèm theo biên bản họp Tổ chuyên gia và hồ sơ pháp lý của nhà đầu tư gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để công nhận nhà đầu tư làm chủ đầu tư dự án theo mẫu hướng dẫn tham khảo tại phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD; nếu nhà đầu tư không đủ điều kiện làm chủ đầu tư dự án thì Sở Xây dựng có văn bản thông báo để nhà đầu tư biết rõ lý do.

+ Bước 3: Chuyển trả kết quả cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đăng ký làm chủ đầu tư dự án của nhà đầu tư, bao gồm các nội dung: tên, địa chỉ nhà đầu tư, các đề xuất của nhà đầu tư, dự kiến tiến độ thực hiện dự án;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kèm theo giấy tờ chứng minh có đủ số vốn được hoạt động kinh doanh bất động sản (vốn điều lệ) theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản;

+ Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính của chủ đầu tư áp dụng như quy định tại điểm d khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

+ Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất ở hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký làm chủ đầu tư.

- Thời gian thẩm định tại Sở Xây dựng: **15** ngày làm việc.

- Thời gian phê duyệt của UBND tỉnh: **07** ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam, người nước ngoài, cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm HTX).

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu văn bản công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Phụ lục số 06

Mẫu văn bản công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

UBND tỉnh **BÌNH PHƯỚC** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:..... *Vv: công nhận chủ đầu tư.*	*....., ngày..... tháng..... năm……*

Kính gửi[4]:.....

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

- Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại văn bản số.....hoặc đề nghị của cơ quan phê duyệt kết quả đấu giá (đối với trường hợp cơ quan phê duyệt kết quả đấu giá không phải là UBND tỉnh) kèm theo hồ sơ đề nghị công nhận chủ đầu tư xây dựng nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở.

UBND tỉnh Bình Phước.....…….. công nhận *tên nhà đầu tư)*.....được làm chủ đầu tư dự án *tên dự án)*.....

Văn bản công nhận này có hiệu lực trong....., kể từ ngày ký văn bản. Quá thời hạn này mà chủ đầu tư không triển khai thực hiện dự án thì thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật liên quan.

Đề nghị …… (*ghi tên nhà đầu tư được công nhận làm chủ đầu tư dự án*) tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật có liên quan./.

TM. UBND.....
CHỦ TỊCH
Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Xây dựng;
- Lưu....

[4] Ghi tên nhà đầu tư được công nhận làm chủ đầu tư dự án

6. Thẩm định giá bán, thuê mua, thê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh. Mã số TTHC: 1.007762.**000.00.00.H10.**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư xây dựng giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội do mình đầu tư xây dựng và thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Bước 2: Sở Xây dựng tổ chức thẩm định và lấy ý kiến của Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan. Trường hợp chủ đầu tư đã hoàn thành xong việc xây dựng nhà ở xã hội và đã được kiểm toán về chi phí của dự án theo quy định thì Sở Xây dựng có thể căn cứ vào báo cáo kiểm toán để thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội của dự án. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định giá của chủ đầu tư, Sở Xây dựng có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh phê duyệt giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua.

- Bước 3: UBND tỉnh xem xét phê duyệt giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội trong thời hạn 05 ngày.

- Bước 4: Chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 5: Căn cứ văn bản thông báo kết quả thẩm định, chủ đầu tư ban hành giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội của dự án trên nguyên tắc không được cao hơn giá đã được thẩm định.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Công văn đề nghị định giá, điều chỉnh giá;

+ Phương án giá;

+ Văn bản tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan, đính kèm bản sao ý kiến của các cơ quan theo quy định (nếu có);

+ Văn bản thẩm định phương án giá của các cơ quan có chức năng thẩm định theo quy định;

+ Các tài liệu khác có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn **20** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian thẩm định tại Sở Xây dựng: **15** ngày làm việc.

- Thời gian phê duyệt của UBND tỉnh: **05** ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: văn bản thông báo kết quả thẩm định.

h) Phí, lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

- Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

7. Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh. Mã số TTHC: 1.007763**.000.00.00.H10.**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cán bộ thuộc đối tượng được thuê nhà ở công vụ đề nghị cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý lập 01 bộ hồ sơ thuê nhà ở công vụ có thể thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng (hoặc đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ) thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ kiểm tra và có văn bản gửi đến đến Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước hoặc qua đường bưu điện.

- Bước 3: Căn cứ quỹ nhà ở công vụ hiện có và tiêu chuẩn nhà ở công vụ, trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra, nếu đủ điều kiện cho thuê nhà ở công vụ thì tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định cho thuê nhà ở công vụ; trường hợp không đủ điều kiện thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Bước 4: UBND tỉnh xem xét ban hành quyết định cho thuê nhà ở công vụ trong thời gian 05 ngày.

- Bước 5: Chuyển trả kết quả cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 6: Căn cứ quyết định bố trí cho thuê nhà ở công vụ, đơn vị quản lý vận hành ký kết hợp đồng thuê nhà ở công vụ trực tiếp với người thuê theo quy định sau:

+ Hai Bên trực tiếp trao đổi và ký kết hợp đồng thuê nhà ở công vụ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định có hiệu lực thi hành.

+ Đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ có trách nhiệm gửi Hợp đồng đã được hai bên ký kết cho cơ quan quản lý nhà ở công vụ và cơ quan quản lý người thuê, mỗi đơn vị 01 bản chính.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đăng ký thuê nhà ở công vụ của cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ;

+ Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ đã có xác nhận của cơ quan đang trực tiếp quản lý cán bộ, công chức về thực trạng nhà ở

+ Bản sao quyết định bổ nhiệm, điều động, luân chuyển công tác có xác nhận của cơ quan ra quyết định hoặc cơ quan đang trực tiếp quản lý cán bộ, công chức.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người thuê nhà ở công vụ.

- Thời gian xem xét của đơn vị vận hành nhà ở công vụ: **02** ngày làm việc.

- Thời gian thẩm định tại Sở Xây dựng: **04** ngày làm việc.

- Thời gian phê duyệt của UBND tỉnh: **04** ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cán bộ công chức thuộc diện được ở nhà công vụ của UBND cấp tỉnh.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan quản lý nhà ở công vụ (Sở Xây dựng hoặc Phòng có chức năng quản lý nhà cấp huyện); đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ;

- Cơ quan phối hợp: cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bố trí cho thuê nhà ở công vụ.

h) Phí, Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý sử dụng nhà ở công vụ.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cán bộ thuê nhà ở công vụ phải chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình và chưa được thuê, thuê mua hoặc mua nhà ở xã hội tại nơi đến công tác hoặc đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình tại nơi đến công tác nhưng diện tích nhà ở bình quân trong hộ gia đình dưới $15m^2$/người.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý sử dụng nhà ở công vụ. (Điều 9 Khoản 3).

Phụ lục số 01

Mẫu Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2015/TT- BXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ NHÀ Ở CÔNG VỤ

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Tên tôi là:.....

Năm sinh.....Quê quán.....

CMND số.....cấp ngày...../...../.....tại …….....

Chỗ ở hiện nay:……

Đang ở thuê □ Đang ở nhà khách □ Đang ở nhờ □

Hiện đang công tác tại:.....

Chức vụ:.....; phụ cấp chức vụ:.....

Điện thoại:.....Email.....

Hiện nay tôi chưa có nhà ở (chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội) tại nơi đến công tác.

Tôi làm đơn này đề nghị cơ quan..... xem xét cho tôi được thuê nhà ở công vụ và cam đoan chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về thuê, sử dụng nhà ở công vụ (Số thành viên trong gia đình ở cùng là:.....người).

Kèm theo đơn này là bản sao Quyết định số..... ngày...../..../.... của..... về việc bổ nhiệm hoặc/và điều động, luân chuyển công tác.

Tôi cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và chịu trách nhiệm về những lời khai của mình trước pháp luật./.

Xác nhận của cơ quan quản lý người đề nghị thuê nhà ở công vụ *(về thực trạng nhà ở tại địa phương nơi đến công tác)*	*....., ngày..... tháng.....năm…* **Người làm đơn** *(Ký và ghi rõ họ tên)*

8. Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước. Mã số TTHC: 1.007764.**000.00.00.H10.**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người có nhu cầu thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước nộp 02 bộ hồ sơ có thể thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng (hoặc đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ) thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra và phân loại hồ sơ; nếu hồ sơ không có đủ các giấy tờ theo quy định thì phải trả lời ngay để người nộp đơn bổ sung giấy tờ. Trường hợp đơn vị quản lý vận hành nhà ở tiếp nhận hồ sơ thì sau khi kiểm tra và phân loại hồ sơ, đơn vị này phải có báo cáo danh sách người đủ điều kiện thuê, thuê mua nhà ở kèm theo hồ sơ hợp lệ gửi Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho Sở Xây dựng xem xét, kiểm tra.

- Bước 4: Trên cơ sở danh sách người đủ điều kiện thuê, thuê mua nhà ở kèm theo hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng trực tiếp xét duyệt hoặc thành lập Hội đồng xét duyệt hồ sơ để thực hiện xét duyệt từng hồ sơ đăng ký, xác định đối tượng đủ điều kiện hoặc chấm điểm xét chọn đối tượng ưu tiên (nếu có). Trường hợp đủ điều kiện hoặc được ưu tiên xét duyệt thuê, thuê mua nhà ở thì Sở Xây dựng có tờ trình kèm theo danh sách và biên bản xét duyệt hoặc biên bản chấm điểm báo cáo UBND tỉnh quyết định; trường hợp không đủ điều kiện hoặc chưa được xét duyệt thì Sở Xây dựng có văn bản thông báo cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở để trả lời cho người nộp đơn biết.

- Bước 5: Trên cơ sở báo cáo của Sở Xây dựng, UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định phê duyệt danh sách người được thuê, thuê mua nhà ở và gửi quyết định này cho Sở Xây dựng để ký hợp đồng thuê mua với người được thuê mua hoặc gửi cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở để ký hợp đồng thuê nhà với người được thuê nhà ở.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ tại đơn vị quản lý vận hành.

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước;

+ Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng và có đủ điều kiện về nhà ở, cư trú, thu nhập;

+ Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê nhà ở xã hội (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ lưu tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ và 01 bộ chuyển cho Sở Xây dựng (nếu đơn vị quản lý vận hành là cơ quan tiếp nhận hồ sơ) hoặc 01 bộ chuyển cho đơn vị quản lý vận hành (nếu Sở Xây dựng là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

d) Thời hạn giải quyết: không quá **20** ngày làm việc, kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành nhà ở nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp phải xét duyệt, tổ chức chấm điểm thì thời hạn giải quyết là không quá 60 ngày.

- Thời gian thẩm định tại Sở Xây dựng: **10** ngày làm việc.

- Thời gian phê duyệt của UBND tỉnh: **10** ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng, đơn vị quản lý vận hành nhà ở.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt danh sách người được thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.

h) Phí, Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu đề nghị thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD;

- Mẫu xác nhận đối tượng, thực trạng về nhà ở theo phụ lục số 13, 14, 15, 16 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD;

- Mẫu kê khai về thu nhập theo phụ lục số 17,18 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đối tượng được thuê, thuê mua nhà ở bao gồm: (1) Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; (2) Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị; (3) Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; (4) Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; (5) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức; (6) Các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ; (7) Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở đáp ứng các điều kiện sau:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa được mua, thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại nơi sinh sống, trường hợp đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình thì phải có diện tích bình quân trong hộ gia đình dưới 10m2 sàn/người;

- Phải có đăng ký thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có nhà ở xã hội; trường hợp không có đăng ký thường trú thì phải có đăng ký tạm trú từ một năm trở lên tại tỉnh, thành phố này,

- Đối với các đối tượng (2), (3), (4), (5) nêu trên thì phải thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân; trường hợp là hộ nghèo, cận nghèo thì phải thuộc diện nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở năm 2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Phụ lục số 09

Mẫu đơn đăng ký thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Hình thức đăng ký[5] Thuê □ Thuê mua □

Kính gửi[6]:.....

Họ và tên người viết đơn:.....

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số..... cấp ngày...../...../.....tại.....

Nghề nghiệp[7]:.....

Nơi làm việc[8]:.....

Nơi ở hiện tại:.....

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số.....tại:.....

Thuộc đối tượng[9]:.....

Số thành viên trong hộ gia đình[10].....người, bao gồm:

1. Họ và tên:.....CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....

2. Họ và tên:.....CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....

3. Họ và tên:.....CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....

4.....

---

[5] Đánh dấu vào ô mà người viết đơn có nhu cầu mua, thuê, thuê mua nhà ở.

[6] Ghi tên cơ quan quản lý nhà ở xã hội hoặc đơn vị quản lý vận hành nhà ở xã hội.

[7] Nếu đang làm việc tại cơ quan, tổ chức thì ghi rõ nghề nghiệp, nếu là lao động tự do thì ghi là lao động tự do, nếu đã nghỉ hưu thì ghi đã nghỉ hưu….

[8] Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

[9] Ghi rõ người viết đơn thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (ví dụ như là cán bộ công chức, viên chức ….).

[10] Ghi rõ số lượng thành viên trong hộ gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn.

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào (*không áp dụng đối với trường hợp tái định cư và trường hợp trả lại nhà ở công vụ)*.

Tình trạng nhà ở của hộ gia đình hiện nay như sau[11]: (có Giấy xác nhận về thực trạng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân kèm theo đơn này).

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình □

- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m^2 sàn/người □

- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái) □

- Đã có đất ở nhưng diện tích khuôn viên đất ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh. □

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất □

- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác. □

- Tôi đã trả lại nhà ở công vụ, hiện nay chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi trả lại nhà ở công vụ □

- Khó khăn về nhà ở khác[12] (ghi rõ nội dung).....

Tôi làm đơn này đề nghị được giải quyết 01 căn hộ (căn nhà) theo hình thức..... tại dự án:.....

+ Mong muốn được giải quyết căn hộ (căn nhà) số.....

+ Diện tích sàn sử dụng căn hộ.....m^2 (đối với nhà chung cư);

+ Diện tích sàn xây dựng.....m^2 (đối với nhà liền kề);

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai. Khi được giải quyết[13] .....nhà ở xã hội. Tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội./.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Người viết đơn

ký và ghi rõ họ tên)

[11] Người viết đơn đánh dấu vào ô phù hợp với hiện trạng thực tế nhà ở của hộ gia đình.

[12] Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu

[13] Ghi rõ nhu cầu mua, thuê, thuê mua

Phụ lục số 13

Mẫu giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở để đăng ký thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Nhà ở 2014

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỂ ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp xã [14]:.....

Họ và tên người đề nghị xác nhận:.....

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số.....cấp ngày...../...../.....tại.....

Nơi ở hiện tại:.....

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số.....tại:.....

Là đối tượng có công với cách mạng (bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy tờ chứng minh về đối tượng kèm theo)

Thực trạng về nhà ở hiện nay như sau[15]:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình □
- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m^2 sàn/người □
- Có nhà ở nhưng đã bị hư hỏng khung, tường, mái nhà và diện tích khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh □
- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái) □
- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất □
- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ □

---

[14] Ghi tên UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

[15] Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người đề nghị xác nhận để đánh dấu vào 1 trong 6 ô cho phù hợp.

điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác.

- Khó khăn về nhà ở khác[16] (ghi rõ nội dung)..... □

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

……. Ngày…… tháng……. năm .....
Người đề nghị xác nhận
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND cấp xã[17] ……về:

1. Ông/Bà là đối tượng có công với cách mạng

2. Về tình trạng nhà ở hiện tại của hộ gia đình:.....

3. Ông/Bà chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở của Nhà nước

(ký tên, đóng dấu)

[16] Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu.

[17] UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

Phụ lục số 14

Mẫu giấy xác nhận đối tượng, thực trạng nhà ở và điều kiện về thu nhập đối với các đối tượng được quy định tại khoản 4, 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở **2014**
(*Ban hành kèm theo Phụ lục số 14 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG, THỰC TRẠNG NHÀ Ở VÀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP ĐỂ ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Kính gửi[18]:.....

Họ và tên người đề nghị:.....

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số.....cấp ngày...../...../.....tại.....

Nghề nghiệp.....

Nơi làm việc[19]:.....

Nơi ở hiện tại:.....

Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại[20]:.....

.....

Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú).....nơi cấp.....

Số thành viên trong hộ gia đình.....người.

Thuộc đối tượng[21]:.....

.....

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình tôi như sau[22]:

---

[18] Gửi Cơ quan, đơn vị của người đề nghị xác nhận (nếu hộ gia đình có 02 người trở lên là đối tượng thuộc 02 cơ quan, tổ chức thì phải gửi đề nghị đến các cơ quan, tổ chức để được xác nhận). Trường hợp người đề nghị xác nhận đã nghỉ việc hoặc hành nghề tự do thì UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên chỉ xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở, không phải xác nhận về điều kiện thu nhập.

[19] Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

[20] Ghi địa chỉ theo sổ hộ khẩu thường trú hoặc ghi địa chỉ nơi đăng ký tạm trú của người đề nghị.

[21] Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định (ví dụ như là cán bộ công chức, viên chức ….).

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình □

- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới $10m^2$ sàn/người □

- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái) □

- Có nhà ở nhưng bị hư hỏng khung, tường và mái nhà và diện tích khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh. □

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất □

- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác. □

- Khó khăn về nhà ở khác[23] (ghi rõ nội dung).....

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi và hộ gia đình của tôi hiện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày..... tháng.....năm.....
Người viết đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc lãnh đạo UBND cấp xã[24] của người đề nghị

1. Ông/Bà thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở

2. Về tình trạng nhà ở hiện tại của hộ gia đình[25]:.....

3. Là đối tượng không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên

(ký tên, đóng dấu)

---

[22] Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người đề nghị xác nhận để đánh dấu vào 1 trong 6 ô cho phù hợp.

[23] Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu.

[24] Trường hợp người đề nghị xác nhận đã nghỉ việc hoặc hành nghề tự do thì UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên chỉ xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở, không phải xác nhận về điều kiện thu nhập.

[25] Cơ quan phải xác nhận rõ thực trạng của nhà ở là thuộc 1 trong 7 nội dung khó khăn về nhà ở mà người đề nghị xác nhận đã khai.

Phụ lục số 15

Mẫu giấy xác nhận đối tượng và thực trạng về nhà ở đối với đối tượng được quy định tại khoản 8 Điều 49 Luật Nhà ở 2014

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỂ ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Kính gửi[26]:.....
Họ và tên người đề nghị xác nhận:.....
Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số.....cấp ngày...../...../.....tại.....
Nghề nghiệp:.....
Chức vụ:.....
Nơi làm việc[27]:.....
Nơi ở hiện tại[28]:.....
Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại:.....
.....
Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú).....
nơi cấp.....
Số thành viên trong hộ gia đình.....người.
Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình tôi như sau:
- Tôi đã trả lại nhà ở công vụ tại[29].....
- Hiện tại chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi trả lại nhà ở công vụ.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày..... tháng.....năm.....
Người đề nghị xác nhận
ký và ghi rõ họ tên)

---

[26] Gửi Cơ quan, đơn vị nơi người đề nghị xác nhận đang làm việc hoặc làm việc trước khi nghỉ hưu và cơ quan, đơn vị quản lý nhà ở công vụ của người đề nghị.

[27] Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

[28] Nơi cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

[29] Ghi rõ địa chỉ nhà ở công vụ đã trả.

Phụ lục số 16

Mẫu giấy xác nhận của UBND cấp huyện nơi đối tượng có nhà, đất bị thu hồi quy định tại Khoản 10 Điều 49 Luật Nhà ở 2014

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN VỀ VIỆC CHƯA ĐƯỢC NHÀ NƯỚC BỒI THƯỜNG ĐỂ ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Kính gửi[30]:.....

Họ và tên người đề nghị được xác nhận[31]:.....

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số.....cấp ngày...../...../.....tại.....

Nơi ở hiện tại:.....

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số.....tại:.....

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình tôi như sau[32]:

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất □

- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác. □

Tôi (hoặc hộ gia đình) có nhà, đất bị thu hồi tại địa chỉ..... chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở tái định cư.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày..... tháng.....năm.....
Người đề nghị xác nhận
(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện …….về việc người bị thu hồi nhà, đất chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở hoặc đất ở tái định cư

(ký tên, đóng dấu)

---

[30] Gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có nhà, đất bị thu hồi.

[31] Tên người đề nghị xác nhận đăng ký thuê, thuê mua nhà ở xã hội.

[32] Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người đề nghị xác nhận để đánh dấu vào 1 trong 2 ô cho phù hợp.

Phụ lục số 17

Mẫu giấy xác nhận về điều kiện thu nhập đối với các đối tượng được quy định tại Khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở 2014

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY KÊ KHAI VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP[33]

Họ và tên người kê khai:.....

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số.....cấp ngày...../...../.....tại.....

Nơi ở hiện tại[34]:.....

Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại[35]:.....

Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú)..... nơi cấp.....

Số thành viên trong hộ gia đình[36].....người, bao gồm:

1. Họ và tên:.....CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....

2. Họ và tên:.....CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....

3. Họ và tên:.....CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....

4. Họ và tên:.....CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....

5.....

Thuộc đối tượng[37]:.....

---

[33] Mẫu này chỉ áp dụng đối với trường hợp người kê khai đã được xác nhận về đối tượng và điều kiện để được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội trước ngày Thông tư 19/2016/TT-BXD có hiệu lực thi hành nhưng chưa có xác nhận về điều kiện thu nhập.

[34] Ghi địa chỉ nơi người kê khai đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

[35] Ghi địa chỉ theo sổ hộ khẩu thường trú hoặc ghi địa chỉ nơi đăng ký tạm trú của người kê khai.

[36] Ghi rõ số lượng thành viên trong hộ gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người kê khai.

[37] Ghi rõ người kê khai thuộc đối tượng theo quy định được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (ví dụ như là công chức, viên chức…).

Hộ gia đình của tôi có thu nhập thường xuyên không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập hàng tháng.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Người kê khai

(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi người đề nghị đang làm việc Ông/Bà là đối tượng không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên

(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục số 18

Mẫu giấy tự kê khai về điều kiện thu nhập đối với các đối tượng được quy định tại khoản 4 và khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở 2014 (trường hợp đã được nghỉ việc, nghỉ chế độ)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY TỰ KHAI[38] VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP

Họ và tên người kê khai:.....
Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số.....cấp ngày...../...../.....tại.....
Nơi ở hiện tại[39]:.....
Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại[40]:.....
Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú)..... nơi cấp.....
Số thành viên trong hộ gia đình[41].....người, bao gồm:
1. Họ và tên:.....CMND số.....là:.....
Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....
2. Họ và tên:.....CMND số.....là:.....
Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....
3. Họ và tên:.....CMND số.....là:.....
Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....

4.....

Thuộc đối tượng[42]:.....

Hộ gia đình của tôi có thu nhập thường xuyên không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập hàng tháng.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày..... tháng.....năm.....
Người kê khai
ký, ghi rõ họ tên)

[38] Trong trường hợp cần thiết Sở Xây dựng liên hệ với Cục thuế địa phương để xác minh.
[39] Ghi địa chỉ nơi người kê khai đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.
[40] Ghi địa chỉ theo sổ hộ khẩu thường trú của người kê khai hoặc ghi địa chỉ nơi đăng ký tạm trú.
[41] Ghi rõ số lượng thành viên trong hộ gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người kê khai.
[42] Ghi rõ người kê khai thuộc đối tượng theo quy định được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (ví dụ như là công chức, viên chức…).

9. Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước. Mã số TTHC: 1.007765**.000.00.00.H10.**

a) Trình tự thực hiện:

Sinh viên có nhu cầu thuê nhà ở nộp đơn đề nghị thuê nhà theo mẫu hướng dẫn tham khảo tại phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD kèm theo bản sao giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có) theo một trong các hình thức sau đây: Có thể thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng (hoặc cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên) thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Cơ sở giáo dục, đào tạo có trách nhiệm tiếp nhận đơn, kiểm tra, lập danh sách sinh viên và gửi cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên xem xét, quyết định;

Trên cơ sở danh sách sinh viên nộp đơn đề nghị thuê nhà ở, đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên có trách nhiệm kiểm tra và căn cứ vào số lượng nhà ở hiện có để quyết định đối tượng sinh viên được thuê theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP;

Trường hợp sinh viên không đủ điều kiện thuê nhà ở hoặc cơ sở giáo dục, đào tạo hoặc đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên không có đủ nhà ở cho sinh viên thuê thì có trách nhiệm thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho sinh viên biết.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ tại đơn vị quản lý vận hành nhà ở.

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị thuê nhà ở sinh viên

+ Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có);

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: không quá **10** ngày làm việc, kể từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân (học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục).

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng, Đơn vị quản lý vận hành nhà ở.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng, Đơn vị quản lý vận hành nhà ở.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Hợp đồng thuê nhà ở sinh viên

h) Phí, lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị thuê nhà ở sinh viên theo mẫu hướng dẫn tại phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người được bố trí sử dụng nhà ở hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 05/7/1994 đến trước ngày 19/01/2007.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở năm 2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Phụ lục số 10

Mẫu đơn đề nghị thuê nhà ở sinh viên

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ THUÊ NHÀ Ở SINH VIÊN

Kính gửi[43]:.....

Họ và tên người đăng ký:.....

Số thẻ sinh viên hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân số.....cấp ngày...../...../.....tại.....

Hiện Tôi đang học tập tại cơ sở đào tạo:.....

Địa chỉ của cơ sở đào tạo:.....

Niên khóa học:.....

Tôi làm đơn này đề nghị[44]:……xét duyệt cho Tôi được thuê nhà ở tại…… trong thời gian.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày..... tháng.....năm.....
Người viết đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Thủ trưởng cơ sở đào tạo của người đề nghị
(ký tên, đóng dấu)

---

[43] Gửi Cơ sở đào tạo nơi người đăng ký thuê nhà ở sinh viên đang học tập.

[44] Ghi tên cơ sở đào tạo.

Phụ lục số 20

Mẫu Hợp đồng thuê nhà ở

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

MẪU HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ Ở[45]

Số...../HĐ

Căn cứ Bộ Luật dân sự;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ đơn đề nghị thuê nhà ở của Ông Bà)…… đề ngày….. tháng….. năm……

Căn cứ[46]**.....,**

Hai bên chúng tôi gồm:

BÊN CHO THUÊ NHÀ Ở (sau đây gọi tắt là Bên cho thuê):

- Tên đơn vị:.....
- Người đại diện theo pháp luật:.....**...**
- Địa chỉ liên hệ:.....
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Điện thoại:.....Fax (nếu có):.....
- Số tài khoản:.....tại Ngân hàng:.....
- Mã số thuế:.....**.....**

BÊN THUÊ NHÀ Ở (sau đây gọi tắt là Bên thuê):

---

[45] Ghi rõ là nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước hoặc nhà ở phục vụ tái định cư hoặc nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

[46] Các căn cứ liên quan đến việc thuê nhà ở.....

- Ông (bà):.....là đại diện cho các thành viên cùng thuê nhà ở có tên trong phụ lục A đính kèm theo Hợp đồng này[47].

- Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân)…….....cấp ngày...../……../....., tại.....

- Hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú...……..

- Địa chỉ liên hệ:.....

- Điện thoại:.....

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng thuê nhà ở với các nội dung sau đây:

Điều 1. Thông tin về nhà ở cho thuê

1. Loại nhà ở (*căn hộ chung cư hoặc nhà ở riêng lẻ)*:.....

2. Địa chỉ nhà ở:.....

3. Diện tích sử dụng….....m^2 (đối với căn hộ chung cư là diện tích thông thủy)

4. Các thông tin về phần sở hữu riêng, phần sở hữu chung, phần sử dụng riêng, phần sử dụng chung (nếu là căn hộ chung cư): .....

5. Các trang thiết bị chủ yếu gắn liền với nhà ở:.....

6. Đặc điểm về đất xây dựng:.....

(Trường hợp là nhà ở cũ thì ghi rõ diện tích chính, diện tích phụ, diện tích tự xây dựng thêm nếu có); trường hợp nhà ở xã hội cho sinh viên thuê thì ghi thêm phần trang thiết bị gắn liền với căn hộ đó như giường tầng, quạt máy, bình nước…), ghi rõ ràng diện tích sinh hoạt chung như nhà văn hóa, nhà thể thao mà sinh viên được sử dụng có thu phí hoặc không thu phí).

Điều 2. Giá thuê nhà ở, phương thức và thời hạn thanh toán

1. Giá thuê nhà ở là.....đồng/01 tháng (I)

(Bằng chữ:.....).

Căn cứ vào quy định pháp luật về nhà ở áp dụng đối với từng loại nhà ở (nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư hoặc nhà ở cũ) để ghi rõ trong Hợp đồng giá thuê nhà ở có bao gồm hoặc không bao gồm các chi phí như chi phí bảo trì, chi phí thu hồi vốn đầu tư xây dựng, quản lý vận hành….

Giá thuê nhà ở sẽ được điều chỉnh khi Nhà nước có thay đổi về khung giá hoặc giá thuê (nếu có). Bên cho thuê có trách nhiệm thông báo giá thuê mới cho Bên thuê trước khi áp dụng ít nhất là 01 tháng.

---

[47] Các thành viên có tên trong Hợp đồng thuê nhà ở phải có văn bản thống nhất cử người đại diện ký Hợp đồng thuê nhà ở này.

2. Số tiền thuê nhà được miễn, giảm là……..đồng/tháng (II)

Bằng chữ:……..đồng/tháng)

Bên cho thuê phải ghi rõ căn cứ pháp luật để miễn, giảm tiền thuê nhà ở[48].

3. Số tiền thuê Bên thuê phải trả hàng tháng là:

(I) - (II) = …….đồng/tháng

(Bằng chữ:……..đồng/tháng)

4. Phương thức thanh toán: Bên thuê có trách nhiệm trả bằng (ghi rõ là trả bằng tiền mặt Việt Nam đồng hoặc chuyển khoản)[49]:.....

5. Thời hạn thanh toán: Bên thuê trả tiền thuê nhà ở vào ngày..... hàng tháng.

6. Chi phí sử dụng điện, nước, điện thoại và các dịch vụ khác do Bên thuê thanh toán cho bên cung cấp dịch vụ. Các chi phí này không tính vào giá thuê nhà ở quy định tại khoản 1 Điều này và Bên thuê thanh toán theo thời hạn thỏa thuận với bên cung cấp dịch vụ.

Điều 3. Thời điểm giao nhận nhà ở và thời hạn cho thuê nhà ở

1. Thời điểm giao nhận nhà ở: ngày.....tháng..... năm.....

2. Thời hạn cho thuê nhà ở là …. tháng (năm), kể từ ngày.....tháng..... năm.....

Trước khi hết thời hạn Hợp đồng 03 tháng, nếu Bên thuê có nhu cầu tiếp tục thuê nhà ở thì có đơn đề nghị Bên cho thuê ký gia hạn Hợp đồng thuê nhà ở. Căn cứ vào đơn đề nghị, Bên cho thuê có trách nhiệm xem xét, đối chiếu quy định của pháp luật về đối tượng, điều kiện được thuê nhà ở để thông báo cho Bên thuê biết ký gia hạn Hợp đồng thuê theo phụ lục B đính kèm theo Hợp đồng thuê này; nếu Bên thuê không còn thuộc đối tượng, đủ điều kiện được thuê nhà ở tại địa chỉ quy định tại khoản 2 Điều 1 của Hợp đồng này hoặc không còn nhu cầu thuê tiếp thì hai bên chấm dứt Hợp đồng thuê và Bên thuê phải bàn giao lại nhà ở cho Bên cho thuê trong thời hạn quy định tại Hợp đồng này

3. Đối với nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước thì phải ghi rõ vào khoản này thời điểm nhà ở được bố trí sử dụng theo quy định của pháp luật nhà ở.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên cho thuê

1. Quyền của Bên cho thuê:

a) Yêu cầu Bên thuê sử dụng nhà ở đúng mục đích và thực hiện đúng các quy định về quản lý sử dụng nhà ở cho thuê;

---

[48] Trong trường hợp đối tượng được miễn, giảm tiền thuê thì ghi rõ số tiền và Điều, khoản áp dụng của Nghị định 99/2015/NĐ-CP và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Việc miễn, giảm tiền thuê chỉ áp dụng với nhà ở cũ, nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.

[49] Hai bên thỏa thuận rõ phương thức và địa chỉ nộp tiền thuê nhà ở

b) Yêu cầu Bên thuê trả đủ tiền nhà theo đúng thời hạn đã cam kết và các chi phí khác cho bên cung cấp dịch vụ (nếu có);

c) Yêu cầu Bên thuê có trách nhiệm sửa chữa các hư hỏng và bồi thường thiệt hại do lỗi của Bên thuê gây ra;

d) Thu hồi nhà ở trong các trường hợp chấm dứt hợp đồng thuê nhà theo quy định tại Điều 6 của hợp đồng này hoặc khi nhà ở thuê thuộc diện bị thu hồi theo quy định của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP;

đ) Các quyền khác theo thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ của Bên cho thuê:

a) Giao nhà cho Bên thuê đúng thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng này;

b) Phổ biến, hướng dẫn cho Bên thuê biết quy định về quản lý sử dụng nhà ở;

c) Bảo trì, quản lý vận hành nhà ở cho thuê theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng nhà ở;

d) Thông báo cho Bên thuê những thay đổi về giá thuê, phí dịch vụ quản lý vận hành trước khi áp dụng ít nhất là 01 tháng;

đ) Làm thủ tục ký gia hạn Hợp đồng thuê nếu Bên thuê vẫn đủ điều kiện được thuê nhà ở và có nhu cầu tiếp tục thuê nhà ở;

e) Chấp hành các quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong việc quản lý, xử lý nhà ở cho thuê và giải quyết các tranh chấp liên quan đến hợp đồng này;

g) Thông báo cho Bên thuê biết rõ thời gian thực hiện thu hồi nhà ở trong trường hợp nhà ở thuê thuộc diện bị thu hồi;

h) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên thuê

1. Quyền của Bên thuê:

a) Nhận nhà ở theo đúng thỏa thuận nêu tại khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng này;

b) Yêu cầu Bên cho thuê sửa chữa kịp thời những hư hỏng của nhà ở mà không phải do lỗi của mình gây ra;

c) Được tiếp tục ký gia hạn hợp đồng thuê nếu hết hạn Hợp đồng mà vẫn thuộc đối tượng, đủ điều kiện được thuê nhà ở và có nhu cầu thuê tiếp;

d) Các quyền khác theo thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ của Bên thuê:

a) Trả đủ tiền thuê nhà theo đúng thời hạn đã cam kết;

b) Thanh toán đầy đủ đúng hạn chi phí quản lý vận hành nhà ở và các chi phí khác cho bên cung cấp dịch vụ trong quá trình sử dụng nhà ở cho thuê;

c) Sử dụng nhà thuê đúng mục đích; giữ gìn nhà ở, có trách nhiệm sửa chữa những hư hỏng và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra;

d) Không được tự ý sửa chữa, cải tạo, xây dựng lại nhà ở thuê; chấp hành đầy đủ các quy định về quản lý sử dụng nhà ở, các quyết định của cơ quan có thẩm quyền về quản lý, xử lý nhà ở và giải quyết tranh chấp liên quan đến hợp đồng này;

đ) Không được chuyển nhượng Hợp đồng thuê nhà hoặc cho người khác sử dụng nhà thuê dưới bất kỳ hình thức nào;

e) Chấp hành các quy định về giữ gìn vệ sinh môi trường và an ninh trật tự trong khu vực cư trú;

g) Giao lại nhà cho Bên cho thuê trong các trường hợp chấm dứt Hợp đồng quy định tại Điều 6 của hợp đồng này hoặc trong trường hợp nhà ở thuê thuộc diện bị thu hồi trong thời hạn ……. ngày, kể từ ngày Bên thuê nhận được thông báo của Bên cho thuê;

h) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận.

Điều 6. Chấm dứt Hợp đồng thuê nhà ở

Việc chấm dứt Hợp đồng thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước được thực hiện trong các trường hợp sau:

1. Khi hai bên cùng nhất trí chấm dứt Hợp đồng thuê nhà ở;

2. Khi Bên thuê không còn thuộc đối tượng, điều kiện được tiếp tục thuê nhà ở hoặc không có nhu cầu thuê tiếp;

3. Khi Bên thuê nhà chết mà khi chết không có ai trong hộ gia đình đang cùng sinh sống;

4. Khi Bên thuê không trả tiền thuê nhà liên tục trong ba tháng mà không có lý do chính đáng;

5. Khi Bên thuê tự ý sửa chữa, đục phá kết cấu, cải tạo hoặc cơi nới nhà ở thuê;

6. Khi Bên thuê tự ý chuyển quyền thuê cho người khác hoặc cho người khác sử dụng nhà ở thuê;

7. Khi nhà ở thuê bị hư hỏng nặng có nguy cơ sập đổ và Bên thuê phải di chuyển ra khỏi chỗ ở theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà ở thuê nằm trong khu vực đã có quyết định thu hồi đất, giải phóng mặt bằng hoặc có quyết định phá dỡ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

8. Khi một trong các bên đơn phương chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận của Hợp đồng này (nếu có) hoặc theo quy định pháp luật.

Điều 7. Trách nhiệm của các bên do vi phạm Hợp đồng

Hai bên thỏa thuận cụ thể về các trường hợp vi phạm Hợp đồng và trách nhiệm của mỗi bên trong trường hợp vi phạm.

Điều 8. Cam kết của các bên và giải quyết tranh chấp

1. Hai bên cùng cam kết thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh những vấn đề mới thì hai bên thỏa thuận lập phụ lục Hợp đồng, phụ lục Hợp đồng này có giá trị pháp lý như hợp đồng chính.

2. Trường hợp các bên có tranh chấp về các nội dung của Hợp đồng này thì hai bên cùng bàn bạc giải quyết thông qua thương lượng. Trong trường hợp các bên không thương lượng được thì có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Các cam kết khác.

Điều 9. Các thỏa thuận khác

(Các thỏa thuận trong Hợp đồng này phải phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội).

1.....

2.....

Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày…….

2. Hợp đồng này được lập thành 03 bản và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và 01 bản gửi cơ quan quản lý nhà ở để theo dõi, quản lý./.

BÊN THUÊ NHÀ Ở	**BÊN CHO THUÊ NHÀ Ở**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ của người ký)*

Phụ lục A

Tên các thành viên trong Hợp đồng thuê nhà ở số…….....ngày…....…/....…../ ……bao gồm:

STT	Họ và tên thành viên trong Hợp đồng thuê nhà ở	Mối quan hệ với người đại diện đứng tên ký Hợp đồng thuê nhà ở	Ghi chú
1	Nguyễn Văn A Số CMND:……..	Đứng tên ký hợp đồng thuê nhà ở	
2	Nguyễn Thị B Số CMND:……..	Vợ	
3	Nguyễn Văn C Số CMND:……..	Con đẻ	
….	…….....	……	

Ghi chú: Chỉ ghi tên các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên. Phụ lục này được đóng dấu xác nhận của Bên cho thuê nhà ở.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục B: Gia hạn Hợp đồng thuê nhà ở

Hôm nay, ngày ……..tháng……..năm …….Hai bên chúng tôi thống nhất ký kết phụ lục gia hạn Hợp đồng thuê nhà ở theo Hợp đồng thuê nhà số…….ký ngày …./…./…….với các nội dung sau đây:

1. Họ và tên người tiếp tục được thuê nhà ở:

- Họ và tên[50]:…….. CMND số……..…là:……..
- Họ và tên:……...…… CMND số……..…là:……..
- Họ và tên:…….....…… CMND số……..…là:……..
- Họ và tên:……..…… CMND số……..…là:……..

2. Giá thuê nhà ở:

Giá thuê nhà ở[51] là……..Việt Nam đồng/tháng

(*Bằng chữ:……..Việt Nam đồng/tháng).*

Giá thuê nhà ở này được tính từ ngày …..tháng…..năm….

3. Thời hạn thuê nhà ở:

Thời hạn thuê nhà ở là…….....tháng (năm), kể từ ngày ……/…./…….

(Trường hợp thuê nhà ở phục vụ tái định cư, người thuê có nhu cầu thuê tiếp thì được gia hạn Hợp đồng trong thời hạn không quá 03 năm).

4. Cam kết các Bên

a) Các nội dung khác trong Hợp đồng thuê nhà số…...ký ngày…./…./….. vẫn có giá trị pháp lý đối với hai bên khi thực hiện thuê nhà ở theo thời hạn quy định tại phụ lục gia hạn Hợp đồng này.

b) Các thành viên có tên trong phụ lục gia hạn Hợp đồng thuê nhà ở này cùng với Bên cho thuê tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã quy định tại Hợp đồng thuê nhà ở số……..ký ngày…./……/……..

c) Phụ lục này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng thuê nhà ở số.....và có hiệu lực pháp lý như Hợp đồng này;

d) Phụ lục gia hạn Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản và 01 bản gửi cho cơ quan quản lý nhà ở để theo dõi, quản lý./.

BÊN THUÊ NHÀ Ở	**BÊN CHO THUÊ NHÀ Ở**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký,ghi chức vụ của người ký và đóng dấu)*

[50] Ghi họ tên thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên được tiếp tục thuê nhà ở và mối quan hệ với người đứng tên Hợp đồng thuê nhà ở hoặc người đại diện ký gia hạn Hợp đồng (nếu có thay đổi người đứng tên Hợp đồng)

[51] Đã bao gồm kinh phí bảo trì nhà ở.

10. Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước. Mã số TTHC: 1.007767 **.000.00.00.H10.**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người mua nhà ở phải nộp hồ sơ đề nghị mua nhà có thể thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng (hoặc đơn vị đang quản lý vận hành nhà ở hoặc tại cơ quan quản lý nhà ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định) thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tiếp nhận, ghi giấy biên nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và lập danh sách người mua nhà ở. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị mua nhà ở cũ, Sở Xây dựng tổ chức họp Hội đồng xác định giá bán nhà ở để xác định giá bán nhà ở, quyền sử dụng đất. Sau khi Hội đồng xác định giá bán nhà ở xác định giá bán nhà ở, quyền sử dụng đất, Sở Xây dựng lập danh sách đối tượng được mua nhà ở kèm theo văn bản xác định giá bán nhà ở của Hội đồng xác định giá bán nhà ở trình cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở xem xét, quyết định. Đối với nhà ở do Bộ Quốc phòng đang quản lý thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị Hội đồng xác định giá bán nhà ở họp để xác định giá; sau đó trình Bộ Quốc phòng ban hành quyết định bán nhà ở cũ;

- Bước 3: Căn cứ vào báo cáo của cơ quan quản lý nhà ở, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, ban hành quyết định bán nhà ở cũ, trong đó nêu rõ đối tượng được mua nhà ở, địa chỉ nhà ở được bán, giá bán nhà ở cũ và giá chuyển quyền sử dụng đất và gửi quyết định này cho cơ quan quản lý nhà ở, đơn vị quản lý vận hành nhà ở biết để phối hợp thực hiện ký kết hợp đồng mua bán nhà ở;

- Bước 4: Sau khi nhận quyết định bán nhà ở cũ, đơn vị quản lý vận hành nhà ở thông báo cho người mua nhà biết thời gian cụ thể để ký kết hợp đồng mua bán nhà ở với cơ quan quản lý nhà ở.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận (tùy theo phân giao nhiệm vụ của từng địa phương mà cơ quan tiếp nhận là đơn vị quản lý vận hành nhà ở cũ hoặc cơ quan quản lý nhà ở cũ).

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị mua nhà ở cũ;

+ Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu đang còn giá trị hoặc Thẻ quân nhân của người đề nghị mua nhà ở; trường hợp là vợ chồng thì phải có thêm bản sao có chứng thực hộ khẩu gia đình hoặc Giấy đăng ký kết hôn.

+ Hợp đồng thuê nhà ở được lập hợp pháp; giấy tờ chứng minh đã nộp đủ tiền thuê nhà ở và chi phí quản lý vận hành nhà ở đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mua nhà ở.

+ Trường hợp người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài thì phải có văn bản ủy quyền (có xác nhận của cơ quan công chứng hoặc chứng thực theo quy định) cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở; nếu có thành viên có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã chết thì phải có giấy chứng tử kèm theo. Trong trường hợp có thành viên thuê nhà ở khước từ quyền mua và đứng tên trong Giấy chứng nhận thì phải có văn bản khước từ quyền mua, không đứng tên trong Giấy chứng nhận và cam kết không có tranh chấp, khiếu kiện về việc mua bán nhà ở này;

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Không quá **20** ngày làm việc kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đang thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đại diện có thẩm quyền.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng, Đơn vị quản lý vận hành nhà ở.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đối tượng được mua nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

h) Phí, lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đơn đề nghị mua bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước theo phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

k1) Yêu cầu, điều kiện 1:

- Người đề nghị mua nhà ở cũ phải thuộc các đối tượng được bố trí nhà ở (như mục 8.10 Thủ tục thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước).

k2) Yêu cầu, điều kiện 2:

- Người mua nhà ở cũ có hợp đồng thuê và có tên trong hợp đồng thuê nhà ở này, trường hợp có nhiều thành viên cùng đứng tên trong hợp đồng thì các thành viên này phải thỏa thuận cử người đại diện đứng tên để ký hợp đồng mua nhà ở với cơ quan quản lý nhà ở;

- Đã đóng tiền thuê nhà đầy đủ theo quy định trong hợp đồng thuê nhà ở và đóng đầy đủ các chi phí quản lý vận hành nhà ở tính đến thời điểm ký hợp đồng mua bán nhà ở;

- Phải có đơn đề nghị mua nhà ở cũ;

- Nhà ở không thuộc phải không thuộc diện đang có tranh chấp, khiếu kiện.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở năm 2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Phụ lục số 12

Mẫu đơn đề nghị mua nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MUA NHÀ Ở CŨ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Kính gửi[57]:.....

Họ và tên người đề nghị [58] là:.....

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số..... cấp ngày...../...../.....tại.....

Nơi ở hiện tại:.....

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số.....tại:.....

Và vợ (chồng) là[59]:..... CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số..... cấp ngày...../...../.....tại.....

Hộ khẩu thường trú tại:.....

.....

Tôi làm đơn này đề nghị..... *ghi tên cơ quan quản lý nhà ở)* giải quyết cho tôi mua nhà ở tại địa chỉ.....

- Hợp đồng thuê nhà ở số.....ký ngày...../...../..... với diện tích cụ thể sau:

- Tổng diện tích nhà ở đang sử dụng:.....m^2, trong đó:

+ Diện tích theo hợp đồng thuê nhà: DT nhà.....m^2; DT đất.....m^2

+ Diện tích nằm ngoài hợp đồng thuê nhà: DT nhà.....m^2;

DT đất.....m^2 (nếu có)

---

[57] Ghi tên cơ quan quản lý nhà ở.

[58] Ghi tên người đại diện thay mặt các thành viên thuê nhà ở đứng tên ký kết hợp đồng mua bán nhà ở.

[59] Ghi đầy đủ tên vợ, chồng (nếu có).

Diện tích nhà, đất ngoài hợp đồng này tôi đã sử dụng liên tục, ổn định và không có tranh chấp, khiếu kiện, hiện nay đã xây dựng, cải tạo sử dụng với hiện trạng:[60].....

Kèm theo đơn này là các giấy tờ liên quan như sau[61]:

1.....

2.....

3.....

Hộ gia đình tôi *bao gồm các thành viên có tên trong hợp đồng thuê nhà ở từ đủ 18 tuổi trở lên)* thống nhất cử ông (bà)....., CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân) số.....cấp ngày...../...../.....tại.....là đại diện các thành viên trong hộ gia đình để ký hợp đồng mua bán nhà ở. Sau khi hoàn thành thủ tục mua bán nhà ở, đề nghị cơ quan có thẩm quyền ghi tên các thành viên sau vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, bao gồm:

Ông (bà).....số CMND.....là.....

Ông (bà).....số CMND.....là.....

Ông (bà).....số CMND.....là.....

.....

Tôi xin chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước về mua bán nhà ở và cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

(Ghi rõ kèm theo đơn này là bản vẽ sơ đồ, vị trí nhà ở, đất ở đề nghị mua)

Các thành viên trong hộ gia đình có tên trong hợp đồng thuê nhà ký và ghi rõ họ tên[62]	*....., ngày..... tháng.....năm.....* **Người viết đơn** *(ký và ghi rõ họ tên)*

Bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở kèm theo đơn đề nghị mua nhà ở cũ

[60] Ghi rõ thực trạng sử dụng của phần diện tích ngoài hợp đồng (như đã cải tạo, xây dựng thành nhà hai tầng....) (nếu có).

[61] Ghi rõ bản sao giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân; bản sao có chứng thực hộ khẩu gia đình hoặc giấy đăng ký kết hôn; hợp đồng thuê nhà; giấy tờ chứng minh đã nộp đủ tiền thuê nhà; giấy tờ chứng minh đối tượng miễn, giảm tiền mua nhà….

[62] Trường hợp các thành viên trong gia đình có tên trong hợp đồng thuê nhà đã có văn bản thỏa thuận riêng về việc cử người đại diện ký hợp đồng mua bán nhà ở và danh sách những người được ghi tên vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thì không nhất thiết tất cả các thành viên trong gia đình phải ký tên vào đơn này.

<u>Ví dụ 1:</u> Trường hợp người mua nhà ở chỉ có diện tích theo hợp đồng thuê nhà ở

Diện tích nhà ở theo hợp đồng

Xác nhận của Bên cho thuê nhà ở
(ký tên, đóng dấu)

<u>Ví dụ 2:</u> Trường hợp người mua nhà ở có cả diện tích theo hợp đồng thuê và có diện tích nằm ngoài hợp đồng thuê

Sơ đồ	Sơ đồ
Diện tích nhà ở theo hợp đồng thuê	Diện tích nhà ở nằm ngoài hợp đồng thuê

Xác nhận của Bên cho thuê đối với diện tích theo hợp đồng thuê

Chữ ký của các hộ liền kề đối với diện tích nằm ngoài hợp đồng thuê nhà ở

Xác nhận của UBND cấp xã

.....

Diện tích nằm ngoài hợp đồng mà ông (bà).....

.....

đang sử dụng tại địa chỉ số.....

.....hiện nay là không có tranh chấp, khiếu kiện trong sử dụng nhà ở, đất ở, phù hợp với quy hoạch xây dựng nhà ở đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

TM. UBND.....
(ký tên, đóng dấu)

<u>Ghi chú:</u>

- Trong trường hợp người mua chỉ có diện tích nhà ở theo hợp đồng thuê nhà ở thì chỉ sử dụng bản vẽ sơ đồ nhà ở theo ví dụ 1 và chỉ cần có đóng dấu xác nhận của Bên cho thuê nhà ở.

- Trong trường hợp người mua có cả diện tích ngoài hợp đồng thuê nhà ở thì lập sơ đồ theo ví dụ 2, trong đó phải thể hiện rõ cả diện tích theo hợp đồng và diện tích ngoài hợp đồng. Bên cho thuê nhà ở đóng dấu xác nhận đối với diện tích theo hợp đồng; đối với diện tích ngoài hợp đồng thì có chữ ký xác nhận của các hộ liền kề và có xác nhận của UBND cấp xã nơi có nhà ở về diện tích nằm ngoài hợp đồng là không có tranh chấp, khiếu kiện.

11. Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước. Mã số TTHC: 1.007766.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trình tự, thủ tục thuê nhà ở cũ đối với trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 57 Nghị định 99/2015/NĐ-CP được thực hiện như sau:

+ Người đề nghị thuê nhà ở nộp 02 bộ hồ sơ nhà có thể thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng (hoặc đơn vị đang quản lý vận hành nhà ở) thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

+ Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, viết giấy biên nhận hồ sơ; trường hợp người nộp đơn không thuộc đối tượng được thuê nhà ở cũ thì phải có văn bản thông báo cho người hộp hồ sơ biết rõ lý do; nếu hồ sơ còn thiếu giấy tờ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn ngay để người nộp hồ sơ bổ sung giấy tờ. Trường hợp đơn vị quản lý vận hành nhà ở tiếp nhận hồ sơ thì phải báo cáo Sở Xây dựng xem xét;

+ Trên cơ sở hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận, cơ quan quản lý nhà ở có trách nhiệm kiểm tra, lập tờ trình kèm theo dự thảo quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở cũ trình cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định;

+ Căn cứ vào đề nghị của cơ quan quản lý nhà ở, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở xem xét, ban hành quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở, sau đó gửi quyết định này cho cơ quan quản lý nhà ở để thông báo cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở thực hiện ký kết hợp đồng thuê nhà ở. Trường hợp nhà ở cũ do Bộ Quốc phòng đang quản lý mà giao thẩm quyền quyết định đối tượng được thuê nhà ở cho cơ quan quản lý nhà ở thì cơ quan này ban hành quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở.

+ Sau khi có quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở cũ, đơn vị quản lý vận hành nhà ở thực hiện ký kết hợp đồng với người thuê nhà ở.

- Bước 2: Trình tự, thủ tục ký hợp đồng thuê nhà ở đối với trường hợp quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều 57 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP được thực hiện như sau:

+ Trường hợp người đang sử dụng nhà ở nhận chuyển quyền thuê nhà ở trước ngày 06 tháng 6 năm 2013 là ngày Nghị định số 34/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về quản lý sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước có hiệu lực thi hành (sau đây gọi chung là Nghị định số 34/2013/NĐ-CP) thì người đề nghị thuê nhà ở nộp 02 bộ hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này tại đơn vị quản lý vận hành nhà ở hoặc tại Sở Xây dựng (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định). Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, nếu hồ sơ hợp lệ thì đăng tải 03 lần liên tục thông tin về nhà ở cho thuê trên báo của địa phương và trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị mình; trường hợp Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ thì chuyển cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở để thực hiện việc đăng tin.

+ Sau 30 ngày, kể từ ngày đăng tin lần cuối, nếu không có tranh chấp, khiếu kiện về nhà ở cho thuê thì đơn vị quản lý vận hành nhà ở ký hợp đồng với người thuê và báo cáo Sở Xây dựng biết để theo dõi, quản lý; nếu có tranh chấp, khiếu kiện về nhà ở này thì chỉ thực hiện ký hợp đồng thuê sau khi đã giải quyết xong tranh chấp, khiếu kiện;

- Bước 3: Trường hợp người đang sử dụng nhà ở là người nhận chuyển quyền thuê nhà ở từ ngày 06 tháng 6 năm 2013 thì người đề nghị thuê nhà ở nộp 02 bộ hồ sơ quy định tại đơn vị quản lý vận hành nhà ở hoặc tại cơ quan quản lý nhà ở (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định).

- Trường hợp cơ quan quản lý nhà ở tiếp nhận hồ sơ thì cơ quan quản lý nhà ở có trách nhiệm kiểm tra, nếu nhà ở không có tranh chấp, khiếu kiện thì có văn bản đồng ý về việc chuyển nhượng quyền thuê và gửi văn bản này kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị thuê nhà cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở để thực hiện ký hợp đồng với người thuê; trường hợp đơn vị quản lý vận hành tiếp nhận hồ sơ thì đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm kiểm tra và báo cáo cơ quan quản lý nhà ở xem xét kiểm tra để có văn bản đồng ý việc chuyển nhượng quyền thuê trước khi thực hiện ký kết hợp đồng; trường hợp cơ quan quản lý nhà ở không đồng ý thì phải có văn bản trả lời rõ lý do cho người đề nghị thuê nhà ở biết.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị thuê nhà ở cũ;

- Giấy tờ chứng minh việc sử dụng nhà ở;

- Bản sao Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu đang còn giá trị hoặc Thẻ quân nhân của người có đơn đề nghị thuê nhà ở; trường hợp là vợ chồng phải có thêm bản sao có chứng thực sổ hộ khẩu gia đình hoặc giấy đăng ký kết hôn;

- Bản sao giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê nhà ở (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: không quá **15** ngày làm việc, kể từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đối tượng được thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

h) Phí, lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước theo mẫu hướng dẫn tại phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đối tượng được thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước là người đang thực tế sử dụng nhà ở và có nhu cầu tiếp tục thuê nhà ở, không chiếm dụng nhà ở trái pháp luật, bao gồm các đối tượng được bố trí sử dụng nhà ở từ trước ngày 27/11/1992 và các đối tượng sau:

- Người được phân phối thuê nhà ở đối với nhà ở được cơ quan có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước từ trước ngày 27/11/1992 nhưng từ ngày 27/11/1992 mới hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng.

- Người đang thuê nhà ở trước ngày 27/11/1992 nhưng thuộc diện phải điều chuyển công tác và Nhà nước yêu cầu phải trả lại nhà ở đang thuê, sau đó được cơ quan nhà nước bố trí cho thuê nhà ờ khác sau ngày 27/11/1992.

- Người được bố trí sử dụng nhà ở hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 27/11/1992 đến trước ngày 05/7/1994.

- Người được bố trí sử dụng nhà ở hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 05/7/1994 đến trước ngày 19/01/2007.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở năm 2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Phụ lục số 11
Mẫu đơn đề nghị thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ NHÀ Ở CŨ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Kính gửi[52]:.....
Họ và tên người đề nghị[53] là:.....
CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)
số..... cấp ngày...../...../.....tại.....
Nơi ở hiện tại:.....
Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số.....tại:.....
Số thành viên trong hộ gia đình[54].....người, bao gồm:
1. Họ và tên:.....CMND số.....là:.....
2. Họ và tên:.....CMND số.....là:.....
3. Họ và tên:.....CMND số.....là:.....
4. Họ và tên:.....CMND số.....là:.....
5.....
.....
Tôi làm đơn này đề nghị được giải quyết cho thuê nhà ở tại địa chỉ số[55].....
.....
Kèm theo đơn này là các giấy tờ liên quan đến nhà ở như sau[56]:
1.....
2.....
Tôi xin chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước. Tôi cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.
Tôi cam kết nhà ở đang sử dụng không có tranh chấp, khiếu kiện./.

Các thành viên trong hộ gia đình ký, ghi rõ họ tên	*....., ngày..... tháng.....năm.....* **Người viết đơn** *(ký và ghi rõ họ tên)*

[52] Ghi tên đơn vị quản lý vận hành nhà ở hoặc cơ quan quản lý nhà ở.
[53] Ghi tên người đại diện các thành viên trong hộ gia đình đề nghị thuê nhà ở
[54] Ghi rõ số lượng thành viên trong hộ gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn.
[55] Ghi rõ địa chỉ nhà ở mà người đang sử dụng nhà đề nghị được ký hợp đồng thuê
[56] Ghi rõ Quyết định hoặc văn bản phân phối, bố trí nhà ở hoặc hợp đồng thuê nhà; giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm tiền thuê nhà ở…(nếu có).

12. Chấp thuận chủ trương dự án ĐTXD nhà ở thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Nhà ở năm 2014 (trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công). Mã số TTHC: 1.007752.**000.00.00.H10.**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP thể thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ về Sở Xây dựng.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan về dự án. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình liên quan đến dự án gửi Sở Xây dựng;

- Bước 4: Trong thời hạn 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có tờ trình kèm theo hồ sơ, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đề nghị Bộ Xây dựng thẩm định.

- Bước 5: Bộ Xây dựng thực hiện thẩm định và có tờ trình báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ pháp lý của đơn vị được giao làm chủ đầu tư, bao gồm giấy tờ chứng minh chức năng kinh doanh bất động sản, tư cách pháp lý, giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, kinh nghiệm của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật; trường hợp chưa lựa chọn chủ đầu tư thì có báo cáo về hình thức lựa chọn chủ đầu tư và dự kiến điều kiện lựa chọn chủ đầu tư;

- Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương dự án xây dựng nhà ở, trong đó nêu rõ cơ sở pháp lý đề nghị chấp thuận; các nội dung đề xuất chấp thuận quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định 99/2015/NĐ-CP; lý do đề nghị chấp thuận và chứng minh sự phù hợp của nội dung dự án với chương trình kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt;

- Quyết định phê duyệt quy hoạch kèm theo bản vẽ quy hoạch chi tiết khu vực có dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; nội dung liên quan đến quy hoạch, bản vẽ quy hoạch trong hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Nội dung chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt có liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án cần chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết:

- Sở Xây dựng: 25 ngày làm việc

- Ủy ban nhân dân tỉnh: 10 ngày làm việc

- Bộ Xây dựng: 20 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức).

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình của Sở Xây dựng gửi UBND tỉnh đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở.

- Văn bản của UBND tỉnh gửi Bộ Xây dựng đề nghị thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ cháp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

MẪU TỜ TRÌNH CỦA SỞ XÂY DỰNG GỬI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ Ở

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**
Số: /SXD-QLN	*Bình Phước, ngày tháng năm 20…*

TỜ TRÌNH

Đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở

Kính gửi: UBND tỉnh, thành phố …….

Sở Xây dựng đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập hồ sơ dự án nhà ở/đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án *(tên dự án)* ……số ……ngày…… tháng…… năm…… của nhà đầu tư....*(phần này áp dụng đối với trường hợp đã có nhà đầu tư)* ……

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi Tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi Tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ pháp lý khác có liên quan …….

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan gồm...*(tên các cơ quan có ý kiến và số văn bản góp ý)*……, Sở Xây dựng đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

1. Tên dự án:

2. Tên nhà đầu tư *(nếu có)*:

3. Hình thức đầu tư:

4. Mục tiêu đầu tư:

5. Địa Điểm xây dựng:

6. Quy mô dự án, diện tích sử dụng đất của dự án:

7. Ranh giới sử dụng đất:

8. Tính pháp lý của hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư:

9. Tóm tắt những nội dung chính như: mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, quy mô dân số....

10. Tóm tắt ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có):

11. Nhận xét, đánh giá:

a) Sự cần thiết và Mục tiêu đầu tư:

b) Sự phù hợp với quy hoạch phân khu (hoặc quy hoạch chi Tiết nếu đã có quy hoạch chi Tiết) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

c) Sự phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương và phù hợp với danh Mục dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nếu có):

d) Tổng số nhà ở, tỷ lệ và số lượng của từng loại nhà ở:

đ) Phương án tiêu thụ sản phẩm (bán, cho thuê, cho thuê mua):

e) Khu vực để xe công cộng và để xe cho hộ gia đình, cá nhân:

g) Các công trình hạ tầng kỹ thuật của khu vực có dự án:

h) Các công trình hạ tầng xã hội, trong đó nêu rõ các công trình do Nhà nước đầu tư và dự kiến thời hạn đầu tư các công trình này:

i) Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây dựng nhà ở phải dành để làm nhà ở xã hội (nếu có):

k) Dự kiến tổng mức đầu tư của dự án:

l) Thời gian, tiến độ thực hiện (phân theo giai đoạn nếu có):

12. Những đề xuất ưu đãi của chủ đầu tư:

13. Trách nhiệm của nhà đầu tư đối với dự án:

14. Trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với dự án:

15. Những kiến nghị cụ thể:

Đề nghị UBND tỉnh, thành phố ……xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở1*(tên dự án)* ……./.

GĐ Sở Xây dựng
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Nhà đầu tư (nếu có);
- ……..

MẪU VĂN BẢN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH GỬI BỘ XÂY DỰNG ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH VÀ TRÌNH THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ Ở

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

UBND tỉnh, thành phố	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	**----------**
Số: ……	*……, ngày ….. tháng …… năm …..*

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố…… đã nhận được Tờ trình số....ngày…. tháng... năm.... của Sở Xây dựng kèm theo hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án *(tên dự án)* ……..

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi Tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi Tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ pháp lý khác có liên quan ……..

Trên cơ sở nội dung hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố….. đề nghị Bộ Xây dựng thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án…… *(tên dự án)*…….. với các nội dung sau đây:

1. Tên dự án: …….

2. Hình thức đầu tư:

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

4. Địa Điểm xây dựng:

5. Quy mô dự án:

6. Diện tích sử dụng đất:

7. Ranh giới sử dụng đất:

8. Quy mô dân số:

9. Mật độ xây dựng:

10. Hệ số sử dụng đất:

11. Tỷ lệ và số lượng các loại nhà ở:

Tổng số lượng là:…… căn, tổng diện tích sàn xây dựng là: …….. m^2 và tỷ lệ các loại nhà ở trong dự án (bao gồm nhà ở riêng lẻ, nhà biệt thự, căn hộ chung cư), cụ thể như sau: …….

12. Phương án tiêu thụ sản phẩm:

13. Khu vực để xe công cộng và để xe cho các hộ gia đình, cá nhân:

14. Các công trình hạ tầng kỹ thuật:

15. Các công trình hạ tầng xã hội, gồm:

a) Công trình hạ tầng xã hội do chủ đầu tư xây dựng:

b) Công trình hạ tầng xã hội do chính quyền chịu trách nhiệm xây dựng và thời gian phải hoàn thành việc xây dựng:

16. Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây dựng nhà ở dành để làm nhà ở xã hội …… m^2 (nếu có):

17. Thời gian và tiến độ thực hiện:

18. Ưu đãi của Nhà nước (nếu có):

19. Trách nhiệm của nhà đầu tư đối với dự án:

20. Trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với dự án:

21. Các vấn đề liên quan khác:

Gửi kèm theo văn bản này là hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư./.

Chủ tịch UBND...
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- ....

13. Công nhận hạng/ công nhận lại hạng nhà chung cư. Mã số TTHC: 1.006873.**000.00.00.H10.**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định của Điều 7 của Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30/12/2016 có thể thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ về Sở Xây dựng.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Xây dựng kiểm tra và phải có văn bản thông báo đề nghị bổ sung các giấy tờ nếu còn thiếu.

+ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ, Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra, thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế nhà chung cư và:

♦ Ban hành quyết định công nhận hạng nhà chung cư nếu nhà chung cư đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 3 và các tiêu chí quy định tại Điều 6 của Thông tư số 31/2016/TT-BXD.

♦ Hoặc có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận hạng/công nhận lại nếu nhà chung cư không đáp ứng được các yêu cầu và các tiêu chí theo quy định, trong đó nêu rõ lý do nhà chung cư không được công nhận/công nhận lại theo hạng đã đề nghị.

- Bước 4: Chuyển trả kết quả cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 5: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định công nhận hạng nhà chung cư, Sở Xây dựng có trách nhiệm đăng tải công khai thông tin, văn bản quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng và gửi quyết định này cho tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận hạng nhà chung cư để công khai cho chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư biết.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD; Bản sao có chứng thực Giấy phép xây dựng nhà chung cư (đối với nhà chung cư thuộc diện phải có Giấy phép xây dựng);

+ Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc văn bản chấp thuận tổng mặt bằng khu vực có nhà chung cư (đối với trường hợp không phải lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500) kèm theo bản vẽ tổng mặt bằng nhà chung cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

+ Bản sao có chứng thực văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền kèm theo bản vẽ thiết kế cơ sở nhà chung cư theo quy định của pháp luật về xây dựng;

+ Bản sao có chứng thực văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình nhà chung cư của cơ quan chuyên môn về xây dựng. Trường hợp nhà chung cư được nghiệm thu đưa vào sử dụng trước thời điểm Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 6/2/3013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng có hiệu lực thi hành, nếu không có Bản sao có chứng thực văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình nhà chung cư của cơ quan chuyên môn về xây dựng thì có thể nộp các giấy tờ khác thay thế như: Hồ sơ nghiệm thu chất lượng toàn bộ công trình, Biên bản nghiệm thu công trình xây dựng hoàn thành, Biên bản tổng nghiệm thu bàn giao công trình theo quy định của pháp luật tại thời điểm công trình được đưa vào sử dụng (quy định tại các Quyết định của Bộ Xây dựng ban hành trong từng thời điểm);

+ Bản tự kê khai, đánh giá phân hạng nhà chung cư của tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận hạng nhà chung cư theo mẫu hướng dẫn tham khảo quy định tại phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD.

- Số lượng hồ sơ: 01(bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cá nhân, tổ chức (Chủ đầu tư), Ban quản trị nhà chung cư.

- Chủ sở hữu.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận hạng nhà chung cư (đã điều chỉnh).

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản tự kê khai, đánh giá phân hạng nhà chung cư *(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).*

- Đơn đề nghị công nhận hạng (công nhận lại hạng, công nhận điều chỉnh hạng) nhà chung cư *(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Việc công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

+ Có đề nghị của tổ chức, cá nhân theo quy định;

+ Nhà chung cư được xây dựng phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; theo đúng Giấy phép xây dựng được cấp (đối với trường hợp yêu cầu phải có Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng);

+ Nhà chung cư phải đảm bảo tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà chung cư và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia khác có liên quan;

+ Nhà chung cư đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan, đã được bàn giao đưa vào sử dụng và không vi phạm các quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận hạng;

+ Nhà chung cư phải không thuộc diện bị phá dỡ, không thuộc khu vực đã có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Nhà chung cư đáp ứng đầy đủ các yêu cầu được nêu tại điểm a mục này được phân thành 03 hạng nếu đạt các tiêu chí như sau để làm căn cứ công nhận điều chỉnh hạng:

+ Hạng A: đạt tối thiểu 18 trên tổng số 20 tiêu chí theo hướng dẫn tại phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD.

+ Hạng B: đạt tối thiểu 18 trên tổng số 20 tiêu chí theo hướng dẫn tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD.

+ Hạng C: không đạt đủ tiêu chí để công nhận hạng A và hạng B.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở năm 2014.

- Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30/12/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân hạng và công nhận hạng nhà chung cư.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

MẪU BẢN TỰ KÊ KHAI, ĐÁNH GIÁ PHÂN HẠNG NHÀ CHUNG CƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

A. THÔNG TIN CHUNG

Tên nhà chung cư: .....

Địa chỉ nhà chung cư: .....

Chủ đầu tư: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại.....Fax: .....

Email: .....

B. BẢNG TỰ KÊ KHAI, ĐÁNH GIÁ

Hạng nhà chung cư tự đánh giá, đề xuất công nhận: Hạng …….

STT	Tiêu chí đánh giá (nêu đủ 20 tiêu chí đánh giá tương ứng với hạng nhà chung cư đề xuất công nhận - quy định tại phụ lục số 01 hoặc phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này)		Kết quả tự đánh giá	
			Đạt	Không đạt
1	Vị trí			
2	Dân sốtheo thiết kế			
3				
…				

Ghi chú: Người kê khai đánh giá nhà chung cư đạt hay không đạt các tiêu chí thì đánh dấu X vào phần tương ứng.

……, ngày ……, tháng ……, năm ……

Đại diện tổ chức, cá nhân kê khai, đánh giá

(Ký, ghi rõ họ tên; nếu là tổ chức thì phải ghi thêm chức danh và đóng dấu)

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN HẠNG (CÔNG NHẬN LẠI HẠNG, CÔNG NHẬN ĐIỀU CHỈNH HẠNG) NHÀ CHUNG CƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN HẠNG (CÔNG NHẬN LẠI HẠNG, CÔNG NHẬN ĐIỀU CHỈNH HẠNG) NHÀ CHUNG CƯ

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh (thành phố) ……..

Căn cứ Luật Nhà ở số 65/2014/QH13;

Căn cứ Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

(Tên tổ chức, cá nhân)…… đề nghị Sở Xây dựng xem xét, quyết định công nhận hạng nhà chung cư *(hoặc công nhận lại, điều chỉnh hạng nhà chung cư)* với các nội dung sau đây:

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị: .....

2. Địa chỉ, số điện thoại, fax: .....

3. Tên nhà chung cư đề nghị công nhận hạng*(công nhận lại, công nhận điều chỉnh hạng)* : .....

4. Địa chỉ nhà chung cư:.....

5. Hạng nhà chung cư đề nghị công nhận (A, B, C): .....

6. Kèm theo văn bản đề nghị này có các hồ sơ theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số31/2016/TT-BXD bao gồm:

a) .....

b) .....

c).....

d) .....

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các hồ sơ kèm theo, cam kết tuân thủ các quy định của Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan sau khi được công nhận./.

……., ngày ….. tháng …. năm …..
Đại diện tổ chức, cá nhân đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên; nếu là tổ chức thì phải ghi thêm chức danh và đóng dấu)

14. Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư. Mã số TTHC: 1.006876**.000.00.00.H10.**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Thông tư số 31/2016/TT-BXD có thể thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ về Sở Xây dựng.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Xây dựng kiểm tra và phải có văn bản thông báo đề nghị bổ sung các giấy tờ nếu còn thiếu.

+ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ, Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra, thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế nhà chung cư và:

♦ Ban hành quyết định công nhận hạng nhà chung cư (đã điều chỉnh) nếu nhà chung cư đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 3 và các tiêu chí quy định tại Điều 6 của Thông tư số 31/2016/TT-BXD.

♦ Hoặc có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận điều chỉnh hạng nếu nhà chung cư không đáp ứng được các yêu cầu và các tiêu chí theo quy định, trong đó nêu rõ lý do nhà chung cư không được công nhận điều chỉnh theo hạng đã đề nghị.

- Bước 4: Chuyển tra kết quả cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Khi giao quyết định công nhận hạng nhà chung cư (đã điều chỉnh), Trung tâm phục vụ hành chính công phải thu hồi bản gốc quyết định công nhận hạng đang còn thời hạn để chuyển cho Sở xây dựng lưu hồ sơ

- Bước 5: Đăng tải thông tin, văn bản quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị điều chỉnh hạng nhà chung cư theo mẫu quy định tại phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD;

- Bản tự kê khai, đánh giá phân hạng nhà chung cư của tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh hạng nhà chung cư theo mẫu quy định tại phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD;

- Bản sao có chứng thực quyết định công nhận hạng nhà chung cư đang còn thời hạn.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cá nhân, tổ chức (Chủ đầu tư), Ban quản trị nhà chung cư.

- Chủ sở hữu.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận hạng nhà chung cư (đã điều chỉnh).

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản tự kê khai, đánh giá phân hạng nhà chung cư *(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).*

- Đơn đề nghị công nhận hạng (công nhận lại hạng, công nhận điều chỉnh hạng) nhà chung cư *(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).*

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Việc công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

+ Có đề nghị của tổ chức, cá nhân theo quy định;

+ Nhà chung cư được xây dựng phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; theo đúng Giấy phép xây dựng được cấp (đối với trường hợp yêu cầu phải có Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng);

+ Nhà chung cư phải đảm bảo tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà chung cư và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia khác có liên quan;

+ Nhà chung cư đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan, đã được bàn giao đưa vào sử dụng và không vi phạm các quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận hạng;

+ Nhà chung cư phải không thuộc diện bị phá dỡ, không thuộc khu vực đã có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Nhà chung cư đáp ứng đầy đủ các yêu cầu được nêu tại điểm a mục này được phân thành 03 hạng nếu đạt các tiêu chí như sau để làm căn cứ công nhận điều chỉnh hạng:

+ Hạng A: đạt tối thiểu 18 trên tổng số 20 tiêu chí theo hướng dẫn tại phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD.

+ Hạng B: đạt tối thiểu 18 trên tổng số 20 tiêu chí theo hướng dẫn tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD.

+ Hạng C: không đạt đủ tiêu chí để công nhận hạng A và hạng B.

- Quyết định công nhận hạng nhà chung cư chưa hết thời hạn theo quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở năm 2014.

- Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30/12/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân hạng và công nhận hạng nhà chung cư.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

MẪU BẢN TỰ KÊ KHAI, ĐÁNH GIÁ PHÂN HẠNG NHÀ CHUNG CƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

A. THÔNG TIN CHUNG

Tên nhà chung cư: .....

Địa chỉ nhà chung cư: .....

Chủ đầu tư: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại.....Fax: .....

Email: .....

B. BẢNG TỰ KÊ KHAI, ĐÁNH GIÁ

Hạng nhà chung cư tự đánh giá, đề xuất công nhận: Hạng …….

STT	Tiêu chí đánh giá (nêu đủ 20 tiêu chí đánh giá tương ứng với hạng nhà chung cư đề xuất công nhận - quy định tại phụ lục số 01 hoặc phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này)		Kết quả tự đánh giá	
			Đạt	Không đạt
1	Vị trí			
2	Dân sốtheo thiết kế			
3				
…				

Ghi chú: Người kê khai đánh giá nhà chung cư đạt hay không đạt các tiêu chí thì đánh dấu X vào phần tương ứng.

……, ngày ……, tháng ……, năm ……

Đại diện tổ chức, cá nhân kê khai, đánh giá

(Ký, ghi rõ họ tên; nếu là tổ chức thì phải ghi thêm chức danh và đóng dấu)

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN HẠNG (CÔNG NHẬN LẠI HẠNG, CÔNG NHẬN ĐIỀU CHỈNH HẠNG) NHÀ CHUNG CƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN HẠNG (CÔNG NHẬN LẠI HẠNG, CÔNG NHẬN ĐIỀU CHỈNH HẠNG) NHÀ CHUNG CƯ

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh (thành phố) ……..

Căn cứ Luật Nhà ở số 65/2014/QH13;

Căn cứ Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

(Tên tổ chức, cá nhân)…… đề nghị Sở Xây dựng xem xét, quyết định công nhận hạng nhà chung cư *(hoặc công nhận lại, điều chỉnh hạng nhà chung cư)* với các nội dung sau đây:

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị: .....

2. Địa chỉ, số điện thoại, fax: .....

3. Tên nhà chung cư đề nghị công nhận hạng*(công nhận lại, công nhận điều chỉnh hạng)* : .....

4. Địa chỉ nhà chung cư:.....

5. Hạng nhà chung cư đề nghị công nhận (A, B, C): .....

6. Kèm theo văn bản đề nghị này có các hồ sơ theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số31/2016/TT-BXD bao gồm:

a) .....

b) .....

c) .....

d) .....

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các hồ sơ kèm theo, cam kết tuân thủ các quy định của Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan sau khi được công nhận./.

……., ngày ….. tháng …. năm …..
Đại diện tổ chức, cá nhân đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên; nếu là tổ chức thì phải ghi thêm chức danh và đóng dấu)

V. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

1. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành. Mã số TTHC: 1.002696**.000.00.00.H10.**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tối thiểu trước 10 ngày so với ngày Chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu đưa công trình, hạng mục công trình vào sử dụng, Chủ đầu tư gửi văn bản theo Mẫu số 02 Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng đến Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

- Bước 2: Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thông báo bằng văn bản về kế hoạch kiểm tra.

- Bước 3: Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức kiểm tra theo kế hoạch và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư theo Mẫu số 03 Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng trong thời hạn 10 ngày kể từ khi kết thúc kiểm tra. Trong trường hợp chủ đầu tư phải thực hiện giải trình, khắc phục các tồn tại (nếu có), thí nghiệm đối chứng, thử tải, kiểm định chất lượng bộ phận, hạng mục, công trình theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng thì thời hạn nêu trên được tính từ khi chủ đầu tư hoàn thành các yêu cầu này.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng.

- Số lượng hồ sơ: 01.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá **10** ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu.

h) Lệ phí, phí: (Chi phí để thực hiện được tính trong tổng mức đầu tư và do chủ đầu tư thanh toán theo thực tế).

i) Tên Mẫu đơn, tờ khai:

- Báo cáo hoàn thành công trình theo Mẫu số 02 Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng.

- Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư theo Mẫu số 03 Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 20/ 01/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Ban hành quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 02. Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng

…… (1) …….. **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-------- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi: ……. (2)…….

..... (1)..... báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau :

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng: ……

2. Địa điểm xây dựng …….....

3. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).

4. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu xây dựng, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).

5. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).

6. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.

7. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.

8. Báo cáo về việc đủ điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.

9. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng.

Đề nghị ….(1)…. tổ chức kiểm tra hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

(1) Tên của chủ đầu tư.

(2) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

Mẫu số 03. Thông báo ý kiến của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với việc nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng

…… (1) ……..	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…….....	
V/v: Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi: .....…(2).....

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số …. /2016/TT -BXD ngày … tháng … năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Ngày ....., ……..(1)…… đã thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu của Chủ đầu tư đối với hạng mục công trình, công trình xây dựng ....(tên công trình)..... Trên cơ sở báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng số ..... (3)..... ngày ..... tháng ..... năm … của Chủ đầu tư và báo cáo của các bên liên quan; biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng số ….. ngày …. tháng …. năm …; ……..(1)…… thông báo kết quả kiểm tra như sau:

1. Thông tin chung về hạng mục công trình, công trình xây dựng

(Nêu tên hạng mục công trình, công trình xây dựng được kiểm tra; địa điểm xây dựng; quy mô, công suất; các chủ thể tham gia xây dựng công trình)

2. Hiện trạng chất lượng của hạng mục công trình, công trình xây dựng

(Nêu hiện trạng thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng được kiểm tra; về tình hình chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng)

3. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật

(Nêu các đánh giá về năng lực các chủ thể tham gia xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng, sự tuân thủ quy định về quản lý chất lượng và các quy định khác có liên quan, công tác lập và lưu trữ hồ sơ, ... thông qua kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình.)

4. Các yêu cầu đối với Chủ đầu tư

(Yêu cầu khắc phục các tồn tại nếu có; các yêu cầu khác).

5. Kết luận

(nêu ý kiến chấp thuận hoặc chấp thuận có điều kiện hoặc không chấp thuận kết quả nghiệm thu của Chủ đầu tư)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: …

……. (1) ……..
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

(1)Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

(2) Tên của chủ đầu tư.

(3) Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục này.

2. Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng. Mã số TTHC: 2.001116.

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân có nhu cầu là giám định viên tư pháp xây dựng cung cấp thông tin theo Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD và các hồ sơ có liên quan theo quy định tại Điều 8 Luật Giám định tư pháp có thể thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng;

- Trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng. Trường hợp từ chối phải thông báo cho người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi có quyết định bổ nhiệm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố danh sách giám định viên tư pháp xây dựng trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng thời gửi Bộ Xây dựng và Bộ Tư pháp để công bố chung.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD;

- Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được đề nghị bổ nhiệm; bản sao chứng thực chứng chỉ hành nghề phù hợp với nội dung đề nghị bổ nhiệm;

- Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp;

- Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc;

- Các giấy tờ khác chứng minh người được đề nghị bổ nhiệm đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc

Thời gian giải quyết của Sở Xây dựng: **10** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Thời gian phê duyệt của UBND tỉnh là **10** ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ trình phê duyệt của Sở Xây dựng.

Trường hợp từ chối thì phải thông báo cho người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng.

h) Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai: Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(k1) Điều kiện chung đối với giám định viên tư pháp: công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn sau:

- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;

- Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên.

(k2) Điều kiện riêng đối với giám định viên tư pháp xây dựng

- Đối với giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng: Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý nhà nước về xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng:

+ Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc: thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế, giám sát thi công xây dựng, thi công xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, kiểm định xây dựng phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Có chứng chỉ hành nghề chủ trì khảo sát xây dựng hoặc chủ trì thiết kế xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng công trình;

+ Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình;

+ Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình:

+ Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng theo quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày …… tháng ……. năm 20….

GIẤY ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM /CÔNG BỐ GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP XÂY DỰNG /

NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THEO VỤ VIỆC

Kính gửi: ..... [(1)] .....

1. Họ và tên người đề nghị: .....

2. Ngày, tháng, năm sinh: .....

3. Địa chỉ thường trú: .....

4. Đơn vị hiện đang công tác: .....

5. Đăng ký nội dung giám định tư pháp xây dựng:

TT	Nội dung giám định	Đăng ký	Loại công trình
1	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng	☐	
2	Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình	☐	
3	Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng.	☐	
4	Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.	☐	
5	Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan	☐	

6. Kinh nghiệm thực tế hoạt động xây dựng trong 05 năm gần nhất:

TT	Công việc đã thực hiện *(liệt kê các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng)*	Thông tin chung về công trình *(Tên, địa điểm xây dựng, loại, cấp công trình)*
1		

7. Chứng chỉ hành nghề, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ: *(nêu rõ loại chứng chỉ, lĩnh vực hành nghề, mã số chứng chỉ, ngày cấp, nơi cấp, có bản sao chứng thực kèm theo)*

Tôi xin cam đoan các nội dung kê khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp [2] *(Ghi rõ họ tên, chữ ký, chức vụ, dấu pháp nhân)*	Người đề nghị *(Ghi rõ họ tên, chữ ký)*

---

[1] Cơ quan thuộc Bộ Xây dựng được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp xây dựng đối với trường hợp cá nhân là công chức thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cá nhân thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Cơ quan đầu mối thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các cá nhân tại địa phương đăng ký.

[2] Đối với cá nhân tại thời điểm đăng ký không làm việc tại cơ quan, tổ chức nào thì phải có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi đã công tác gần nhất hoặc có căn cứ xác nhận về các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng.

3. Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp xây dựng do UBND cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin.. Mã số TTHC: **1.002621.000.00.00.H10**

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân khi có thay đổi, điều chỉnh các thông tin (đơn vị công tác, địa chỉ thường trú, nội dung giám định tư pháp xây dựng, các bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ có liên quan đến nội dung giám định tư pháp xây dựng); tổ chức khi có thay đổi, điều chỉnh các thông tin (tên tổ chức, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, địa chỉ, nội dung giám định tư pháp xây dựng) thì cá nhân, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin thay đổi có thể thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Sau 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ thông tin, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra và cập nhật lại thông tin trên trang thông tin điện tử theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Văn bản đề nghị trong đó có thông tin điều chỉnh và các tài liệu chứng minh về thông tin điều chỉnh kèm theo.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tất cả.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Thông tin được đưa lên website của UBND cấp tỉnh.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên Mẫu đơn, tờ khai:

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Cá nhân khi có thay đổi, điều chỉnh các thông tin (đơn vị công tác, địa chỉ thường trú, nội dung giám định tư pháp xây dựng, các bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ có liên quan đến nội dung giám định tư pháp xây dựng); tổ chức khi có thay đổi, điều chỉnh các thông tin (tên tổ chức, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, địa chỉ, nội dung giám định tư pháp xây dựng).

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

4. Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động. Mã số TTHC: **1.002515.000.00.00.H10**

a) Trình tự thực hiện:

- Cá nhân cung cấp thông tin theo Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD, tổ chức tư vấn, văn phòng giám định tư pháp xây dựng cung cấp thông tin theo Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. (Sở Xây dựng là đơn vị được giao quản lý lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng tại địa phương);

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, tổ chức kiểm tra, xem xét hồ sơ thông tin đăng ký công bố;

- Trường hợp hồ sơ thông tin đăng ký công bố chưa đầy đủ, hợp lệ, trong vòng 7 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị cá nhân, tổ chức, bổ sung hoàn thiện theo quy định.

- Trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố người giám định tư pháp xây dựng, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, Văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng thời gửi Bộ Xây dựng và Bộ Tư pháp để công bố chung.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đối với cá nhân: Giấy đề nghị công bố người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD; bản sao chứng thực chứng chỉ hành nghề phù hợp với nội dung đăng ký giám định kèm theo; các tài liệu có liên quan theo quy định.

+ Đối với tổ chức: Thông tin đăng ký công bố tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, Văn phòng giám định tư pháp xây dựng theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD; bản sao chứng thực chứng chỉ

năng lực hoạt động xây dựng tổ chức phù hợp với nội dung đăng ký giám định kèm theo; các tài liệu có liên quan theo quy định.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tất cả.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Thông tin được đưa lên trang Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên Mẫu đơn, tờ khai: Không có

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Đối với người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc:

(1) Điều kiện chung đối với người giám định tư pháp theo vụ việc: công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ tiêu chuẩn sau:

- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;

- Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên;

Trường hợp người không có trình độ đại học nhưng có kiến thức chuyên sâu và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn về lĩnh vực cần giám định thì có thể được lựa chọn làm người giám định tư pháp theo vụ việc.

(2) Điều kiện riêng đối với người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc:

- Đối với giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng: Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý nhà nước về xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng:

+ Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc: thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế, giám sát thi công xây dựng, thi công xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, kiểm định xây dựng phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Có chứng chỉ hành nghề chủ trì khảo sát xây dựng hoặc chủ trì thiết kế xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng công trình;

+ Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình;

+ Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình:

+ Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng theo quy định.

b) Đối với tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc:

(1) Điều kiện chung đối với tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

- Có tư cách pháp nhân;

- Có hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung được trưng cầu, yêu cầu giám định;

- Có điều kiện về cán bộ chuyên môn, cơ sở vật chất bảo đảm cho việc thực hiện giám định tư pháp.

(2) Điều kiện riêng đối với tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc:

- Đối với giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng:

+ Có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, kiểm định xây dựng, giám sát thi công xây dựng phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Cá nhân chủ trì giám định phải đáp ứng điều kiện như đối với giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc thực hiện giám định về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng:

+ Trường hợp giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng công trình; tổ chức thực hiện phải có đủ điều kiện năng lực để thực hiện một trong các công việc: kiểm định xây dựng, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Trường hợp giám định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình; tổ chức thực hiện phải có đủ điều kiện năng lực để thực hiện một trong các công việc: kiểm định xây dựng, thiết kế xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, giám sát thi công xây dựng theo quy định phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Trường hợp giám định chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng; tổ chức thực hiện phải có đủ điều kiện năng lực để thực hiện một trong các công việc: kiểm định xây dựng, thiết kế xây dựng theo quy định phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Cá nhân chủ trì thực hiện giám định các nội dung nêu trên phải đáp ứng điều kiện tương ứng như đối với giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc thực hiện giám định về chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình:

+ Có năng lực thực hiện một trong các công việc kiểm định xây dựng, thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Cá nhân chủ trì thực hiện giám định phải đáp ứng điều kiện tương ứng như đối với giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc thực hiện giám định về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình.

c) Đối với văn phòng giám định tư pháp xây dựng

- Được thành lập và được cấp giấy đăng ký hoạt động theo quy định;

- Đáp ứng các yêu cầu về năng lực của tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày …… tháng ……. năm 20….

GIẤY ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM /CÔNG BỐ GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP XÂY DỰNG / NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THEO VỤ VIỆC

Kính gửi: ..... [(1)] .....

1. Họ và tên người đề nghị: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh: .....
3. Địa chỉ thường trú: .....
4. Đơn vị hiện đang công tác: .....
5. Đăng ký nội dung giám định tư pháp xây dựng:

TT	Nội dung giám định	Đăng ký	Loại công trình
1	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng	☐	
2	Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình	☐	
3	Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng.	☐	
4	Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.	☐	
5	Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan	☐	

6. Kinh nghiệm thực tế hoạt động xây dựng trong 05 năm gần nhất:

TT	Công việc đã thực hiện *(liệt kê các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng)*	Thông tin chung về công trình *(Tên, địa điểm xây dựng, loại, cấp công trình)*
1		

7. Chứng chỉ hành nghề, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ: *(nêu rõ loại chứng chỉ, lĩnh vực hành nghề, mã số chứng chỉ, ngày cấp, nơi cấp, có bản sao chứng thực kèm theo)*

Tôi xin cam đoan các nội dung kê khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp [2] *(Ghi rõ họ tên, chữ ký, chức vụ, dấu pháp nhân)*	Người đề nghị *(Ghi rõ họ tên, chữ ký)*

---

[1] Cơ quan thuộc Bộ Xây dựng được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp xây dựng đối với trường hợp cá nhân là công chức thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cá nhân thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Cơ quan đầu mối thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các cá nhân tại địa phương đăng ký.

[2] Đối với cá nhân tại thời điểm đăng ký không làm việc tại cơ quan, tổ chức nào thì phải có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi đã công tác gần nhất hoặc có căn cứ xác nhận về các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng.

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày …… tháng ……. năm 20….

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ
TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THEO VỤ VIỆC/
VĂN PHÒNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG

Kính gửi: ……(1)……

1. Tên tổ chức:.....…….....**.....**
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
   Số điện thoại: .....**.....**
   Số fax: .....
   Email: **.....**
   Website (nếu có):.....
3. Địa chỉ Văn phòng đại diện, Văn phòng chi nhánh (nếu có):
4. Quyết định thành lập:
   Số: ....., ngày cấp: ....., cơ quan cấp: .....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy đăng ký hoạt động:
   Số: ....., ngày cấp: ....., cơ quan cấp: .....
6. Đăng ký nội dung giám định tư pháp xây dựng:

TT	Nội dung giám định	Đăng ký	Loại công trình
1	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng	☐	
2	Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình	☐	
3	Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng.	☐	
4	Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.	☐	
5	Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan	☐	

7. Thông tin về nhân sự liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng:

a) Số lượng cán bộ, công nhân viên của tổ chức/Văn phòng giám định (chỉ tính người tham gia nộp BHXH) thực hiện công việc liên quan đến hoạt động tư vấn xây dựng:

- Tổng số nhân sự: .....
- Tổng số giám định viên tư pháp xây dựng (nếu có): .....
- Tổng số người có trình độ đại học trở lên và có chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ: …….....

trong đó tổng số người có năng lực chủ trì trên 10 năm kinh nghiệm theo loại công trình *(dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn và hạ tầng kỹ thuật)*: .....

- Danh sách các cán bộ chuyên môn:

TT	Tên	Chứng chỉ hành nghề/Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ		Số năm kinh nghiệm	Ghi chú
		Mã số chứng chỉ, chứng nhận	Lĩnh vực (Thiết kế, giám sát, ...)/loại CT		
1					

8. Phòng thí nghiệm:

- Mã số Phòng thí nghiệm : .....
- Số Quyết định công nhận : .....
- Cơ quan ký quyết định công nhận : .....

9. Các công việc đã thực hiện trong 05 năm gần nhất*:*

TT	Công việc thực hiện *(liệt kê các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng)*	Thông tin chung về công trình *(Tên, địa điểm xây dựng, loại, cấp công trình)*
1		

Chúng tôi xin cam đoan các nội dung kê khai trên là đúng sự thật, nếu sai chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Kính đề nghị .....(1)..... xem xét và công bố trên trang thông tin điện tử./.

(Gửi kèm theo các bản sao chứng thực: giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định công nhận phòng thí nghiệm, các văn bằng chứng chỉ của các cá nhân, hợp đồng lao động, các hợp đồng đã thực hiện và các tài liệu khác có liên quan theo quy định tại Thông tư số 04/2014/TT-BXD)

(2)

(Ghi rõ họ tên, chữ ký, chức vụ, dấu pháp nhân)

---

(1) Cơ quan thuộc Bộ Xây dựng được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp xây dựng.

(2) Tổ chức đăng ký hoạt động giám định tư pháp xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

VI. LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG

1. Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng. Mã số TTHC: 1.006871

a) Trình tự thực hiện:

Chủ đầu tư nộp hồ sơ; lệ phí và nhận Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước theo các bước sau:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

Bước 2: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố hợp quy, Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ công bố hợp quy.

- Trường hợp hồ sơ công bố hợp quy hợp lệ, Sở Xây dựng ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy theo Mẫu 3. TBTNHS, Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

- Trường hợp hồ sơ công bố hợp quy không hợp lệ, Sở Xây dựng ban hành Thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về lý do không tiếp nhận hồ sơ.

- Bước 3: Chủ đầu tư nhận lại giấy Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy hoặc nhận công văn trả lời trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định (bên thứ ba), hồ sơ công bố hợp quy bao gồm:

+ Bản công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng (theo Mẫu 2. CBHC/HQ quy định tại phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật);

+ Bản sao y bản chính giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật);

+ Bản sao y bản chính giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp kèm theo mẫu dấu hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp cho tổ chức, cá nhân.

Trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu cần thiết sẽ xem xét, đối chiếu với bản gốc hoặc yêu cầu bổ sung bản sao có công chứng;

* Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (bên thứ nhất), hồ sơ công bố hợp quy bao gồm:

+ Bản công bố hợp quy (theo Mẫu 2. CBHC/HQ quy định tại phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật);

+ Bản sao y bản chính giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật);

+ Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy chưa được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001, ISO 22000, HACCP...), thì hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân phải có quy trình sản xuất kèm theo kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng, áp dụng (theo Mẫu 1. KHKSCL quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức

đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật) và kế hoạch giám sát hệ thống quản lý;

+ Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001, ISO 22000, HACCP...), thì hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân phải có bản sao y bản chính giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý còn hiệu lực;

+ Bản sao y bản chính phiếu kết quả thử nghiệm mẫu trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức thử nghiệm đã đăng ký;

+ Báo cáo đánh giá hợp quy (theo Mẫu 5. BCĐG quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật) kèm theo mẫu dấu hợp quy và các tài liệu có liên quan;

Trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu cần thiết sẽ xem xét, đối chiếu với bản gốc hoặc yêu cầu bổ sung bản sao có công chứng.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy.

h) Phí, Lệ phí: 150.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình đề nghị (tự soạn thảo).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

a) Yêu cầu chung

- Công bố hợp quy phải dựa trên kết quả đánh giá, chứng nhận của tổ chức chứng nhận hợp quy;

- Trường hợp sử dụng kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài để chứng nhận, công bố hợp quy thì tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài phải được thừa nhận theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được quản lý bởi nhiều quy chuẩn kỹ thuật khác nhau thì sản phẩm, hàng hóa đó phải được thực hiện đăng ký công bố hợp quy tại các cơ quan chuyên ngành tương ứng và dấu hợp quy chỉ được sử dụng khi sản phẩm, hàng hóa đó đã thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý theo quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

b) Điều kiện để thực hiện

- Hồ sơ hợp lệ theo quy định;

- Kê khai đúng chủng loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phù hợp với danh mục sản phẩm quy định tại Bảng 1 Phần 2 QCVN 16:2017/BXD. Trong trường hợp chưa xác định rõ chủng loại sản phẩm, cần phối hợp với tổ chức chứng nhận hợp quy để thực hiện việc định danh sản phẩm.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

- Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

- Thông tư 02/2017/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Thông tư 10/2017/TT-BXD ngày 29/9/2017 của Bộ Xây dựng Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và hướng dẫn chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy;

- Thông tư 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

VII. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

1. Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh. Mã số TTHC: 1.002562.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

Chủ đầu tư nộp hồ sơ thẩm định, chấp thuận đầu tư theo các bước sau:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ có thể thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

- Bước 2: Căn cứ vào yêu cầu quản lý, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, đề xuất của chủ đầu tư, Sở Xây dựng xem xét thẩm định hồ sơ, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan có liên quan (nếu có). Nếu hồ sơ đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và Quyết định chấp thuận đầu tư theo hồ sơ thẩm định của Sở Xây dựng; nếu hồ sơ không đủ điều kiện thẩm định, Sở Xây dựng có văn bản trả lời cho chủ đầu tư.

- Bước 3: Tổ chức thực hiện TTHC nhận kết quả chấp thuận đầu tư tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận và nộp lệ phí theo đúng quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị chấp thuận đầu tư thực hiện dự án.

+ Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc quyết định chỉ định chủ đầu tư, hoặc văn bản xác nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp chủ đầu tư là chủ sử dụng khu đất thực hiện dự án.

+ Hồ sơ dự án theo quy định gồm: thuyết minh dự án, hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án, hồ sơ thiết kế đô thị (không bao gồm mô hình thu nhỏ khu vực thực hiện dự án), dự án thành phần phục vụ tái định cư, giải phóng mặt bằng (nếu có), các nội dung phối hợp giữa chủ đầu tư và chính quyền địa phương (nếu có).

+ Các văn bản pháp lý kèm theo: Quyết định phê duyệt khu vực phát triển đô thị và kế hoạch triển khai khu vực phát triển đô thị; hồ sơ quy hoạch chi tiết; hồ sơ chứng minh năng lực của chủ đầu tư về tài chính, kinh nghiệm về đầu tư và quản lý phù hợp để thực hiện dự án và các văn bản pháp lý có liên quan khác.

- Số lượng hồ sơ:

+ Số lượng hồ sơ trình đối với các dự án không phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: 10 bộ hồ sơ.

+ Số lượng hồ sơ trình đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: 16 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với các dự án không phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định: Không quá 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định: Không quá 50 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian gửi hồ sơ qua đường văn thư), trong đó: Thời gian xem xét hồ sơ, chuẩn bị công văn gửi lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng tối đa là 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Thời gian Bộ Xây dựng có trách nhiệm trả lời tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến. Trong trường hợp Bộ Xây dựng phải lấy ý kiến góp ý của các Bộ ngành có liên quan đối với dự án thì thời gian xem xét trả lời tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến; Thời gian UBND cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định chấp thuận đầu tư dự án tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất ý kiến của Bộ Xây dựng.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chấp thuận đầu tư dự án của UBND tỉnh hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không chấp thuận đầu tư dự án.

h) Lệ phí: Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không có

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị.

2. Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh. Mã số TTHC: 1.002526.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

* Trường hợp các dự án không thuộc phạm vi lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng. Chủ đầu tư nộp hồ sơ điều chỉnh dự án theo các bước sau:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ có thể thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính, địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

- Bước 2: Căn cứ vào yêu cầu quản lý, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, đề xuất của chủ đầu tư, Sở Xây dựng xem xét thẩm định hồ sơ, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan có liên quan (nếu có). Nếu hồ sơ đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và Quyết định điều chỉnh dự án theo hồ sơ thẩm định của Sở Xây dựng; nếu hồ sơ không đủ điều kiện thẩm định, Sở Xây dựng có văn bản trả lời cho chủ đầu tư.

- Bước 3: Tổ chức thực hiện TTHC nhận kết quả chấp thuận điều chỉnh dự án tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận và nộp lệ phí theo đúng quy định.

* Trường hợp các dự án thuộc phạm vi lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng:

- Bước 1: Chủ đầu tư gửi hồ sơ về Bộ Xây dựng để lấy ý kiến. Bộ Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Bước 2: Bộ Xây dựng xem xét hồ sơ và trả lời Chủ đầu tư, đồng thời có công văn gửi UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự án. Trong trường hợp cần thiết Bộ Xây dựng lấy ý kiến các Bộ ngành có liên quan.

- Bước 3: UBND tỉnh ra quyết định chấp thuận điều chỉnh dự án.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị điều chỉnh dự án.

+ Phần nội dung thay đổi, điều chỉnh của dự án.

+ Văn bản có liên quan.

- Số lượng hồ sơ:

+ Số lượng hồ sơ trình UBND cấp tỉnh: 05 (bộ).

+ Số lượng hồ sơ trình Bộ Xây dựng (đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng): 03 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn UBND tỉnh xem xét và quyết định chấp thuận điều chỉnh dự án không quá 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án.

- Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: thời hạn Bộ Xây dựng xem xét hồ sơ và trả lời Chủ đầu tư không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ dự án của Chủ đầu tư. Trường hợp Bộ Xây dựng phải lấy ý kiến các Bộ ngành có liên quan thì tổng thời gian xem xét trả lời không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ dự án của Chủ đầu tư.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chấp thuận điều chỉnh dự án của UBND cấp tỉnh hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không chấp thuận đầu tư dự án.

h) Lệ phí: Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không có

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

B - THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I. LĨNH VỰC QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC

1. Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện. Mã số TTHC: 1.002662000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầutư nộp hồsơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

- Bước 2: Căn cứ vào yêu cầu quản lý, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, đề xuất của chủ đầu tư, cơ quan quản lý quy hoạch thuộc UBND cấp huyện xem xét thẩm định hồ sơ, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan có liên quan (nếu có). Nếu hồ sơ đáp ứng các yêu cầu theo quy định, cơ quan quản lý quy hoạch thuộc UBND cấp huyện trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét và Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch theo hồ sơ thẩm định của cơ quan quản lý quy hoạch thuộc UBND cấp huyện; nếu hồ sơ không đủ điều kiện thẩm định, UBND huyện có văn bản trả lời cho chủ đầu tư.

- Bước 3: Tổ chức thực hiện TTHCnhận kết quả phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận và nộp lệ phí theo đúng quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết(theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP), thành phần hồ sơ gồm: (1) Tờ trình đề nghị thẩm định; (2) thuyết minh nội dung nhiệm vụ; (3) dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; (4)các bản vẽ in màu thu nhỏ ; (5) các văn bản pháp lý có liên quan.

+ Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiếtxây dựng khu chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn (theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP), thành phần hồ sơ gồm: (1), (2), (3), (4), (5) và văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân

cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

- **Số lượng hồ sơ**: 03 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết (theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP): 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn (theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP): 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan quản lý quy hoạch thuộc UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.

h) Phí, Lệ phí: Thu chi phí theo Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i)Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình đề nghị thẩm định (Tự soạn thảo).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

2. Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện. Mã số TTHC: 1.003141. 000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầutư nộp hồsơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

- Bước 2: Căn cứ vào yêu cầu quản lý, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, đề xuất của chủ đầu tư, cơ quan quản lý quy hoạch thuộc UBND cấp huyện xem xét thẩm định hồ sơ, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan có liên quan (nếu có). Nếu hồ sơ đáp ứng các yêu cầu theo quy định, cơ quan quản lý quy hoạch thuộc UBND cấp huyện trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét và Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch theo hồ sơ thẩm định của cơ quan quản lý quy hoạch thuộc UBND cấp huyện; nếu hồ sơ không đủ điều kiện thẩm định, UBND huyện có văn bản trả lời cho chủ đầu tư.

- Bước 3: Tổ chức thực hiện TTHCnhận kết quả phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận và nộp lệ phí theo đúng quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đối với thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết(theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP), thành phần hồ sơ gồm:

(1) Tờ trình đề nghị thẩm định;

(2) Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;

(3) Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch;

(4) Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;

(5) Các phụ lục tính toán kèm theo;

(6) Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định;

(7) Các văn bản pháp lý có liên quan;

+ Đối với thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn (theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP), thành phần hồ sơ gồm:

(1) Tờ trình đề nghị thẩm định;

(2) Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;

(3) Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch;

(4) Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;

(5) Các phụ lục tính toán kèm theo;

(6) Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định;

(7) Các văn bản pháp lý có liên quan;

Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng; đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án.

- Số lượng hồ sơ : 03 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan quản lý quy hoạch thuộc UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết.

h) Phí, lệ phí: Thu chi phí theo Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình đề nghị thẩm định (Tự soạn thảo).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

3. Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện. Mã số TTHC: 1.008455.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng trên dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến tại Bộ phận tiếp nhận TTHC của UBND thành phố, thị xã, huyện. Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

- Bước 2: Căn cứ vào yêu cầu quản lý, Phòng Quản lý Đô thị thành phố, thi xã; Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng cấp huyện) có trách nhiệm rà soát thông tin về địa điểm xây dựng, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng, các thông tin khác liên quan đến quy hoạch và cung cấp thông tin quy hoạch cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Bước 3: Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC nhận kết quả Văn bản cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng trên dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến tại Bộ phận tiếp nhận của UBND thành phố, thị xã, huyện theo thời hạn ghi trong giấy biên nhận và nộp lệ phí (nếu có).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Xây dựng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Đơn đề nghị cung cấp thông tin quy hoạch (trong đó ghi rõ thông tin về vị trí, địa điểm lô đất cần cung cấp thông tin).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: **10** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân huyện.

- Cơ quan thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Đô thị thành phố, thi xã; Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản cung cấp thông tin về địa điểm xây dựng, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng và thông tin khác liên quan đến quy hoạch.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí và phí: Không quy định

- Chi phí thực tế (tài liệu, in ấn, trích lục...).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

II. LĨNH VỰC THẨM ĐỊNH DỰ ÁN,THIẾT KẾ, DỰ TOÁN

1. Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP. Mã số TTHC: 1.007257.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Người đề nghị thẩm định gửi 01 bộ hồ sơ đến Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

- Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do và từ chối thực hiện thẩm định.

- Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức có năng lực phù hợp theo quy định để ký hợp đồng thẩm tra phục vụ công tác thẩm định. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 15 (mười lăm) ngày đối với công trình cấp II, III, 10 (mười) ngày đối với các công trình còn lại. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra, hồ sơ thiết kế đã đóng dấu thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để làm cơ sở thẩm định. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tạiBộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

+ Hồ sơ trình thẩm định theo danh mục tại Mẫu số 04 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

+ Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình, trừ công trình nhà ở riêng lẻ.

+ Bản sao hồ sơ về điều kiện năng lực của các chủ nhiệm, chủ trì khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có).

+ Nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt;

+ Thuyết Minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan.

+ Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

+ Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ (hồ sơ gốc).

d) Thời hạn giải quyết: Không quá **20** ngày làm việc tính từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

h) Phí, lệ phí: Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình thẩm định thiết kế tại Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

- Mẫu Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục I của Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

- Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.

- Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 02

Báo cáo kết quả thẩm tra dự án

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN VỊ THẨM TRA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ……	*……, ngày ... tháng ... năm……*
V/v báo cáo kết quả thẩm tra dự án……	

Kính gửi: (Chủ đầu tư)

(Tổ chức thẩm tra) đã nhận Văn bản số ... ngày ... của ……. đề nghị thẩm tra dự án ....(Tên dự án đầu tư xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi Tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Hợp đồng tư vấn số…… ngày…… tháng…… năm…… được ký kết giữa ……(Tổ chức thẩm tra) và ……(Chủ đầu tư);

Các căn cứ khác có liên quan……;

Sau khi xem xét hồ sơ dự án, (Tổ chức thẩm tra) thông báo kết quả thẩm tra dự án ....(Tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa Điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư; nguồn vốn đầu tư:
7. Thời gian thực hiện:
8. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
9. Các thông tin khác (nếu có):

II. THÀNH PHẦN HỒ SƠ DỰ ÁN

1. Văn bản pháp lý (Liệt kê các văn bản pháp lý trong hồ sơ trình):
2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế:
3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN

1. Nội dung chủ yếu của dự án

(Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ dự án thẩm tra)

2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi Tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ dự án (Tên dự án), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ, thiếu/đủ hồ sơ theo quy định).

2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 54 Luật Xây dựng 2014.

3. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ ÁN

1. Nội dung thẩm tra thiết kế cơ sở: (một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư).

a) Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ;

b) Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ: Kết luận về bảo đảm an toàn xây dựng của giải pháp thiết kế; kiểm tra sự phù hợp của giải pháp thiết kế với các giải pháp bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ theo ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền theo Luật Bảo vệ môi trường, Luật Phòng cháy và chữa cháy;

c) Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế cơ sở: Đánh giá về danh Mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với quy định hiện hành; đánh giá sự tuân thủ trong việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế cơ sở.

2. Thẩm tra các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi:

a) Đánh giá về sự cần thiết đầu tư xây dựng gồm sự phù hợp với chủ trương đầu tư, khả năng đáp ứng nhu cầu tăng thêm về quy mô, công suất, năng lực khai thác sử dụng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong từng thời kỳ;

b) Đánh giá yếu tố bảo đảm tính khả thi của dự án gồm sự phù hợp về quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng; khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng đất, giải phóng mặt bằng xây dựng; nhu cầu sử dụng tài nguyên (nếu có), việc bảo đảm các yếu tố đầu vào và đáp ứng các đầu ra của sản phẩm dự án; giải pháp tổ chức thực hiện; kinh nghiệm quản lý của chủ đầu tư; bảo đảm quốc phòng, an ninh và các yếu tố khác;

c) Đánh giá yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án gồm tổng mức đầu tư:

- Kiểm tra phương pháp lập tổng mức đầu tư; đánh giá nội dung cơ cấu tổng mức đầu tư đề nghị thẩm tra; kiểm tra sự phù hợp trong việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá và chế độ chính sách liên quan trong công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Kiểm tra sự phù hợp khối lượng công việc trong tổng mức đầu tư; kiểm tra tính đúng đắn, hợp lý của nội dung chi phí trong tổng mức đầu tư;

- Giá trị tổng mức đầu tư sau thẩm tra (nêu rõ giá trị của từng Khoản Mục chi phí, nguyên nhân tăng, giảm)

d) Đánh giá tiến độ thực hiện dự án; chi phí khai thác vận hành; khả năng huy động vốn theo tiến độ, phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Dự án (Tên dự án) đủ Điều kiện (chưa đủ Điều kiện) để triển khai các bước tiếp theo.

- Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA DỰ ÁN

- (Ký, ghi rõ họ tên)

(Kết quả thẩm tra có thể được bổ sung thêm một số nội dung khác theo yêu cầu, phạm vi công việc thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)

ĐƠN VỊ THẨM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

Mẫu số 03

Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN VỊ THẨM TRA **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …… V/v báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình	*……, ngày ... tháng ... năm……*

KẾT QUẢ THẨM TRA
THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
Công trình: ……

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi Tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định, Thông tư khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ...về việc ...;

Các căn cứ khác có liên quan.

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra (số hiệu hợp đồng) giữa (Tên chủ đầu tư) và (Tên đơn vị thẩm tra) về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (Tên công trình). Sau khi xem xét, (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình: ... Loại, cấp công trình: **...**
- Thuộc dự án đầu tư: ...
- Chủ đầu tư: ...
- Giá trị dự toán xây dựng công trình: ...
- Nguồn vốn:...
- Địa Điểm xây dựng:...
- Đơn vị khảo sát xây dựng: ...
- Đơn vị thiết kế, lập dự toán xây dựng: ...

II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)

2. Danh Mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:

3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.

(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của các hạng Mục công trình)

3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng công trình

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi Tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ của (Tên chủ đầu tư), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).

2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.

3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:

a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành;

b) Các cơ sở để xác định các Khoản Mục chi phí;

c) Về đơn giá áp dụng cho công trình;

d) Chi phí xây dựng hợp lý (Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm Tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình).

4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ

(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:

a) Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;

b) Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.

2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật:

- Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật:

3. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

- Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình.

- Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế đảm bảo an toàn cho công trình lân cận.

5. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

6. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

7. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN

1. Nguyên tắc thẩm tra:

a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;

b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các Khoản Mục chi phí khác trong dự toán công trình;

c) Về giá trị dự toán công trình.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị thẩm tra	Giá trị sau thẩm tra	Tăng, giảm (+;-)
1	Chi phí xây dựng			
2	Chi phí thiết bị (nếu có)			
3	Chi phí quản lý dự án			
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			
5	Chi phí khác			
6	Chi phí dự phòng			
	Tổng cộng			

(có phụ lục chi Tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: (nêu rõ lý do tăng, giảm).

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đủ Điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)- ……

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)

ĐƠN VỊ THẨM TRA

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

2. Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP. Mã số TTHC: 1.007254.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Người đề nghị thẩm định gửi 01 bộ hồ sơ đến Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

- Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do và từ chối thực hiện thẩm định.

- Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức có năng lực phù hợp theo quy định để ký hợp đồng thẩm tra phục vụ công tác thẩm định. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 10 (mười) ngày đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra, hồ sơ thiết kế đã đóng dấu thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để làm cơ sở thẩm định. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

+ Hồ sơ trình thẩm định theo danh mục tại Mẫu số 04 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

+ Nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt;

+ Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

+ Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ (hồ sơ gốc).

d) Thời hạn giải quyết: Không quá **20** ngày làm việc tính từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

h) Phí, lệ phí: Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

- Mẫu Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I của Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016.

- Mẫu Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục I của Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

- Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

Mẫu số 02

Báo cáo kết quả thẩm tra dự án

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của BXD)

ĐƠN VỊ THẨM TRA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ……	*……, ngày ... tháng ... năm……*
V/v báo cáo kết quả thẩm tra dự án……	

Kính gửi: (Chủ đầu tư)

(Tổ chức thẩm tra) đã nhận Văn bản số ... ngày ... của ……. đề nghị thẩm tra dự án ....(Tên dự án đầu tư xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi Tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Hợp đồng tư vấn số…… ngày…… tháng…… năm…… được ký kết giữa ……(Tổ chức thẩm tra) và ……(Chủ đầu tư);

Các căn cứ khác có liên quan……;

Sau khi xem xét hồ sơ dự án, (Tổ chức thẩm tra) thông báo kết quả thẩm tra dự án ....(Tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình:

3. Người quyết định đầu tư:

4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):

5. Địa Điểm xây dựng:

6. Giá trị tổng mức đầu tư; nguồn vốn đầu tư:

7. Thời gian thực hiện:

8. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

9. Các thông tin khác (nếu có):

II. THÀNH PHẦN HỒ SƠ DỰ ÁN

1. Văn bản pháp lý (Liệt kê các văn bản pháp lý trong hồ sơ trình):

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế:

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN

1. Nội dung chủ yếu của dự án

(Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ dự án thẩm tra)

2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi Tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ dự án (Tên dự án), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ, thiếu/đủ hồ sơ theo quy định).

2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 54 Luật Xây dựng 2014.

3. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ ÁN

1. Nội dung thẩm tra thiết kế cơ sở: (một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư).

a) Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ;

b) Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ: Kết luận về bảo đảm an toàn xây dựng của giải pháp thiết kế; kiểm tra sự phù hợp của giải pháp thiết kế với các giải pháp bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ theo ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền theo Luật Bảo vệ môi trường, Luật Phòng cháy và chữa cháy;

c) Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế cơ sở: Đánh giá về danh Mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với quy định hiện hành; đánh giá sự tuân thủ trong việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế cơ sở.

2. Thẩm tra các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi:

a) Đánh giá về sự cần thiết đầu tư xây dựng gồm sự phù hợp với chủ trương đầu tư, khả năng đáp ứng nhu cầu tăng thêm về quy mô, công suất, năng lực khai thác sử dụng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong từng thời kỳ;

b) Đánh giá yếu tố bảo đảm tính khả thi của dự án gồm sự phù hợp về quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng; khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng đất, giải phóng mặt bằng xây dựng; nhu cầu sử dụng tài nguyên (nếu có), việc bảo đảm các yếu tố đầu vào và đáp ứng các đầu ra của sản phẩm dự án; giải pháp tổ chức thực hiện; kinh nghiệm quản lý của chủ đầu tư; bảo đảm quốc phòng, an ninh và các yếu tố khác;

c) Đánh giá yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án gồm tổng mức đầu tư:

- Kiểm tra phương pháp lập tổng mức đầu tư; đánh giá nội dung cơ cấu tổng mức đầu tư đề nghị thẩm tra; kiểm tra sự phù hợp trong việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá và chế độ chính sách liên quan trong công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Kiểm tra sự phù hợp khối lượng công việc trong tổng mức đầu tư; kiểm tra tính đúng đắn, hợp lý của nội dung chi phí trong tổng mức đầu tư;

- Giá trị tổng mức đầu tư sau thẩm tra (nêu rõ giá trị của từng Khoản Mục chi phí, nguyên nhân tăng, giảm)

d) Đánh giá tiến độ thực hiện dự án; chi phí khai thác vận hành; khả năng huy động vốn theo tiến độ, phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Dự án (Tên dự án) đủ Điều kiện (chưa đủ Điều kiện) để triển khai các bước tiếp theo.

- Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA DỰ ÁN

- (Ký, ghi rõ họ tên)

(Kết quả thẩm tra có thể được bổ sung thêm một số nội dung khác theo yêu cầu, phạm vi công việc thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)

ĐƠN VỊ THẨM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

Mẫu số 03

Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của BXD)

ĐƠN VỊ THẨM TRA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ……	*……, ngày ... tháng ... năm……*
V/v báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình	

KẾT QUẢ THẨM TRA
THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
Công trình: ……

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi Tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định, Thông tư khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ...về việc ...;

Các căn cứ khác có liên quan.

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra (số hiệu hợp đồng) giữa (Tên chủ đầu tư) và (Tên đơn vị thẩm tra) về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (Tên công trình). Sau khi xem xét, (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình: ... Loại, cấp công trình: ...

- Thuộc dự án đầu tư: ...

- Chủ đầu tư: ...

- Giá trị dự toán xây dựng công trình: ...

- Nguồn vốn:...

- Địa Điểm xây dựng:...

- Đơn vị khảo sát xây dựng: ...

- Đơn vị thiết kế, lập dự toán xây dựng: ...

II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)

2. Danh Mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:

3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.

(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của các hạng Mục công trình)

3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng công trình

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi Tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ của (Tên chủ đầu tư), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).

2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.

3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:

a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành;

b) Các cơ sở để xác định các Khoản Mục chi phí;

c) Về đơn giá áp dụng cho công trình;

d) Chi phí xây dựng hợp lý (Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm Tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình).

4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ

(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:

a) Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;

b) Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.

2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật:

- Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật:

3. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

- Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình.

- Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế đảm bảo an toàn cho công trình lân cận.

5. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

6. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

7. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN

1. Nguyên tắc thẩm tra:

a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;

b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các Khoản Mục chi phí khác trong dự toán công trình;

c) Về giá trị dự toán công trình.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị thẩm tra	Giá trị sau thẩm tra	Tăng, giảm (+;-)
1	Chi phí xây dựng			
2	Chi phí thiết bị (nếu có)			
3	Chi phí quản lý dự án			
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			
5	Chi phí khác			
6	Chi phí dự phòng			
	Tổng cộng			

(có phụ lục chi Tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: (nêu rõ lý do tăng, giảm).

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đủ Điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)- ……

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)

ĐƠN VỊ THẨM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ……..	*……, ngày ….. tháng ….. năm ….*

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình: .....

2. Loại, cấp, quy mô công trình: .....

3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,….): .....

4. Địa điểm xây dựng: .....

5. Giá trị dự toán xây dựng công trình: .....

6. Nguồn vốn đầu tư: .....

7. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng: .....

8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: .....

9. Các thông tin khác có liên quan: .....

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);

- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;

- Và các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình…. với các nội dung nêu trên./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

Tên người đại diện

3. Cấp GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. Mã số TTHC: 1.007262.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa. Khi thẩm định hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải xác định tài liệu còn thiếu, tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Trường hợp việc bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo đến chủ đầu tư về lý do không cấp giấy phép.

- Căn cứ quy mô, tính chất, loại công trình và địa điểm xây dựng công trình có trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm đối chiếu các điều kiện theo quy định để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

- Đối với công trình kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời hạn quy định, nếu các cơ quan này không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; cơ quan cấp giấy phép xây dựng căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.

- Nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1)Trường hợp xây dựng mới:

(1.1) *Đối với công trình không theo tuyến; Công trình tín ngưỡng; Công trình của cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế, thành phần hồ sơ gồm:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng trạm, cột phát sóng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Bản vẽ mặt bằng vị trí công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông; cấp nước; thoát nước mưa, nước bẩn; xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác liên quan đến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200.

Riêng đối với công trình của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế và cơ quan nước ngoài đầu tư tại Việt Nam còn tuân thủ các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam; Đối với công trình tôn giáo bổ sung bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan tôn giáo theo phân cấp.

(1.2) Đối với công trình theo tuyến trong đô thị, thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Sơ đồ vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000;

+ Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Riêng đối với công trình ngầm phải bổ sung thêm: Bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200; Sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500.

(1.3) Đối với công trình quảng cáo, thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng thuê công trình đối với trường hợp thuê đất hoặc thuê công trình để xây dựng công trình quảng cáo;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

- Đối với trường hợp công trình xây dựng mới:

+ Sơ đồ vị trí công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt cắt móng và mặt cắt công trình tỷ lệ 1/50;

+ Bản vẽ các mặt đứng chính công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- Đối với trường hợp biển quảng cáo được gắn vào công trình đã được xây dựng hợp pháp:

+ Bản vẽ kết cấu của bộ phận công trình tại vị trí gắn biển quảng cáo tỷ lệ 1/50;

+ Bản vẽ các mặt đứng công trình có gắn biển quảng cáo tỷ lệ 1/50 - 1/100.

(2) Trường hợp theo giai đoạn:

Đối với công trình theo tuyến trong đô thị, thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phần đất thực hiện theo giai đoạn hoặc cả dự án theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Sơ đồ vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000;

+ Các bản vẽ theo từng giai đoạn: Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình theo giai đoạn tỷ lệ 1/50 - 1/200; Đối với công trình ngầm yêu cầu phải có bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình theo từng giai đoạn tỷ lệ 1/50 - 1/200; Sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo từng giai đoạn tỷ lệ 1/100 - 1/500.

(3) Đối với công trình theo dự án:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công các công trình xây dựng đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Bản vẽ tổng mặt bằng của dự án hoặc tổng mặt bằng từng giai đoạn của dự án tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng từng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+) Bản vẽ các mặt đứng và các mặt cắt chính của từng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 của từng công trình kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/50 - 1/200.

Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại nội dung này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

(4) Đối với công trình xây dựng có thời hạn:

(4.1) Đối với công trình không theo tuyến; Công trình tín ngưỡng; Công trình của cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế, thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng trạm, cột phát sóng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Bản vẽ mặt bằng vị trí công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông; cấp nước; thoát nước mưa, nước bẩn; xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác liên quan đến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200.

Riêng đối với công trình của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế và cơ quan nước ngoài đầu tư tại Việt Nam còn tuân thủ các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam; Đối với công trình tôn giáo bổ sung bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan tôn giáo theo phân cấp.

(4.2) Đối với công trình sửa chữa, cải tạo:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở, theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình, nhà ở theo quy định của pháp luật hoặc bản sao giấy phép xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ hiện trạng của bộ phận, hạng mục công trình sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo.

- Đối với các công trình di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng, thì phải có bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp.

(4.3) Di dời công trình:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về quyền sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ tổng mặt bằng, nơi công trình sẽ được di dời tới tỷ lệ 1/50 - 1/500.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200, mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 tại địa điểm công trình sẽ di dời tới.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính phương án di dời gồm

+ Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình;

+ Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.

- Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại mục 3, mục 4 Điểm này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

(5) Đối với nhà ở riêng lẻ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/50 - 1/500 kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/50 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 kèm theo sơ đồ đấu nối hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin tỷ lệ 1/50 - 1/200.

Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại nội dung này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

- Đối với công trình xây chen có tầng hầm, ngoài các tài liệu quy định tại điểm 1, 2, 3 nội dung này, hồ sơ còn phải bổ sung bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận biện pháp thi công móng của chủ đầu tư đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận.

- Đối với công trình xây dựng có công trình liền kề phải có bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn đối với công trình liền kề.

Lưu ý: Ngoài các tài liệu quy định đối với mỗi loại công trình nêu trên, hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung thêm các tài liệu khác đối với các trường hợp sau:

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế theo mẫu tại Phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.

+ Đối với nhà ở riêng lẻ dưới 03 tầng và có tổng diện tích sàn xây dựng nhỏ hơn 250 m^2, hộ gia đình có thể tự tổ chức thiết kế và chịu trách nhiệm về an toàn cho công trình và các công trình lân cận.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản cam kết bảo đảm an toàn cho công trình liền kề đối với trường hợp xây dựng nàh ở riêng lẻ có công trình liền kề.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định đầu tư đối vớicông trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng.

- Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với nhà ở riêng lẻ: Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với công trình: Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế trình xin cấp giấy phép xây dựng có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ.

h) Lệ phí:

- Cấp GPXD đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng.

- Cấp GPXD đối với công trình: 150.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

k1) Đối với công trình không theo tuyến; Công trình tín ngưỡng; Công trình tôn giáo; Công trình của cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế; Công trình tượng đài, tranh hoành tráng; Công trình quảng cáo; Dự án; Theo giai đoạn

*** Trong đô thị:**

- Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Trường hợp dự án đầu tư xây dựng trong đô thị tại khu vực chưa có quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị thì giấy phép quy hoạch xây dựng hoặc thông tin quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng.

- Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

- Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.

- Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

*** Ngoài đô thị:**

- Phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

- Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.

- Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

k2) Đối với công trình theo tuyến trong đô thị

- Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Trường hợp dự án đầu tư xây dựng trong đô thị tại khu vực chưa có quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị thì giấy phép quy hoạch xây dựng hoặc thông tin quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng.

- Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

- Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.

- Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

k3) Đối với công trình xây dựng có thời hạn

- Thuộc khu vực có quy hoạch phân khu xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, công bố nhưng chưa thực hiện và chưa có quyết định thu hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Phù hợp với quy mô công trình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cho từng khu vực và thời hạn tồn tại của công trình theo kế hoạch thực hiện quy hoạch phân khu xây dựng đã được phê duyệt.

- Chủ đầu tư cam kết tự phá dỡ công trình khi hết thời hạn tồn tại được ghi trong giấy phép xây dựng có thời hạn, nếu không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế và chịu mọi chi phí cho việc cưỡng chế phá dỡ.

- Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

- Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.

- Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

k4. Đối với nhà ở riêng lẻ

k4.1. Điều kiện chung cấp giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị:

a) Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt;

b) Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh;

c) Thiết kế xây dựng nhà ở riêng lẻ được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 79 của Luật này;

d) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 95, Điều 96 và Điều 97 của Luật này.

k.4.2. Đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị phải đáp ứng các điều kiện quy định tại mục 1 và phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng; đối với nhà ở riêng lẻ thuộc khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

k.4.3. Đối với nhà ở riêng lẻ tại nông thôn khi xây dựng phải phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

- Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)

Kính gửi: ……

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ): ……..
- Người đại diện: …… Chức vụ (nếu có): ……**.....**
- Địa chỉ liên hệ: …… **..**
- Số nhà: …… Đường/phố ……. Phường/xã ……..
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố: …….
- Số điện thoại: ……**.....**

2. Thông tin công trình:

- Địa Điểm xây dựng: …… **.....**
- Lô đất số: ……. Diện tích ……. m2.
- Tại số nhà: ……. Đường/phố ……**.....**
- Phường/xã …….. Quận/huyện ……**.....**
- Tỉnh, thành phố: ……**.....**

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Đối với công trình không theo tuyến:

- Loại công trình: …….. Cấp công trình: ……
- Diện tích xây dựng: …… m^2**.**
- Cốt xây dựng: …… m
- Tổng diện tích sàn: ……m^2 *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)***.**

- Chiều cao công trình: ……..m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

- Số tầng: *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

3.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……

- Tổng chiều dài công trình: …….. m *(ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố)*.

- Cốt của công trình: ……..m *(ghi rõ cốt qua từng khu vực)*

- Chiều cao tĩnh không của tuyến: …….. m *(ghi rõ chiều cao qua các khu vực)*.

- Độ sâu công trình: ……m *(ghi rõ độ sâu qua từng khu vực)*

3.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……..

- Diện tích xây dựng: …….m^2.

- Cốt xây dựng: ……m

- Chiều cao công trình: ……..m

3.4. Đối với công trình quảng cáo:

- Loại công trình: …….. Cấp công trình: ……

- Diện tích xây dựng: ……..m^2.

- Cốt xây dựng: ……..m

- Chiều cao công trình: …….m

- Nội dung quảng cáo: …….

3.5. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình: ……..

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): ……m^2.

- Tổng diện tích sàn: ……..m^2 *(trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

- Chiều cao công trình: ……..m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

- Số tầng: *(trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

3.6. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: …… Cấp công trình: …….

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): …….m^2.

- Tổng diện tích sàn: …….m^2 *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

- Chiều cao công trình: …….m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

- Số tầng: *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum*.

- Thông tin về số, ngày cấp, cơ quan cấp giấy phép xây dựng:……..

3.7. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến:

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……

+ Diện tích xây dựng: …….m^2.

+ Cốt xây dựng: ……m

+ Chiều sâu công trình: ……m *(tính từ cốt xây dựng)*

- Giai đoạn 2:

+ Tổng diện tích sàn: ……..m^2 *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

+ Chiều cao công trình: ……m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).*

+ Số tầng: *…....(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

3.8. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……

- Tổng chiều dài công trình theo giai đoạn: ……m *(ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố)*.

- Cốt của công trình: ……..m *(qua các khu vực theo từng giai đoạn)*

- Chiều cao tĩnh không của tuyến: ……..m *(ghi rõ chiều cao qua các khu vực theo từng giai đoạn)*.

- Độ sâu công trình: ……m *(ghi rõ độ sâu qua các khu vực theo từng giai đoạn)*

3.9. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án: ……

+ Đã được: …….phê duyệt, theo Quyết định số: ……. ngày ……

- Gồm: *(n)* công trình

Trong đó:

+ Công trình số *(1-n)*: *(tên công trình)*

* Loại công trình: …….. Cấp công trình: ……

* Các thông tin chủ yếu của công trình: ……

3.10. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……..

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): ……m^2.

- Tổng diện tích sàn: ……m^2.

- Chiều cao công trình: ……m^2.

- Địa Điểm công trình di dời đến: ……..

- Lô đất số: …… Diện tích ……m^2.

- Tại: …… Đường: ……..

- Phường (xã) ……. Quận (huyện) …….

- Tỉnh, thành phố: …….

- Số tầng: ……..

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế: ……

- Tên đơn vị thiết kế: ……

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số ……. Cấp ngày ……..

- Tên chủ nhiệm thiết kế: ……

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: ……do …….. Cấp ngày: ……..

- Địa chỉ: ……

- Điện thoại: ……

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): ……cấp ngày ……..

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: …… tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

…… ngày ……tháng ….. năm ……

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD

ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế: ……..

1.1. Tên: ……

1.2. Địa chỉ: …….

1.3. Số điện thoại: ……..

1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh: …….

2. Kinh nghiệm thiết kế: …….

2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:

a) ……..

b) ……..

2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:

a) Số lượng: …….

Trong đó:

- Kiến trúc sư: …….

- Kỹ sư các loại: …….

b) Chủ nhiệm thiết kế:

- Họ và tên: ……

- Số chứng chỉ: ……

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì *(tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ)*: ……

c) Chủ trì thiết kế các bộ môn *(kê khai đối với tất cả các bộ môn)*:

- Họ và tên: ……..

- Số chứng chỉ: ……

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì *(tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ)*: ……

……., Ngày …… tháng.... năm ....
Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế
(Ký ghi rõ họ tên)

4. Điều chỉnh GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. Mã số TTHC: 1.007286. .000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

* Trường hợp điều chỉnh giấy phép xây dựng: Trình tự thực hiện như cấp giấy phép xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- *Đối với công trình:*

+ Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

+ Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- *Đối với nhà ở riêng lẻ:*

+ Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

+ Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200. Đối với trường hợp yêu cầu phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thì phải nộp kèm theo báo cáo kết quả thẩm định thiết kế;

- Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại Điểm này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

- Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với nhà ở riêng lẻ: Không quá **10** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với công trình: Không quá **20** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xây dựng được điều chỉnh.

h) Lệ phí:20.000 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Điều chỉnh giấy phép xây dựng trong trường hợp điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung dưới đây:

+ Thay đổi hình thức kiến trúc mặt ngoài của công trình đối với công trình trong đô thị thuộc khu vực có yêu cầu về quản lý kiến trúc.

+ Thay đổi một trong các yếu tố về vị trí, diện tích xây dựng; quy mô, chiều cao, số tầng của công trình và các yếu tố khác ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực chính.

+ Khi điều chỉnh thiết kế bên trong công trình làm thay đổi công năng sử dụng làm ảnh hưởng đến an toàn, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường.

- Đối với trường hợp xây dựng sai với giấy phép xây dựng được cấp thì phải bị xử lý vi phạm theo quy định hiện hành, trước khi đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

- Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC SỐ 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi: …….

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ): ……**.....**

- Người đại diện: …… Chức vụ: …….

- Địa chỉ liên hệ: …… **..**

- Số nhà: …… Đường (phố) ……. Phường (xã) …… **.....**

- Quận (huyện) ……. Tỉnh, thành phố: ……

- Số điện thoại: ……**...**

2. Địa Điểm xây dựng: …….

- Lô đất số: …… Diện tích ……..m2. .

- Tại: ……. Đường: …… **.....**

- Phường (xã) ……. Quận (huyện) …….**.**

- Tỉnh, thành phố: ……**.....**

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)

Nội dung Giấy phép:

-

4. Nội dung đề nghị Điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp (hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại):

-

5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế: ……**...**

- Tên đơn vị thiết kế: ……**.....**

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số …… Cấp ngày …

- Tên chủ nhiệm thiết kế: ……**.....**

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: ……do …… Cấp ngày: … .....

- Địa chỉ: ……..

- Điện thoại: ……....

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): …….. cấp ngày …….....

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế Điều chỉnh/gia hạn: ……. tháng.

7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép Điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

……. ngày……tháng ….. năm ……

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

5. Gia hạn đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. Mã số TTHC: 1.007287.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng tạiBộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

- Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm xem xét gia hạn giấy phép xây dựng hoặc cấp lại giấy phép xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;

- Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xây dựng được gia hạn.

h) Lệ phí:20.000 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trước thời điểm giấy phép xây dựng hết hiệu lực khởi công xây dựng, nếu công trình chưa được khởi công thì chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng. Mỗi giấy phép xây dựng chỉ được gia hạn tối đa 02 lần, thời gian gia hạn mỗi lần là 12 tháng.

- Trường hợp xây dựng sai với giấy phép xây dựng được cấp thì phải bị xử lý vi phạm theo quy định hiện hành trước khi đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

- Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC SỐ 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi: …….

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ): ……**.....**

- Người đại diện: …… Chức vụ: ……

- Địa chỉ liên hệ: …… **..**

- Số nhà: …… Đường (phố) ……. Phường (xã) …… **.....**

- Quận (huyện) ……. Tỉnh, thành phố: ……

- Số điện thoại: ……**...**

2. Địa Điểm xây dựng: …….

- Lô đất số: …… Diện tích ……..m2. .

- Tại: ……. Đường: …… **.....**

- Phường (xã) ……. Quận (huyện) …….**..**

- Tỉnh, thành phố: ……**.....**

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)

Nội dung Giấy phép:

-

4. Nội dung đề nghị Điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp (hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại):

-

5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế: ……**...**

- Tên đơn vị thiết kế: ……**.....**

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số ……. Cấp ngày …

- Tên chủ nhiệm thiết kế: …….**.....**

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: ……do …… Cấp ngày: … **.....**

- Địa chỉ: …….

- Điện thoại: ……....

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): …….. cấp ngày …….....

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế Điều chỉnh/gia hạn: ……. tháng.

7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép Điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

……. ngày……tháng ….. năm ……

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

6. Cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. Mã số TTHC: 1.007288.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng tạiBộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

- Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm xem xét gia hạn giấy phép xây dựng hoặc cấp lại giấy phép xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát).

- Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xây dựng được cấp lại.

h) Lệ phí:20.000 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép xây dựng chỉ cấp lại đối với các trường hợp bị rách , nát, hoặc bị mất.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

- Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC SỐ 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi: …….

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ): ……**.....**

- Người đại diện: …… Chức vụ: ……

- Địa chỉ liên hệ: …… **..**

- Số nhà: …… Đường (phố) ……. Phường (xã) …… **.....**

- Quận (huyện) ……. Tỉnh, thành phố: ……

- Số điện thoại: …… **...**

2. Địa Điểm xây dựng: …….

- Lô đất số: …… Diện tích ……..m2. .

- Tại: …… Đường: …… **.....**

- Phường (xã) ……. Quận (huyện) …… **..**

- Tỉnh, thành phố: …….**.....**

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)

Nội dung Giấy phép:

-

4. Nội dung đề nghị Điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp (hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại):

-

5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế: ……**...**

- Tên đơn vị thiết kế: …….**.....**

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số ……. Cấp ngày …

- Tên chủ nhiệm thiết kế: …….**.....**

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: ……do …… Cấp ngày: … **.....**

- Địa chỉ: …….

- Điện thoại: ……....

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): …….. cấp ngày …….....

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế Điều chỉnh/gia hạn: ……. tháng.

7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép Điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

……. ngày……tháng ….. năm ……

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

7. Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. Mã số TTHC: 1.007266.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa. Khi thẩm định hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải xác định tài liệu còn thiếu, tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Trường hợp việc bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo đến chủ đầu tư về lý do không cấp giấy phép.

- Căn cứ quy mô, tính chất, loại công trình và địa điểm xây dựng công trình có trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm đối chiếu các điều kiện theo quy định để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

- Đối với công trình kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời hạn quy định, nếu các cơ quan này không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; cơ quan cấp giấy phép xây dựng căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở, theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình, nhà ở theo quy định của

pháp luật hoặc bản sao giấy phép xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ hiện trạng của bộ phận, hạng mục công trình sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo.

- Đối với các công trình di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng, thì phải có bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp.

Lưu ý: Ngoài các tài liệu quy định đối với mỗi loại công trình nêu trên, hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung thêm các tài liệu khác đối với các trường hợp sau:

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế theo mẫu tại Phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.

+ Đối với nhà ở riêng lẻ dưới 03 tầng và có tổng diện tích sàn xây dựng nhỏ hơn 250 m^2, hộ gia đình có thể tự tổ chức thiết kế và chịu trách nhiệm về an toàn cho công trình và các công trình lân cận.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản cam kết bảo đảm an toàn cho công trình liền kề đối với trường hợp xây dựng nàh ở riêng lẻ có công trình liền kề.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định đầu tư đối vớicông trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng.

- Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với nhà ở riêng lẻ: Không quá **10** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với công trình: Không quá **20** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế trình xin cấp giấy phép xây dựng có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ.

h) Lệ phí:

- Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đông.

- Đối với công trình: 150.000 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

- Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)

Kính gửi: ……

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ): ……..
- Người đại diện: …… Chức vụ (nếu có): ……**.....**
- Địa chỉ liên hệ: …… **..**
- Số nhà: …… Đường/phố ……. Phường/xã ……..
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố: …….
- Số điện thoại: ……**.....**

2. Thông tin công trình:

- Địa Điểm xây dựng: …… **.....**
- Lô đất số: ……. Diện tích ……. m2.
- Tại số nhà: ……. Đường/phố ……**.....**
- Phường/xã …….. Quận/huyện ……**.....**
- Tỉnh, thành phố: ……**.....**

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Đối với công trình không theo tuyến:

- Loại công trình: …….. Cấp công trình: ……
- Diện tích xây dựng: …… m^2.
- Cốt xây dựng: …… m
- Tổng diện tích sàn: ……m^2 *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

- Chiều cao công trình: ……..m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

- Số tầng: *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

3.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……

- Tổng chiều dài công trình: …….. m *(ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố)*.

- Cốt của công trình: ……..m *(ghi rõ cốt qua từng khu vực)*

- Chiều cao tĩnh không của tuyến: …….. m *(ghi rõ chiều cao qua các khu vực)*.

- Độ sâu công trình: ……m *(ghi rõ độ sâu qua từng khu vực)*

3.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……..

- Diện tích xây dựng: …….m^2.

- Cốt xây dựng: ……m

- Chiều cao công trình: ……..m

3.4. Đối với công trình quảng cáo:

- Loại công trình: …….. Cấp công trình: ……

- Diện tích xây dựng: ……..m^2.

- Cốt xây dựng: ……..m

- Chiều cao công trình: …….m

- Nội dung quảng cáo: …….

3.5. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình: ……..

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): ……m^2.

- Tổng diện tích sàn: ……..m^2 *(trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

- Chiều cao công trình: ……..m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

- Số tầng: *(trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

3.6. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: …… Cấp công trình: …….

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): …….m^2.

- Tổng diện tích sàn: …….m^2 *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

- Chiều cao công trình: …….m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

- Số tầng: *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

- Thông tin về số, ngày cấp, cơ quan cấp giấy phép xây dựng:…….

3.7. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến:

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……

+ Diện tích xây dựng: …….m^2.

+ Cốt xây dựng: ……m

+ Chiều sâu công trình: ……m *(tính từ cốt xây dựng)*

- Giai đoạn 2:

+ Tổng diện tích sàn: ……..m^2 *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

+ Chiều cao công trình: ……m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

+ Số tầng: *…....(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

3.8. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……

- Tổng chiều dài công trình theo giai đoạn: ……m *(ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố)*.

- Cốt của công trình: ……..m *(qua các khu vực theo từng giai đoạn)*

- Chiều cao tĩnh không của tuyến: ……..m *(ghi rõ chiều cao qua các khu vực theo từng giai đoạn)*.

- Độ sâu công trình: ……m *(ghi rõ độ sâu qua các khu vực theo từng giai đoạn)*

3.9. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án: ……

+ Đã được: …….phê duyệt, theo Quyết định số: ……. ngày ……

- Gồm: *(n)* công trình

Trong đó:

+ Công trình số *(1-n)*: *(tên công trình)*

* Loại công trình: …….. Cấp công trình: ……

* Các thông tin chủ yếu của công trình: ……

3.10. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……..

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): ……m^2.

- Tổng diện tích sàn: ……m^2.

- Chiều cao công trình: ……m^2.

- Địa Điểm công trình di dời đến: ……..

- Lô đất số: …… Diện tích ……m^2.

- Tại: …… Đường: ……..

- Phường (xã) ……. Quận (huyện) …….

- Tỉnh, thành phố: …….

- Số tầng: ……..

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế: ……

- Tên đơn vị thiết kế: ……

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số ……. Cấp ngày ……..

- Tên chủ nhiệm thiết kế: ……

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: ……do …….. Cấp ngày: ……..

- Địa chỉ: ……

- Điện thoại: ……

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): ……cấp ngày ……..

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: …… tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

…… ngày ……tháng ….. năm ……

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế: ……..

1.1. Tên: ……

1.2. Địa chỉ: …….

1.3. Số điện thoại: ……..

1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh: …….

2. Kinh nghiệm thiết kế: …….

2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:

a) ……..

b) ……..

2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:

a) Số lượng: …….

Trong đó:

- Kiến trúc sư: …….
- Kỹ sư các loại: …….

b) Chủ nhiệm thiết kế:

- Họ và tên: ……
- Số chứng chỉ: ……
- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì *(tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ)*: ……

c) Chủ trì thiết kế các bộ môn *(kê khai đối với tất cả các bộ môn)*:

- Họ và tên: ……..
- Số chứng chỉ: ……
- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì *(tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ)*: ……

……., Ngày …… tháng.... năm ....
Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế
(Ký ghi rõ họ tên)

8. Cấp giấy phép di dời công trình đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. Mã số TTHC: 1.007285. 000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

- Kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa. Khi thẩm định hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải xác định tài liệu còn thiếu, tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Trường hợp việc bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo đến chủ đầu tư về lý do không cấp giấy phép.

- Căn cứ quy mô, tính chất, loại công trình và địa điểm xây dựng công trình có trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm đối chiếu các điều kiện theo quy định để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

- Đối với công trình kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời hạn quy định, nếu các cơ quan này không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; cơ quan cấp giấy phép xây dựng căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai nơi công trình sẽ

di dời đến và giấy tờ hợp pháp về quyền sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ tổng mặt bằng, nơi công trình sẽ được di dời tới tỷ lệ 1/50 - 1/500.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200, mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 tại địa điểm công trình sẽ di dời tới.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính phương án di dời gồm

+ Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình;

+ Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.

- Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại mục 3, mục 4 Điểm này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

Lưu ý: Ngoài các tài liệu quy định đối với mỗi loại công trình nêu trên, hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung thêm các tài liệu khác đối với các trường hợp sau:

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế theo mẫu tại Phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.

+ Đối với nhà ở riêng lẻ dưới 03 tầng và có tổng diện tích sàn xây dựng nhỏ hơn 250 m^2, hộ gia đình có thể tự tổ chức thiết kế và chịu trách nhiệm về an toàn cho công trình và các công trình lân cận.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản cam kết bảo đảm an toàn cho công trình liền kề đối với trường hợp xây dựng nàh ở riêng lẻ có công trình liền kề.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định đầu tư đối vớicông trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng.

- Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với nhà ở riêng lẻ: Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với công trình: Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế trình xin cấp giấy phép xây dựng có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ.

h) Lệ phí:

- Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đông.

- Đối vơi công trình: 150.000 đồng

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

- Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)

Kính gửi: ……

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ): ……..
- Người đại diện: …… Chức vụ (nếu có): ……**.....**
- Địa chỉ liên hệ: …… **..**
- Số nhà: …… Đường/phố ……. Phường/xã ……..
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố: …….
- Số điện thoại: ……**.....**

2. Thông tin công trình:

- Địa Điểm xây dựng: …… **.....**
- Lô đất số: ……. Diện tích ……. m2.
- Tại số nhà: ……. Đường/phố ……**.....**
- Phường/xã …….. Quận/huyện ……**.....**
- Tỉnh, thành phố: ……**.....**

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Đối với công trình không theo tuyến:

- Loại công trình: …….. Cấp công trình: ……
- Diện tích xây dựng: …… m^2.
- Cốt xây dựng: …… m
- Tổng diện tích sàn: ……m^2 *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

- Chiều cao công trình: ……..m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

- Số tầng: *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

3.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……

- Tổng chiều dài công trình: …….. m *(ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố)*.

- Cốt của công trình: ……..m *(ghi rõ cốt qua từng khu vực)*

- Chiều cao tĩnh không của tuyến: …….. m *(ghi rõ chiều cao qua các khu vực)*.

- Độ sâu công trình: ……m *(ghi rõ độ sâu qua từng khu vực)*

3.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……..

- Diện tích xây dựng: …….m^2.

- Cốt xây dựng: ……m

- Chiều cao công trình: ……..m

3.4. Đối với công trình quảng cáo:

- Loại công trình: …….. Cấp công trình: ……

- Diện tích xây dựng: ……..m^2.

- Cốt xây dựng: ……..m

- Chiều cao công trình: …….m

- Nội dung quảng cáo: …….

3.5. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình: ……..

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): ……m^2.

- Tổng diện tích sàn: ……..m^2 *(trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

- Chiều cao công trình: ……..m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

- Số tầng: *(trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

3.6. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: …… Cấp công trình: …….

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): …….m^2.

- Tổng diện tích sàn: …….m^2 *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

- Chiều cao công trình: …….m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

- Số tầng: *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

- Thông tin về số, ngày cấp, cơ quan cấp giấy phép xây dựng:…….

3.7. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến:

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……

+ Diện tích xây dựng: …….m^2.

+ Cốt xây dựng: ……m

+ Chiều sâu công trình: ……m *(tính từ cốt xây dựng)*

- Giai đoạn 2:

+ Tổng diện tích sàn: ……..m^2 *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

+ Chiều cao công trình: ……m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

+ Số tầng: *…....(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

3.8. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……

- Tổng chiều dài công trình theo giai đoạn: ……m *(ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố)*.

- Cốt của công trình: ……..m *(qua các khu vực theo từng giai đoạn)*

- Chiều cao tĩnh không của tuyến: ……..m *(ghi rõ chiều cao qua các khu vực theo từng giai đoạn)*.

- Độ sâu công trình: ……m *(ghi rõ độ sâu qua các khu vực theo từng giai đoạn)*

3.9. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án: ……

+ Đã được: …….phê duyệt, theo Quyết định số: ……. ngày ……

- Gồm: *(n)* công trình

Trong đó:

+ Công trình số *(1-n)*: *(tên công trình)*

* Loại công trình: …….. Cấp công trình: ……

* Các thông tin chủ yếu của công trình: ……

3.10. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: ……. Cấp công trình: ……..

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): ……m^2.

- Tổng diện tích sàn: ……m^2.

- Chiều cao công trình: ……m^2.

- Địa Điểm công trình di dời đến: ……..

- Lô đất số: …… Diện tích ……m^2.

- Tại: …… Đường: ……..

- Phường (xã) ……. Quận (huyện) …….

- Tỉnh, thành phố: …….

- Số tầng: ……..

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế: ……

- Tên đơn vị thiết kế: ……

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số ……. Cấp ngày ……..

- Tên chủ nhiệm thiết kế: ……

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: ……do …….. Cấp ngày: ……..

- Địa chỉ: ……

- Điện thoại: ……

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): ……cấp ngày ……..

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: …… tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

…… ngày ……tháng ….. năm ……

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế: ……..
1.1. Tên: ……
1.2. Địa chỉ: …….
1.3. Số điện thoại: ……..
1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh: …….
2. Kinh nghiệm thiết kế: …….
2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
a) ……..
b) ……..
2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
a) Số lượng: …….
Trong đó:
- Kiến trúc sư: …….
- Kỹ sư các loại: …….
b) Chủ nhiệm thiết kế:
- Họ và tên: ……
- Số chứng chỉ: ……
- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì *(tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ)*: ……
c) Chủ trì thiết kế các bộ môn *(kê khai đối với tất cả các bộ môn)*:
- Họ và tên: ……..
- Số chứng chỉ: ……
- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì *(tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ)*: ……

……....., Ngày …… tháng.... năm ....
Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế
(Ký ghi rõ họ tên)

III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh. Mã số TTHC: 1.002693.000.00.00.H10.

a) Trình tự thực hiện:

- Gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện sau đó được chuyển tới cơ quan được phân cấp quản lý cây xanh theo quy định của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh. Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ cơ quan được phân cấp quản lý cây xanh cấp giấy phép theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị nêu rõ vị trí chặt hạ, dịch chuyển; kích thước, loại cây và lý do cần chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị;

+ Sơ đồ vị trí cây xanh đô thị cần chặt hạ, dịch chuyển;

+ Ảnh chụp hiện trạng cây xanh đô thị cần chặt hạ, dịch chuyển.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá **15** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

g) Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép *(Theo mẫu tại Phụ lục 2 Ban hành kèm theo Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ)*

h) Phí, Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị *(Theo mẫu tại Phụ lục 1 Ban hành kèm theo Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ)*

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

- Luật Đầu tư ngày 24 tháng 11 năm 2014;

- Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

- Nghị định số 64/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị.

- Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CHẶT HẠ, DỊCH CHUYỂN CÂY XANH ĐÔ THỊ

Kính gửi: Cơ quan cấp giấy phép

Tên tổ chức/cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: …….. Fax: .....

Xin được chặt hạ dịch chuyển cây ……. tại đường ……., xã (phường): …….....…, huyện (thành phố, thị xã): .....

Loại cây: ……., chiều cao (m): …….. đường kính (m): ....

Mô tả hiện trạng cây xanh.....

.....

Lý do cần chặt hạ dịch chuyển, thay thế .....

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý cây xanh đô thị và các quy định khác có liên quan.

- Tài liệu kèm theo
- Ảnh chụp hiện trạng;
- Sơ đồ vị trí cây (nếu có).

……, ngày ... tháng ... năm …….

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)